INDO-CHINOIS
1705

IN LẦN THỨ HAI

ĐOÀN-TRUNG-CÒN

TRUYỆN PHẬT THÍCH-CA

Cabiameum

Muốn được an-lạc,
không nên quá vui chơi,
cũng không quá nhọc nhằn.

XUẤT BẢN TẠI

ĐOÀN-TRUNG-CÒN
2, RUE SABOURAIN
SAIGON

1932

IMPRIMERIE BUI-VAN-NHAN BENTRÉ

Dépôt légal le 19 Février 1932
Tirage 1000 exemplaires.

ĐOÀN-TRUNG-CÒN

2, RUE SABOURAIN

— SAIGON —

LẦN LƯỢT XUẤT BẢN

Sách khảo-cứu về triết-lý và đạo đức nhà Phật.

Mỗi cuốn là. . . . . 1$00.

Cứ vài tháng xuất bản một cuốn.

Quí ngài muốn có sách mỗi khi sách ra, khỏi lảnh theo cách lảnh hóa giao ngân thì gởi trước ở bổn-hiệu một số tiền từ 5$00 sấp lên đặng bổn-hiệu vào sổ cho tiện.

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người góp nhặt Huỳnh Chiếu Đẳng)

TRUYỆN

PHẬT THÍCH-CA

1.— Đức mẹ nằm chiêm bao.

Khi xưa, ở xứ Tây-tạn gần núi Hi-mã lập-sơn có một thành đẹp đẽ vô cùng. Quang-cãnh rực-rở nhiều, trong vườn có hoa thơm, màu đẹp; bên tường có tiếng quyên gọi đầu cành; nhà cữa, lầu đài, có vẽ tươi-xinh sắc xảo, tưởng không kém cảnh Bồng-lai. Đâu đâu cũng đều được phong-phú, yên vui, châu gấm ngọc ngà chiếu ra sáng lòa, hòa với vẽ đẹp của gái tốt trai lành, với vinh-thụ nguy nga, với lẫn thái-dương đỏ-đỏ, hồng-hồng, với bóng trăng xám-xám, xanh-xanh trên những cành mai cụm liễu.

Khắp trong thành đều được bình tịnh, yên vui, dân vừa ca-ngâm vừa cày cuốc, cùng là dệt vải hái dâu, trên thì có vua Sư-đà-na (Couddhodana) là người đại-độ, khoan-dung, hiền-hậu và công-bình. Trước kia, ngài là tay tòng chinh rất đởm-đương, từng khoát áo, cầm binh mà dẹp an bờ cỏi; nay nước được hòa-thạnh, ngài lo trị quốc một cách hoàn toàn và có được nhiều tôi trung phò giúp.

Ngài là dòng Thích-Ca; Chánh-hậu là bà Mã-Giang (Mâya) người có sắc đẹp, đức dày. Vua và Hoàng-hậu đối-đải nhau rất đẹp và cã hai đồng lo việc phúc-lợi cho nước nhà.

Một hôm, Hoàng-hậu tấm gội sạch sẽ, mặc áo đoan-trang, đeo đồ qui-xảo, bà đến vườn hoa kiếm vua mà tâu rằng: «Muôn tâu Bệ-hạ, thần thiếp muốn cầu xin Bệ-hạ phê cho một it điều ».

Vua liền cười và phán rằng:

— Qui phi muốn điều chi, nói cho quã-nhơn nghe thữ nào!

BIBLIOTHÈQUE A.F.E.O. IMPRIMÉS

— Tâu Bệ-hạ: Thần thiếp trông thấy người đời phải lắm tân-khổ nên thần-thiếp chán lắm rồi! Từ đây thần-thiếp vừa tiếp giúp người lại vừa tu-chỉnh tánh-tình và mong cho sau nầy thần thiếp không còn có bụng tục-trần.

Bà nín giây lát, đức vua ngó bà mà mỉn cười và có vẽ trân trọng nhiều. Bà bèn tiếp:

— Từ đây thần-thiếp không còn biết sướng với những cuộc vui ở cỏi đời, thần-thiếp mong sao cho được thong-dong ở một từng lầu cao, bốn bề có phụng múa, hoa chào; tiếng hạt bay, tiếng chim gọi, mùi hương thơm, cảnh trời đẹp là những cái sở thích mà thần-thiếp mong, chớ thần-thiếp không còn muốn bận lòng đến những kẽ trong cung, mà những kẻ ấy làm cho thần-thiếp bận lòng nhiều. Một mình trên lầu, trong là giường, nệm trang-hoàng, ngoài là trời thanh gió mát, thần-thiếp mới hưởng được một vài tư-tưởng thâm trầm.

Hoàng-hậu nín lặn, vua bèn phán rằng:

— Điều qui-phi muốn đó, quã-nhân rất hoan-nghênh Hoàng-hậu đứng dậy và tâu nữa rằng:

— Thần-thiếp rất cãm tạ lòng Hoàng-thượng và mong rằng Hoàng-thượng sẽ xá-tội mà tháo củi xổ lồng cho những kẻ rách áo, đói cơm, Hoàng-thượng sẻ rảy đức cho dân nhờ.

Đức vua gặt đầu, Hoàng-hậu bèn lụi về cung.

Bây giờ Hoàng-hậu lấy làm thõa-thích với cảnh tượng êm-đềm; trời êm tịnh, thoảng mãng có tiếng hạt, tiếng quyên, kìa những cành hoa thơ-thướt bên hồ, những tòa sen đương nỡ dưới hồ.

Một hôm nhằm đầu mùa xuân, Hoàng-hậu nằm mộng thấy một điềm.

Bà thấy một thớt bạch-tượng bắt từ trên trời bay xuống đầu có ba cập ngà. Bà thấy bạch-tượng vào lòng mình và liền đó thần-tiên hiện xuống chầu chực và ca tụng cho bà. Lúc bấy giờ bà nghe trong mình khỏe-khoắn và nhẹ-nhàn, bà lấy làm vui vẽ vô cùng.

Khi thức dậy thì hơi trầm hảy còn thơm và những dọng hát, những tiếng nói thanh dường như hảy còn thoãng bên tai và lối mầng chưa nguôi, mầng nầy còn có mầng nào là hơn.

Bà bèn bước xuống lầu, đi ngay ra vườn hoa, cho mời vua.

Hoàng-thượng vưng theo lời, đoạn ra ngay huê-viên. Nhưng vừa đến nơi thời cảm-giác rất lạ-lùng, vua ngất người ra, chơn muốn quì, tay bắt run, mắt phải lòa. Ngài nghỉ rằng: « Ta đả từng vào sanh ra tử, không bao giờ run-sợ như lần nầy, cho đến đổi đi không được, nói không ra. Ta thật không hiểu rồi ! »

Vừa lúc ấy, trên không có tiếng bảo rằng :

«Ta mừng cho vua Su-đà-na ! Ngài sắp có con là người sẻ tế-độ cho chúng-sinh trong cỏi trầm-luân. Người ấy sắp vào nhà Ngài là một nhà có đạo đức hơn trên đời, làm con của Hoàng-hậu là người hiền nhứt trong đời. »

Vua nghe liền bái-tạ, đoạn vào vườn lấy làm hớn-hở vô cùng.

Vua thấy Hoàng hậu thì phán rằng:

— Quí-phi mời ta, có việc cần chăng ?

Hoàng-hậu bèn đem điềm khi hôm mà tâu và muốn đời vài nhà sư bà-la-môn (1) đến bàn cho.

Vua gặt đầu, bèn sai người triệu mấy ông bà-la-môn biết giải điềm. Cả thảy nghe xong bèn tâu rằng:

— Muôn tâu Bệ hạ theo điềm trong mộng thời Hoàng-hậu sẽ trổ sanh Thái-tử, ngài là người đích-đáng hơn hết trong trời-đất nầy. Và như ngày sau Thái-tử thấy cuộc đời dâu bễ, thấy lắm nổi tang-thương mà chạnh lòng muốn cứu vớt những kẻ chìm nổi nơi sông-mê bể-khổ, thì ngài sẽ là người mà muôn đời về sau thờ-kỉnh và sùng-bái vậy.

Vua và Hoàng-hậu nức-nở mầng, bèn bố-thí cho nhơn dân những gạo, vải, của tiền. Bá tánh đều chen nhau mà xem cho được Hoàng-hậu, chen-lấn chật đường; những kẽ tật-bịnh được bà trông vào thì liền được lành, điếc được nghe, mù được thấy, bại được đi...

Cả thảy dân sự đều ca tụng công-đức của nhà vua.

---

(1) Đạo Bà-la-môn rất thạnh-hạnh bên Ấn-độ.

2.— Thái-tử ra đời

Thì giờ thấm thoát lại qua, bỗng đến ngày Thái-tử sắp ra đời. Một hôm, Hoàng-hậu dạo vườn, thấy những hạt mủa, công chầu; ngồi trên kiệu mà trông sang những hoa tươi, lá đẹp, bà thật là hớn hở. Bà bước xuống kiệu mà lần bước dạo xem, bỗng thấy xa xa có cây qui báu hoằng-hoại đơm bông. Bà lại gần, toan vịnh một cành hoa, nhưng vừa lúc ấy cả người đều ngất. bà đứng lặng một hồi. Thế-nử vội đở thì nâng lên một trẻ rất tươi. Bà tỉnh lại, mĩn cười.

Lúc ấy đâu đâu cũng đều có tuồng vui-vẻ lạ thường, quả địa-cầu dường như củng biết cảm mà rung rinh. Bên trời tiên nử múa hát dịu-dàng; khắp thế giới, các thứ cây đều trổ trái chin, đơm hoa thơm. Yến-sáng trên cao chói xuống rất rõ-ràng. Tức thời kẽ đau được mạnh, kẻ đói được no, kẽ điên được tỉnh, kẻ tật được lành, kẻ nghèo được sang, kẻ dữ hóa hiền.

Có người sang cho vua hay, vua rất mầng liền vào vườn hoa với triều-thần và những thầy bà-la-môn. Vua nghiêng mình chào Thái-tử, các quan đều làm theo. Vua phán rằng: « Trầm đặt tên Thái-tử là Sĩ-đạt-ta ».

Kế mấy thầy bà-la-môn đều ca lên rằng:

« Thái-tử ra đời, từ đây trở đi, đường đời không còn chông-gai, ngài sẽ làm cho chúng-sinh được an-nhàn. Thái-tử ra đời, mặt trời và mặt trăng tuồng như đả lu-lờ, là vì hào-quang của ngài sáng vô cùng, ngài sẻ làm cho cảnh trần trở nên quang-minh. Thái-tử ra đời, lở được thấy, điếc được nghe, điên được tỉnh, dại được khôn; ngài sẽ mở tai mắt, khai tri-thức cho người. Thái-tử ra đời, đau được mạnh, bịnh được lành; ngài sẻ cứu vớt cho người

3.— Ông bụt đoán vận-mạng

Trong xứ có một ông bụt tên Á-sử-đa (Asita), nhà có tín ngưởng-thâm-thúy, cao-xa, biết Hoàng-tử mới ra đời là người sẻ dang tay tế-độ cho chúng-sinh. Ong mặc cà-sa và đến chầu vua.

Hoàng-thượng kính mến ông nhiều, vì ông là người có tuổi, lại có tài-đức, biết được việc thiên-cơ, tiếp rước ông theo lễ-phép và phán rằng:

« Nhà trẫm mới trổ sanh một trai, mà nay được ngài đến viếng, thế thì nhà trẫm sẻ được hạnh phúc lắm rồi !

Nhân nay ngài đến, có việc chi dạy bảo, trẫm vâng ngay, xin ngài chiếu cố cho.»

Ong bụt lấy làm vui đẹp, tâu rằng:

— Bệ-hạ là một nhà vua khoang-dung, hiền-hậu, biết thương kẻ khó, trọng người hiền, mến nhà nho, nên Trời ban phúc cho vậy.

Tôi có nghe thần linh báo mộng rằng Bệ-hạ sanh được Hoàng-nam, sau nầy Hoàng-nam sẽ tầm được đạo mà dìu dắc người đời. Được lời mộng, tôi liền vào chầu Bệ-hạ, và mong yết kiến Thái-tử luôn.

Hoàng-thượng nghe qua, thật quá đỗi mầng, bèn vào trong đem Thái-Tử ra trao cho bụt Á-sử-đa (Asita).

Ông trông Thái-Tử có vẻ khác phàm, xem một chập lâu rồi giao lại cho vua mà thở dài. Vua thấy cặp mắt ông bụt có đượm giọt lệ, thời lấy làm sảng sốt, muốn nhờ ông minh bạch ra cho.

Vua phán :

« Ngài đã thốt rằng Thái-tữ không phải kẻ phàm; ngài đả cho rằng nhà ta có phúc-hậu nhiều; ngài đả độ rằng sau nầy công nghiệp Thái-tử sẽ được vẻ-vang, nhưng sao ngài ngó Thái-tử mà có vẽ u-sầu, giọt hồng chang-chứa, thật trẫm chưa hiểu được? »

— Muôn tâu Bệ-hạ! Không có đều gì lo ngại đâu. Thái-

tử sẽ có được muôn nghìn công-nghiệp vinh-quang, xin Bệ-hạ chớ buồn. Nhưng tôi lại ưu-sầu vì tôi, phiền cho tôi, tiếc cho tôi. Thái-tử nay đả ra đời là đến cái thời-kỳ mà tôi nên lánh cỏi đời. Đây rồi ngài không màng đến mồi phú-qui ở hoàng-thành, ngài không tưởng, đến lối dục tàm, ngài sẽ thấy sự thật. tinh-thần ngài sẽ túa cã hào-quang mà chói trên cảnh trần, làm cho tan hết nhửng điều mờ tối khi xưa. Ngài sẻ cứu người, một tay một thuyền xông ra trận sông-mê bể-khổ mà vớt lấy biết bao kẽ nổi-chìm.

Nhửng kẻ ấy hãy còn u-ám, ngài lại dạy cho biết nghĩa vụ, biết thương đời, rồi ngài chỉ con đường ngay cho khỏi lạc-lầm. Còn những kẻ phải ngọn lửa lòng đốt mãi thời ngài dùng một cụm mây làm thành mưa mà tưới cho nguội lạnh đi. Gặp những kẻ bị nô-lệ trong khám dục-tâm, hằng ngày kêu van than dài, thời ngài là tay sổ lồng cho, ngài phá nhửng bức tường cao mà đem nhửng anh tội ấy ra ngoài không-khi tự-do.

Thái-tử sẽ là như thế, còn tôi đây đả công-phu trên 6, 7 mươi năm trời, bao phen chịu đói, rét chỉ dùng hoa-quả với nước bên khe, một mình ở non-cao mà tầm tư-tưởng, đến nay chẳng thấy hiệu-quả gì: nghỉ vậy nên phãi tủi, phải buồn; xin Bệ-hạ yên lòng ! »

Vua Sư-đà-na được nghe ông bụt tâu thời vui mầng cho Thái-tử về sau. Kế ngài có vẻ lo và tưởng rằng: « Con ta không màng đến những sự vui-sướng trong hoàng-thành, lại bỏ dinh-thự mà đi tu-luyện ở núi non, thế thì ta không trai kế vị, dòng họ ta phải tuyệt đi rồi ? »

Nhưng ít hôm sau vua hết buồn, hết lo, là vì từ khi Thái-tử ra đời thời nước trở nên hưng vượng vô cùng. Ruộng đất phì-mỷ, đồng cỏ tươi-xanh, kẽ cuốc, người cày-kẽ trồng, người dệt, kẻ giử chiên, người giử bò; kho vua càng thêm thạnh, ngựa vua càng thêm nhiều tượng vua càng thêm mập, tôi vua càng thêm đông.

Hoàng-hậu nức-nở mừng mà được trổ sanh Thái-tử, bà mầng cho đến đổi phải tắt hơi : bảy ngày sau bà du-tiên.

Bà có một người em gái tên là Mả-lang-ra-thị củng đẹp-đẻ, cũng đức hạnh như bà. Bà Mả-lang-ra-thị (Mahâprajâpâti) thương Thái-tử lắm, bèn lo trông nom cho Thái-tử trở nên ngộ-nghỉnh vô cùng, ngộ như trăng rằm, ngộ như bóng dương mới lộ ra ở biển đông!

Đồ chơi toàn là gấm, nhiễu, ngọc, ngà. Bà Mã-lang-ra-thị lại còn đeo cho Thái-tử những chuỗi, vồng, những vàng, ngọc. Nhưng gần mình Thái-tử các món ấy trở nên mờ tối đi, vì hào-quang của ngài túa ra cho đến sao tỏ, trăng thanh, trời đẹp củng đều thua xa.

Một hôm, vua muốn dời Thái-tử vào viếng chùa, ngài mĩn-cười mà vâng theo, sau chân hộ-vệ theo rần-rộ, chật đường.

Đến chùa, vua nắm tay dắc Thái-tử vào. Ngài vừa để chơn đến thềm thời những đấng thờ trên các bàn, nào là Çiva, nào là Skanda, nào là Vishnou, nào là Kouvéra, nào là Indrâ, nào là Brahmâ, đều đứng dậy, ra nghinh-tiếp và qui trước ngài mà rằng:

"Thái-sơn đâu có hạ mình trước hòn đá cỏn-con, Đông hãi đâu có hạ mình trước hột mưa nhỏ nhít, vầng Thái-dương đâu có hạ mình trước lằn đớm lu-lờ, đấng tạo thành nên đạo đâu có hạ mình trước chư thần, chúng tôi như hòn đá cỏn-con, hột mưa nhỏ nhít, lằn đớm lu-lờ, còn ngài như Thái-sơn, Đông-hải, vầng Thái-dương. Xin ngài biết cho!"

4.— Thạm thiền lần đầu.

Thái-tử lớn lên, vua bèn đem thọ-giáo chung với các thế-tử, có thầy Việt-lảo-minh-tri (Vicvâmitra) dạy cho. Đồ dùng đã sắm xong, với băn ngọc viết vàng. Hôm ấy là buổi học khai tâm, Thái-tử hỏi rằng:

Thưa thầy, thầy tính dạy con thứ chữ gì?

Ngài liền đọc một hơi tất cả sáu mươi bốn thứ chữ. Ngài hỏi tiếp:

— Thưa thầy, trong sáu mươi bốn thứ chữ ấy, thầy dạy con thứ nào?

Thầy Việt-lảo-minh-tri ngạt nhiên, không đáp lại được. Giây lát thầy nói rằng:

— Thái-tử đã thuộc hết rồi, cần phải học nữa mà làm gì, và tôi có biết đâu mà dạy. Chính mình tôi cũng không biết tên đủ các thứ chữ mà Thái-tử nói khi nảy đó.

Thái-tử cười rồi kiếu ra, bèn đi vào miệt thôn-quê. Trời nắng chan-chan; chói rất nặng nề trên quãng đồng mông-minh. Thái-tử xem có một lùm cây, đến thấy một cây đẹp lắm, bèn ngồi tránh nắng; đoạn ngài suy nghĩ giây lát thì cả người đều lặng thinh, ngài đã để tâm cả vào đường tư-tưởng, ngài tham thiền.

Vừa lúc ấy có năm ông sư đi ngang, trông thấy, bèn bàn với nhau rằng:

«Húy! Ông thánh nào hiện xuống đấy ạ?»

Chưa dứt lời, liền nghe có tiếng rằng:

— Không có thánh nào sánh kịp đức Thích-ca, các ngươi chớ lầm.

Mấy ông sư đồng nói rằng:

«Ờ! Ông nầy có vẽ khác lắm, ông rất tươi tỉnh dưới bóng cây!»

Đoạn mỗi người đều khen, ông đi trước nhứt khen rằng:

«Hiện nay hồng-trần như bị một vừng lữa nó thiêu, ông nầy như một đám mưa, mưa tưới tắt lữa. Đạo ông sẻ làm cho mát-mẽ con người».

Ông đi kế nói :

« Hiện nay hồng-trần phải đốt-nát tối-tâm, ông nầy tuồng như một ngọn đuốc. Đạo ông sẽ sơi sáng con người ».

Ông thứ ba nói :

« Hiện nay bể khổ mênh-mông, hồng-trần phải chìm đấm giữa vời. Ông nầy như một chiếc thuyền to, vớt người mà đưa vào bờ. Đạo ông sẻ đưa rước người khỏi phải lở bước sảy chơn ».

Ông thứ tư nói :

«Hiện nay hồng-trần phải lầm than, khốn-khổ, ông nầy tuồng như giải thoát cho người. Đạo ông sẽ mở rộng đường cho người. »

Ông thứ năm nói:

« Hiện nay hồng-trần phải già khổ, đau khổ. ông nầy tuồng như cứu khổ, cứu nạn cho. Đạo ông sẻ làm cho sanh khỏi khổ, chết khỏi đau. »

Năm người đồng bái-tạ mà đi.

Vua Sư-đà-Na không biết Thái-tử đi đâu, bèn sai người đi kiếm khắp nơi. Có kẻ tầm đến thấy ngài đương mê trong cơn tưởng, bèn đứng nhìn và lấy làm lạ rằng đã xế rồi mà chỗ Thái-tử bóng hẩy còn nhiều như lúc ban trưa. Người ấy liền trở về báo tin để vua hay. Vua ra tận nơi, vừa mầng vừa khóc rằng :

« Thái-tử thật đẹp vô cùng, có lẽ chàng sẻ được hiệu-quả về sau.»

Vua trở về, không dám đánh thức ngài.

Nhưng có mấy đứa trẽ chạy trửng với nhau. Người hộ-vệ cũa vua liền bảo chúng nó rằng :

« Nầy mấy em đừng la.»

Mấy trẽ hỏi :

— Sao vậy?

— Em không thấy ai ngồi phia trên đó sao? Ấy là Thái-tử Sỉ-đạt-Ta (Siddharta), có bóng mặt trời che cho, các em không nên la.

Thái-tử vừa tỉnh lại, bèn đứng dậy mà ra về với vua cha.

5.— Thái-tử cưới vợ

Vua Sư-đà-na hằng nhớ đến những lời bàn cũa ông Á-sử-đa (Asita; Tàu dịch A-tư-đà) khi Thái-tử mới ra đời. Vua không muốn cho nhà mình mất dòng, nên nghỉ rằng:

« Để ta làm cho con ta hưởng lấy những mùi sung-sướng trong đời, có lẽ ta sẻ được cháu nội, thế thì nhà ta mới được hân-hạnh cho.»

Ngài bèn đòi Thái-tử vào và dạy rằng:

« Nay con trọng tuổi, đúng tuần cập kê, con coi nhà nào có gái vừa ý, cha sẻ định liệu cho.»

Thái-tử tâu rằng:

— Phụ-vương cho con suy nghĩ, trong bảy ngày con sẽ tâu lại với phụ-vương.

Thái-tử bèn xét rằng:

« Ta biết rằng con người vì sự muốn nên mới phải tai-họa vướng mãi chẳng thôi. Người ta như cây mọc trong rừng ham-chuộng, bởi ham-chuộng nên gốc rễ mới vướng các điều đau-khổ, các việc chiến-tranh dữ-dội, rồi ra bông lá cũng trở nên độc-địa, phạm nhằm ắt phải nguy: sự ham-chuộng nó đốt cháy như lửa, nó chém đứt như gươm. Ta chẳng phải như thường nhơn mà ham sinh-hoạt trong đám đàn-bà; phần ta nên mến cảnh thanh-tịnh ở chốn núi cao, nơi ấy thật đáng chỗ cho ta thỏa-thích vậy. Nhưng ta cũng riêng nghĩ cho rằng hoa sen có thế gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, mấy ông hiền xưa đều ăn-ở với vợ-con, với trần-thế mà cũng lập nên công-nghiệp cao-xa được vậy. Những ông ấy cũng đều phượng-chạ loan-chung, củng đều tiết lụt tham hồng!»

Đến ngày kỳ-hẹn, Thái-tử tâu với vua rằng:

«Con xin tuân theo ý phụ-vương. Và người mà con muốn kết hôn sẻ là người hoa xuân trăng rằm, sắc-xảo mặn-mà, yểu-điệu đoan-trang, đức-hạnh vẹn-toàn, trung-trinh đúng mực, không màng đến thức ăn-dùng, không thích se-sua,

không mê âm-nhạc, không thích nử-trang, không ưa hội-hàng.....Nếu phụ-vương biết người như thế thì xin liệu định cho con.»

Vua liền đòi một thầy bà-la-môn vào và khiến đi chọn vợ cho Đông-cung:

«Khanh rảo khắp trong xứ, mỗi nhà mỗi vào, xem xét những gái, bất kỳ là hạng nào, hễ có những tánh đẹp theo ý Thái-tử, xin phiền khanh cho trẫm hay.»

Thầy bà-la-môn đi cùng xứ, chọn không được một gái nào. Sau rốt đến nhà một ông quan tên Đường-đẳng-bá-ninh (Dandapâni) ông nầy có một gái là nàng Gương-Bang (Gopâ). Vừa thấy nàng thì thầy ta đã mầng. Đến chừng nói chuyện với Gương-Bang thầy chẳng ngớt khen thầm. Thầy trở về, tâu lại vua.

Vua tin, nhưng chưa được chắc ý, muốn cho Thái-tử chọn lại cho mình. Vua bèn sai người đi khắp các nơi rao rằng:

«Trong bảy ngày, Thái-tử đông-cung sẻ tặng vàng bạc cho các cô gái trong xứ, bửa ấy nhà ai có gái nên cho con tới đặng lảnh nử-trang.»

Đến ngày, Thái-tử ngồi trên ngôi vàng, phân-phát cho mỗi người. Nhưng cô nào đến gần cũng đều khiếp sợ, không dám ngước mặt lên mà củng không dám trông ngay. Có nhiều cô vì khiếp sợ quá mà đánh rơi đồ nử-trang của Thái-tử ban cho.

Đến phiên nàng Gương-Ban, nàng vào sau rốt, bước tới không khiếp sợ, mắt vẫn ngó ngay. Nhưng Hoàng-tử lại không còn một món đồ. Nàng vừa cười vừa tâu rằng:

«Thưa ngài, em có làm cho ngài phiền chăng?»

— Không, tôi đâu có phiền cô chút nào?

— Nhưng sao ngài lại làm ngơ đi?

Tôi đâu có làm ngơ với cô, nhưng cô đến sau rốt, tôi hết nử-trang rồi.

Thái-tư liền nhớ lại có đeo một chiếc nhẫn, bèn cởi ra trao cho cô.

Nàng không lấy và rằng:

— Em chẳng dám thọ lảnh chiếc nhẫn ấy đâu.

— Nó là của tôi, tôi xin tặng ngay cho cô.

— Em đâu dám, ngài tặng cho đồ dùng của ngài, em lại còn mong có mà tặng lại cho ngài.

Nàng bèn trở ra về.

Vua hay được, rất mừng, phán rằng:

«Chỉ có một mình nàng Gương-Ban trông ngay con ta mà thôi, thế thì chỉ có một mình nàng đáng cho con ta mà thôi.

Nàng không khứng lảnh lấy đồ dùng của con, thế thì nàng là người phụ giúp cho con vậy.»

Vua triệu cha nàng Gương-Bang đến mà phán rằng:

«Trẫm nghe khanh có gái hiền, trẫm mong khanh sẻ trao cho Thái-tử, khanh nghỉ sao?

Ông Đường-đẫng bá-ninh ngừng-ngại chưa tâu. Vua phán nửa rằng: «Điều ấy, khanh tính lẻ nào?»

Ông cứ thật mà tâu ngay rằng:

Tâu Bệ-hạ, tự bấy lâu Thái-tử sinh-hoạt trong cảnh mềm-mại ở hoàng-thành, không ai biết được chàng tài trí thế nào. Bệ-hạ có lẻ cũng biết cho rằng dòng nhà tướng của chúng tôi hằng đưa con cho những người có trí, có tài, chớ không bao giờ giao về với những kẻ chỉ theo cuộc truy-hoang.»

Vua nghe rất buồn, không muốn cho Hoàng-tử hay. Chàng được tin ấy, bèn cười mà tâu rằng:

«Đó là chuyện rất dễ, xin Phụ-vương chớ để lòng lo. Phụ-vương cứ truyền rao cho trong xứ bất kỳ ai có tài nghề gì hay nên đến tranh với con, rồi Phụ-vương sẽ biết con là người thể nào.»

Vua được vững lòng và truyền rao rằng:

«Trong bảy ngày, bất luận là quan, dân, ai có tài nghề gì hay thời cứ việc đến tranh đấu với Đông-cung.»

Hôm ấy, có ông Đường-đẫng bá ninh dự, ông hứa sẽ đưa con mình cho người nào tài-trí vẹn-toàn.

Ban đầu có một người thanh-niên, văn cao chử giỏi, muốn tranh chức vô địch về nhà nho. Nhưng ông hiền Việt-lảo-minh-trí (Viçvâmitra), giáo-sư cũa các thế-tử trong thành, bước ra và nói rằng:

« Tôi thiết tưởng ngài không cần phải đấu làm gì. Lúc Thái-tử còn bé, Hoàng-thượng giao cho tôi dạy học, lúc ấy người đã thuộc sáu mươi bốn thứ chữ rồi mà tôi đây cũng không biết được tên !»

Ông văn-sĩ ấy vừa nghe ông giáo-sư nói thì trở vào không dám tranh.

Kế sang qua phe toán. Có chàng Á-tường-năng (Arjouna) học rộng và có thiên-tư, từng nổi danh là người toán cao; chàng vừa bước ra, Thái-tử liền đối một câu, chàng lúng-túng không biết trả lời.

Thái-tử liền phán rằng:

« Vấn-đề ấy dễ lắm, đây là một vấn-đề nửa dễ hơn, ai đáp lại xem nào ? »

Cả đám đều lặng thinh.

Thái-tử phán nửa rằng:

« Bây giờ có ai ra đề đi, ta xin đáp cho.»

Nhiều người chen nhau hỏi nhiều câu, tưởng rất khó, nhưng chưa hỏi xong thời Đông-cung đã giải ra rồi.

Thái-tử bèn tiếp:

« Còn chàng Á-tường-năng đâu, ra đề đi ! »

Chàng nầy hỏi nhiều câu rất cao, nhưng Thái-tử chẳng hề đáp không xong.

Thi toán rồi, ai nấy đồng nhận Thái-tử là tài. Sang qua bên võ, bấy-giờ không ai còn chắc cho Đông-cung. Ban đầu chạy đua, Thái-tử lướt đến trước một cách dễ-dàng. Đến khi đấu võ, Sĩ-đạt-ta vừa đụng đến thời những tay anh-hùng đều ngả ngay ra. Đoạn đem cung tên vào. Có nhiều người bắn giỏi, công-chúng vỗ tay khen. Đến phiên Thái-tử ra, chàng vừa giương lên thời cung gãi làm hai, ai nấy đều nhăn mày. Vua sai quân vào chùa, khiêng một cây cung to ra mà từ mầy trăm năm không ai có sức cầm. Đông-cung tiếp lấy cung tên, giương ra, nhắm một cây ở xa tít, bắn ra một phát, tên đâm ngang qua cây to ấy và còn sức lướt tới đến một đồi xa rồi rớt ngay xuống đất và biến mất. Chỗ ấy sau thành một cái giếng rất sâu.

Tranh đấu vừa xong, Thái-tử lảnh chức vộ-địch. Đoạn người đem một thớt bạch tượng đến dâng, ngài liền cởi

chạy khắp trong thành. Nhưng có một tướng ngở mình là mạnh, bèn nắm lấy vòi con bạch-tượng và đánh một thoĩ. Con bạch-tượng té xiều.

Thái-tử ngó và quở tướng ấy rằng:

« Ngươi làm như vậy là khiếm nhả lắm »

Ngài bèn lấy chơn mà rờ con bạch-tượng, nó liền đứng dậy như không.

Mọi người đều vỗ tay khen ngợi. Vua rất mầng. Ông Đường-đẳng-bá ninh lấy làm hân hạnh bèn nói với nàng Gương-ban: « Con ôi! Chồng con là một người văn-vỏ song toàn, thật đích đáng lắm rồi! »

Thái-tử được vợ, ngài lấy làm vui dạ. Còn vua thời yêu Thái-tử lắm, thường hay trông-nom và nhứt là điều-đình không cho việc gì xảy ra có thể làm cho Thái-tử buồn. Vua cất cho Thái-tử ba cái đền, một cái để cho Thái-tử nghỉ lúc mùa đông, một cái để tránh nắng mùa hè, và cái thứ ba để ở khi mùa mưa. Vua không muốn cho Thái-tử đi dạo chơi xa, ngoài hoàng-thành.

Bấy giờ Thái-tử ngồi trên mấy từng lầu cao, trắng như mây mùa thu, đẹp như xe tiên-nữ, Thái-tử vui sướng lắm, mỗi ngày đều yến-ẩm vui vầy, có những cung phi ca hát thanh-tao, múa rất dịu dàng. Thái-tử tưởng không còn cảnh nào vui-đẹp bằng nên chưa biết *già* là gì, *bịnh* là gì, *chết* là gì.

Vua cha thấy con như thế nên mầng lắm, còn phần mình lại giữ rất trong sạch, không còn ham-chuộng những cuộc vui, trận cười, không còn hành-phạt con-dân, lại bố-thi ra, ăn-ở hiền-lành. Có một đôi khi xảy ra một hai việc lôi-thôi, người dẫn kẽ tội-nhơn đến vua. Ngài không quở phạt, lại khuyên-lơn mà tha ngay. Trong xứ từ quan chí dân ai ai củng đều lấy gương nhà vua mà cư xữ, chẳng bao lâu trong nước được nổi tiếng là đạo-đức và hiền từ.

Vợ Thái-tử lại trổ sanh một trai. Vua thấy dòng nhà mình được truyền thêm thi đẹp lắm. Từ đây vua hiền-đức lắm, vừa sữa tánh, tu thân lại vừa rảy khắp muôn đều lành. Tuy vậy vua chưa được vững lòng về Thái-tử, nên không bao giờ để cho Thái-tử lo phiền; bao giờ cũng lo-lắng cho Thái-tử hân-hạnh thêm.

6.— Ba lần gặp khổ

Một hôm, nhằm đầu mùa xuân, có người đến tâu với Thái-tử rằng cảnh trời sáng sũa, có cỏ, có hoa, có chim tốt, có gái lành, có vườn đẹp,có ruộng xanh; nhân-vật đâu đó đều có vẽ tươi-cười như chào xuân. Thái-tử ở lâu ngày trong cung, nay nghe vậy thì vui, ngài định đi xem phong-cảnh ngoài thành. Vua không biết làm sao ngăn ngừa, đành để cho Thái-tử dạo chơi.

Nhưng vua nghỉ rằng: «Nếu Thái-tử thấy những thảm trạng ngoài đường ắt chàng không yên lòng, ta muốn cho chàng không thấy những sự buồn. Vậy ta nên truyền cho những dân đau-khổ, những kẽ nghèo-khó, tật-bịnh đều tránh ra xa.»

Vua đòi Thái-tử và bịn-rịn một chập lâu mới để cho Thái-tử đi.

Thái-tử ngồi trên-xe vàng, có bốn con ngựa bắt kế bằng vàng và dây cương củng bằng vàng.

Khắp trên đường đều có kết-tụi, giăng bông. Bao nhiêu những người trên đường chờ cho Thái-tử đi qua đặng xem, đều là trai lành, gái tốt, ăn-mặc rở-ràng, mỗi người đều trầm-trồ và khen. Thái-tử củng đẹp dạ lắm.

Bấy giờ Thượng-đế sai thiên-thần hiện xuống làm một lảo-già. Thái-tử đi một chập, thấy một ông lảo đi lụm-cụm, tay nương gậy, lưng đã khòm, chơn lại run, còn răng đều rụng; nhăn-nhó xấu-xa, trông thấy mà sầu lòng. Thái-tử thấy ông ấy lạ hơn những bực trai-tráng trong thành, bèn phán hỏi tên đánh xe rằng: «Nhà ngươi có biết người đi rất nhọc-nhằn đó là ai chăng? Sao lại mình-mẩy chỉ còn da bọc xương, tay chơn run-rẩy không còn đi đứng vững-vàng? Người thường, trời sanh ra hay là yêu-tinh chi mà lạ vậy?»

Tên đánh xe muốn trã lời cho vừa ý Thái-tử, nhưng tuồng như có cái sức gì nó ngăn đi, nên lúng-túng một chập rồi tâu rằng:

«Người ấy là một lảo già! Già là hại! Bao nhiêu những

đều vui-sướng đều không còn hưởng được như xưa ! Hễ già thời hết đẹp, hết mạnh, hết vui, hết tri, hết hay, lại phải lo lo, rầu rầu, phải khổ-nhọc nhiều bề. Ông lảo ấy hồi trẽ củng cha-mẹ sanh ra, rồi trọng lên cũng tốt trai, cũng mạnh-mẽ, cũng vui-chơi, cũng có vợ, có con, mà nay tuổi già nên ra tuồng khô-héo như cây về đông.»

Thái-tử lấy làm cảm-xúc, bèn phán : « Đày rồi chừng ta già, biết có như thế không ? »

Tên đánh xe tâu :

« Về phần ngài, ngài cũng có cha mẹ sanh ra, ngài cũng lớn lên, thế ngài cũng không tránh khỏi cái già ! Đây rồi trọng tuổi thêm thời sức ngài lại yếu đi, vẻ tốt ngài lại lu-lờ đi.»

Thái-tử nghe nói lấy làm sảng-sốt, bèn thở dài và lắc đầu. Ngài nhìn lảo-già ấy một chập, đoạn nói rằng :

« Hễ đến tuổi già thời phải xấu hình, mất sức, lảng trí, đau thân, điếc tai, lờ mắt....., thời chẳng là một câu chuyện buồn lắm ru ! Thôi nhà ngươi quày xe cho ngựa trở về, mắt ta chỉ thấy cảnh già, trí ta chỉ tưởng cảnh già, thời còn chi thích mà dạo chơi !»

Từ đây Thái-tử không còn vui như xưa.

Ngài về đến dinh, nhưng không được an lòng. Ngài đi phòng nầy, sang phòng kia, mắt ngó xuống đất và than rằng : « Ôi già ! Khổ chưa !»

Ngài lấy làm buồn, bèn định dạo chơi một hôm nữa.

Lần nầy lại có một người tật bịnh đón đường. Thái-tử trông thấy, nhìn giây lát bèn hỏi tên đánh xe rằng :

« Ngươi có biết người ấy là người gì chăng ? Sao lại vừa đi vừa té, ngã-nghiêng ngã-ngửa, đụng mấy người qua đường ? Sao lại bụng to mà tay ốm ? Sao lại mặt xanh-xao, hình ghê-gớm, vừa đi vừa rên la ? »

Tên đánh xe liền tâu :

« Người ấy xưa cũng đẹp, cũng vui, mà nay phải tật bịnh cho nên hình thể rất gớm-ghê.»

Thái-tử ngó người ấy mà thương-tâm bèn phán nữa rằng :

— Tật bịnh có riêng cho người ấy hay là nó vướng mọi người.

«Nó không tha-thứ ai, cả hoàn-cầu đều phải khóc-than vì nó, kêu la hằng ngày hằng năm.»

Thái-tử nghe, run-sợ tuồng như bóng trăng rọi trên mặt sóng giữa dòng và than rằng:

«Ôi! Loài người thật lạ! Thấy những bịnh-tật nó rình, nó chụp mỗi phút, mỗi giờ mà chẳng để lòng lo, lại còn mê-mẩn với những trận vui-cười! Thôi nhà ngươi trở xe lại về thành. Từ đây ta hiểu tật-bịnh rồi, trong lòng ta không còn biết vui-sướng gì nửa rồi.»

Vua thấy Thái-tử u-sầu, muốn biết ra, bèn hỏi tên đánh xe. Nó thưa thật ngay. Vua hoảng-hốt và lo-lắng vô cùng, tưởng rằng thế nào Thái-tữ cũng bỏ nhà mà đi. Vua lấy làm đau lòng và tức giận, toan phạt những linh tuần, nhưng phạt không nặng vì ngài đã quen châm-chế rồi. Linh tuần lấy làm ngạt nhiên vì không thấy một ông già nào cùng là một người bịnh nào.

Vua săn-sóc thêm, bày thêm cuộc vui cho Thái-tữ, nhưng Thái-tữ không còn thích mùi gì nửa, ngài chỉ tưởng nhớ đến già-khổ, tật-bịnh thôi.

Vua tự nghỉ rằng: « Để ta cho Thái-tữ đi dạo chơi một lần nữa, có lẻ chàng nguôi sầu!» Ngài đuổi những kẻ già-khổ, tật-bịnh đi xa và đả chắc hẳn rằng không còn cãnh-ngộ nào làm cho Thái-tữ sầu cảm nửa.

Nhưng lần nầy Thái-tử lại gặp một người thác, có bốn người khiêng thây đi và mấy người theo sau đều khóc-kể rất thiết-tha. Trên đường không ai hay biết, chĩ có Thái-tử và tên đánh xe nghe thấy thôi.

Thái-tử bèn phán:

«Nhà ngươi có biết mấy người ấy khiêng ai đó chăng? Và tại sao họ than-khóc và mặc quần-áo coi buồn thảm lắm vậy?»

Tên đánh xe muốn nín, nhưng dường như có ai bảo phải nói ra, liền tâu rằng:

«Người ấy không còn tri-hóa, tâm-tánh gì nửa; không còn nghe, thấy, rờ, ngưởi, nếm, ăn gì nửa; người ấy bây giờ như cây khô lìa cành, không còn biết vui sướng

chi nữa mà cũng hết biết gì nửa. Anh em, bậu-bạn không còn đi-lại, chính người ấy đả chết rồi, lúc trước củng mập tốt vậy!»

Thái-tử nghi ngại lắm vả phán nửa rằng: «Cái chết là riêng cho người ấy hay là nó đến cho mọi người?»

Tên đánh xe tâu:

«Ai ai cũng đều không khỏi, dầu sang, hèn, tốt, xấu đều phải chết hết».

Thái-tử tuy cang-đảm lắm, nhưng cũng lạnh mình, tay nương lấy vành xe mà phán một cách buồn-bả rằng:

"Luật tạo-hóa là như thế mà loài người vẫn ăn chơi! Ôi! bây giờ ta mới hiểu ra rằng tâm-tánh cũa nhân-loại thật như đá, như cây. Cái chết nó chực bên mình mà ai ai cũng đều nhảy nhót trửng cười".

Tên đánh xe đã có nghe vua dạy hể Thái-tữ dạo xong thời cho xe vào vườn hoa, nên nó cầm cương cho ngựa quày về.

7.— Thái-tử chán sự đời

TRONG vườn hoa có chàng Ô-đỉnh-Vương (Oudâyin), con của một ông bụt, đợi Hoàng-tử vào. Vua có dặn đem hầu non gái đẹp đến cho nhiều, nên chàng Ô-đỉnh-Vương vâng theo. Xe Thái-tử vừa vào tới thời đã thấy mấy cô gái đẹp múa nhảy ca ngâm theo những bồn bông, những hồ-sen. Mấy cô ấy thấy Thái-tử vào đều đứng dậy, toan đến trước vái chào, miệng cười rất hữu-tình, đưa hai bàn tay trắng và đẹp như hoa. Nhưng vừa muốn cười lại thôi, vừa đưa tay ra lại ngừng, vì trông thấy Thái-tử oai nghi mà khiếp sợ.

Chàng Ô-đỉnh-Vương bảo mấy cô bặt-thiệp hơn hết và đẹp-đẽ hơn hết lại gần Thái-tử và nói rằng :

« Sao hôm nay các em bơ-thờ lắm vậy ? Đâu lại rước mầng Hoàng-tử xem nào. Mấy em có duyên nhiều, mấy em đẹp-đẻ và lanh-lợi nhiều, mấy em có thế làm cho hạng nữ-lưu phải mê-mẩn vô cùng, sao mấy em lại thấy đàn-ông mà lơ-lãng đi ! Mấy em nỗ-lực lên đi ! hăng-hái thêm lên ! phải làm sao cho Hoàng-tử xiêu về ái tình ».

Có một vài cô đáp lại rằng ;

« Hôm nay, mấy em trông thấy Thái-tử mà khiếp sợ lắm ! »

Chàng Ô-đỉnh-Vương liền đáp :

— Mấy em sợ thời sao phải cho ! Mấy em có lẽ cũng nhớ rằng từ xưa đến nay cái ngón của mỉ-nhân thật mạnh-mẻ lạ thường, không có sức nào sánh bằng. Từ xưa đến nay biết bao người nghiêng-ngã vì lần thu-thủy của đàn-bà, trói buộc vì gương sắc-xảo của đàn-bà. Như đời trước có một nhà sư rất có danh, tiên-thần đều sợ nhưng còn bị sóng sắc của một cô hoa-đào chìm đắm thay ! Còn ông sư khác tu-tâm, dưỡng-tánh trên mấy mươi năm, chịu nhọc-nhằn trong mấy mươi năm, mà còn không lánh khỏi ái-tình nên mới theo về với một cô gái lả-lơi...

Lại một ông hiền không bao giờ biết ái-tình mà còn phải mê-man vì cô Kiến-Tiên thay. Ôi ! gương xưa không biết là bao ! Hạng nử-lưu bao giờ củng làm cho nghiêng-

ngả nước, thành. Các em cứ lại mầng Thái-tử đi, ngài sẽ hoan-nghinh liền.

Chàng Ô-đỉnh-Vương nói xong, mấy cô bèn xúm vây quanh mình Thái-tử và cười-mơn, trêu ghẹo đến đều.

Mỗi cô đều ra đũ chước mà khêu lòng ngài : cô đi phớt qua, son-phấn bay rất thơm, cô kề vai, da mịn và mềm; cô nắm tay, trong như ngọc, trắng như ngà; cô hôn-hit ngọt-ngào. Có cô giả trật chơn và nắm lấy lưng quần ngài. Cô khác lại đứng một bên và thốt nhỏ vào tai rằng: «Tâu Thái-tử! xin ngài chiếu cố cho ! em sẽ ra đủ lối để hầu ngài.» Có cô lại ra tuồng say, bèn thả quần ra và đến ngay trước mặt vừa vịnh vai Thái-tử vừa cười· Nhiều cô lại ca lên, ca về ái-tình, dục-tình, vừa ca ngâm vừa ra vẽ uốn-éo theo. Thái-tử không chút động-tâm, lại thêm sầu-chán. Ngài nhớ mải đến cảnh sống đục chết nhơ và tưởng rằng: «Mấy cô nầy có biết cuộc đời là gì! có biết cái tuổi vui sướng nó qua rất chóng, cái tuổi già khổ nó lại rất mau! Có biết cái lúc vui chơi có là bao mà cái buổi tật-bịnh nó hành rất nguy! Có biết cái chết nó sấp theo chơn và phá tan cã đâu!»

Chàng Ô-đỉnh-Vương không thấy hiệu-quả gì và muốn làm cho Thái-tử thôi suy-nghỉ bèn thốt rằng :

— Ngài nên chiếu cố chút ít cho mấy cô ấy vui lòng, dầu cho ngài không vui đi nửa thời cũng nên gượng cười nói, kẻo để cho mỉ-nhân đau lòng, té ra mình coi người hồng-nhan quá nhẹ đó.

Thái-tử liền phản :

— Ta bình sanh không biết nói phỉnh và ta cũng không tưng ai? Ta cứ thật tình, ta không muốn dối với mấy cô nầy...Bây giờ ta chỉ nhớ đến những cảnh già, bịnh và chết thôi. Ta không màng đến ái-tình nửa đâu. Thấy cái chết trước mắt bên tai mà còn mài-miệt trong cuộc tình, thời con người ấy ai cầu mà chi !

Trời chiều, bóng tà dương đã khuất rồi. Mấy cô thôi trững cười, và biết không thể làm cãm-động Hoàng-tử, bèn lần lần lui về.

Thái-tử vào thành. Đêm ấy, hay rằng Thái-tử hết màng những cuộc vui, vua những thốn-thức, buồn-bả mà ngủ không yên.

Vợ Thái-tử là cô Gương-Bang (Gôpa) chờ chồng về, thấy chàng xây lưng mà không ngó mình. Nàng buồn, vào phòng, thức gần đến sáng mới ngủ được, nhưng giây lát thấy một điềm mộng như vầy :

Cã địa-cầu đều rung-rinh ; những hòn núi cao-lớn hơn hết đều rúng-động, một luồn gió to thổi nà cỏ cây, làm cho gảy và nghiêng ngã đi. Mặt trời, mặt trăng và tinh-tú đều rớt ngay xuống đất. Còn nàng thời áo-mảo và vàng-vòng đều mất hết. Tóc đã cắt đi rồi. Giường-chiếu cũa vợ-chồng đều hư nát. Áo-mảo và châu-ngọc cũa Thái-tử cũng đều rớt đầy trên đất. Sấm-sét bay xẹt trên hoàng-thành mà làm cho mờ-mịt lu-lờ.

Nàng Gương-Bang hoảng-hốt, liền chổi dậy, chạy lại đánh thức chồng mà rằng :

— Tâu ngài ! Thiếp nằm thấy mộng dử dội lắm ! Thiếp sợ lắm ngài.

Nàng liền thuật lại điềm chiêm-bao, Hoàng-tử cười xòa mà rằng :

— Mộng tốt dử a ! Em hảy yên lòng. Em thấy quả địa-cầu rung-rinh, ấy một ngày nọ thần-thánh đều hạ mình mà tôn trọng ta. Em thấy mặt trời và mặt trăng trên không rớt ngay xuống đất, đây rồi em sẻ thoát khỏi hồng-trần. Em thấy cây cỏ ngã-nghiêng thời em sẽ thắng được dục-tình. Em thấy tóc cắt đi rồi, ấy là em sẻ thoát khỏi dục-tâm. Áo-mảo và châu-ngọc ta đều rớt ra, ấy là ta theo về đường đạo. Sắm-sét bay trên hoàng-thành mờ-mịt ấy là ta đem đạo ta mà rảy sáng trên cảnh trần ngu-dốt, tối-tăm. Thế thì em nên mầng đi, không nên sầu. Ấy là một điềm lành.

Thôi em đi nghỉ cho khõe.

8.— Gặp nhà du tăng.

Thái-tử Sĩ-Đạt-Ta không giờ phút nào được an lòng. Ngài đi quanh-quẩn trong dinh, buồn rầu, bức-tức tựa-hồ như chúa sơn-lâm bị thương.

Một hôm Thái-tử muốn dạo chơi miệt thôn-quê, bèn ra khỏi thành.

Đến một chỗ vắng, ngài ngồi xuống và tưởng rằng :

« Nghỉ mà đau thương cho người đời. Đã không có nghị lực bảo-giữ lấy mình, đả phải những cảnh gớm-ghê, mới mạnh thoạt đau, mới trẻ thoạt già, mới sống thoạt chết, mà không bao giờ lo và bao giờ cũng không nhớ đến những cảnh ấy mà răn mình. Còn ta, nếu trông thấy người đồng-loại chìm-nổi ở những nơi đau khổ, già khổ, chết khổ mà ta không động mối thương-tâm, thời ta đâu còn đích đáng mà hiểu biết sự thật cho.

Ngài mảng lo tưởng đến những tai-họa của loài người nên không còn biết vui, buồn, nhọc, mệt, ghét, chê.

Và thình-lình thấy một người hiện ra trước mặt mình.

Ngài bèn hỏi rằng :

Người là ai ?

— Ta là du-tăng, vì muốn lánh những lối khổ ở dưới trần nên mới kiếm đường để thoát. Cuộc trần-thế toàn là dâu-bể, tang-thương ! Ta không phãi người luỵ với đời, đành dẹp bỏ những dục-tâm và dục-tình đặng tầm cảnh tịch-mịch, an-nhàn, khi dựa cội-cây, khi ở núi, khi vào rừng. Ta thích thong-dong, rày đây, mai đó với gió mát, trăng-trong, không màng những của tiền, bên tay chỉ có một bình bát, bao giờ đói thời sẽ lần vào xóm, như vậy cũng thú lắm nhỉ . »

Người ấy nói xong liền bay bổng lên trời.

Thái-tữ lấy làm mầng, muốn xữ tròn nghĩa-vụ mình nên định bỏ dinh-thự mà làm du-tăng.

Ngài đến trước vua mà tâu rằng :

« Nay con muốn xin Phụ-vương một đều, Phụ-vương an

lòng mà nhận cho. Con muốn ra khỏi nhà đặng tầm đạo lành. Con đã nhứt định rồi, xin Phụ-vương biết cho.»

Vua nghe qua gần muốn xiểu, vừa khóc lên vừa phán rằng:

«Con ôi! Con nên dẹp việc ấy đi. Bây giờ chưa đến, lúc mà con đem hiến thân về tôn-giáo. Cái buổi xuân-xanh là vui-đẹp lắm và có khi cũng viển-vong, tư-tưởng chưa được bền. Đương lúc thiếu-niên mà con muốn nhịn đói, nhịn khát, chịu nhọc nhằn thời trái lẽ lắm. Cái tuổi trẻ là lúc hoan-nghinh những mùi khoái-lạc nhứt trong đời, nên có thế nào đem mình mà chôn vào tôn-giáo đâu, dầu có bền-chặt đến đâu cũng chán-ngán, ngả lòng, bấy giờ tuy ở miền rừng-núi mà trí tưởng vẫn đâu đâu. Chớ như cha, nay đến tuổi về với tôn-giáo, giao cả nhà-nước cho con, thời con hẳy trị lấy mà làm hân hạnh cho vợ-con rồi sau con tu, chừng ấy mới phải cho.»

Hoàng-tử đáp:

«Phụ-vương khứng nhậm cho con bốn điều thời con không ra khỏi hoàng-thành».

— Bốn điều chi?

— Chính là con muốn sống hoài không chết, mạnh hoài không ốm, trẻ hoài không già, thạnh hoài không suy.

— Con xin như vậy, cha biết làm thế nào mà phê cho. Thôi con dẹp qua một bên lòng, không nên muốn những lối viển-vong.

— Nếu Phụ-vương không thế phê cho bốn điều ấy thời không nên ngăn cản con. Con thiết nghĩ ở trong một cái nhà bị nạn hỏa mà bảo đừng ra thời phải thác vì ngọn lửa. Vã một ngày nọ Phụ-Vương với con cũng sẽ lìa nhau nhưng buộc phải lìa nhau thời không hay, thà là ta lìa nhau theo chí ta. Trần-thế là một cái ngục-đường, con mong giải-thoát cho người ra khỏi cái ngục ấy. Trần-thế là một cái vực sâu, những người ngu-dốt mờ-tối đều vướng nhào xuống, con mong lấy ánh-sáng đạo ra mà soi cho, mà làm cho những lối mờ-mịt ấy trở nên sáng ra. Trần-thế là một hiệu-cờ se-sua dưới gió, chính là hiệu-cờ cũa tinh tự-

cao, con mong đứng lên mà hạ cái hiệu-cờ ấy đi cho nhơn-loại được trông thấy sự thật, được biết phận mình. Trần-thế xao-xác lắm, lăn-lóc lắm, tuồng như một bánh xe hỏa cháy đỏ rần, con mong tưới tắt và ngưng lại cho nhơn-loại được yên-tịnh vậy.

Thái-tử tâu xong, bèn trở về dinh mình. Mấy cô cung-phi của ngài ca-hát với nhau, ngài không ngó một cô nào. Trời khuya, mấy cô đều lặng-thinh và ngủ mòm. Thái-tử trông vào, thấy mấy cô nằm lao-nhao, chinh-chồng với nhau, ngài la lên rằng: « Đây là một đám người chết ạ! Ta đây như ở trong một cái nghĩa-địa rồi. »

Ngài liền bước ra và thẳng đến tàu ngựa.

9.— Thái-tử thoát lên rừng

Ngài kêu quan giữ ngựa là Châu-mã-Cang (Chandaka) và phán rằng :

« Ngươi hãy đem con ngựa của ta đến đây. Bây giờ ta muốn thoát khỏi hồng-trần, tầm nơi cực-lạc, biết rằng ta sẽ được như nguyện vậy. »

Chàng Châu-mã-Cang đã nghe vua dặn trước rồi, nhưng khi nghe mấy lời của Thái-tử thì dường như có cái mảnh-lực gì khác thường nó khiến mình, nên chạy kiếm ngựa đem ra.

Con ngựa thật mạnh-mẽ và lẹ-làng. Thái-tử dỗ ngọt nó giây lát và phán nhỏ-nhẹ rằng :

« Ngựa ôi ! khi xưa nhờ ngươi mà cha ta bá-chiến bá-thắng mới giữ được ngôi vàng, nay ta cũng nhờ ngươi mà lên cõi cực-lạc, vậy thời ngươi sẵn lòng giúp ta. Ta vì đạo-đức nên mới ra đi, và ngươi cũng vì chữ-nghĩa cứu-nhân độ-thế mà đưa ta đi ».

Thái-tử nói xong bèn nhảy lên yên với chàng Châu-mã-Cang. Đêm ấy ngựa chạy rất êm, không động tiếng trên đường nên trong thành không ai hay. Chạy đến cửa thành mà thường thường sức voi mở cũng không xong, ngựa vừa tới thời cửa liền mở rộng ra. Ra khỏi thành, Thái-tử nguyện rằng :

« Đạo ta không thành, không bao giờ ta trở về. »

10.— Bắt đầu học đạo

Ngựa chạy rất mau, trời vừa rựng sáng đã đến một hòn núi, nơi ấy đã có mấy lão tăng ở rồi. Nai, hươu ra vào rất thong thả và chim-chóc bay nhảy tứ-tung. Thái-tử thấy cảnh liền khoẽ-khoắn lắm, định không đi xa nữa. Ngài xuống ngựa và phán với chàng Châu-mã-Cang rằng : « Ngựa thật hay. Còn nhà ngươi, ta lấy làm đẹp, vì ngươi rất hết lòng với ta. Nhưng ta không có gì mà tặng cho. Thường-lề loài người sở-dĩ gần nhau, hết lòng với nhau là vì tư lợi thôi. Vậy ngươi hãy về đi. »

Thái-tử lột đồ ra trao cho chàng và phán rằng :

« **Nhà ngươi lảnh lấy châu-ngọc nầy, về giao lại cho cha ta và tâu giùm rằng ta cầu xin cha ta tin lòng ta mà không buồn. Ta đi tu, chẳng phải vì không thương gia-đình, vì ta muốn khỏi buồn-nảo. Người buồn-nảo là bởi ham-chuộng, mê-mẩn đời, đáng thương hại lắm. Người ta hễ thác rồi thời để gia-tài cũa-cải lại cho bà-con em-út, chớ bao giờ để đạo-đức lại. Nếu cha ta phán rằng ta đi đây là sớm lắm thời ngươi hảy tâu rằng cuộc đời hay dời đổi, nay muốn tu mà không tu, biết ngày sau có tu được chăng !** »

Chàng Châu-mã-Cang khóc lên và tâu rằng:

« Ngài còn thiếu-niên, cái tuổi xuân của ngài còn lâu mà ngài đành vùi lấp ở chốn núi đỗ rừng xanh thời thiệt thòi lắm ru ! »

Chàng nín một chập kế tiếp rằng :

« Ngài định không về, thời tôi đâu dám về mà đem một cái tin buồn như vầy ! Tôi đâu còn dám tâu với Bệ-hạ và đâu còn dám mong Bệ-hạ chiếu-cố nửa cho. Thôi ngài nên tưởng vợ yếu con thơ và nhớ đến sự-nghiệp cơ-đồ mà nắm giữ lấy, kẻo ngôi trời không có ngài chấp-chưởng thời chẳng là uổng lắm ru ! »

Thái-tử lặng thinh giây lâu, rồi phán rằng :

« Ta buộc phải ra đi. Cảnh-ngộ khiến như thế, ta phải

xa cha, xa vợ, xa con, nếu ta ở lại rồi một ngày nọ cái chết nó đến, tất cũng phải lìa. Ngươi hảy nghỉ một đám chim đậu chung nhau khi hôm rồi sáng ra cũng phải xa nhau ; những vầng mây bên trời, một luồng gió hợp chung cho nhau rồi một luồng khác thổi đến cũng rã-rời. Ta buộc phải ra đi, nhưng rồi đây ta sẽ về.»

Con ngựa liếm chơn Thái-tử. Vuốt lấy đầu nó, ngài khuyên rằng :

«Ngựa ôi! ngươi chớ khóc, chớ sầu. Ngươi đích-đáng lắm! ngươi hảy chờ, đây rồi ta đền đáp cho.»

Kế ngài vói lấy một lưỡi gươm trong túi của chàng Châu-mã-Cang, đưa lên và cắt lấy tóc mình, rồi quăng tóc lên trên không, tóc túa sáng như một vầng tinh-tú và biến mất.

Ngài còn đương mặc đồ đẹp, vừa muốn thay đổi đồ thường, bỗng thấy phía trước chạy đến một người thợ săn mặc áo già. Thái-tử gọi lại và hỏi :

«Áo nhà ngươi tuồng như của các thầy tăng, mặc áo ấy sao lại mang gươm, coi không vừa? Nầy, ngươi lấy áo ta và ta sẻ mặc áo ngươi.»

Người thợ săn nói :

— Tôi nhờ cái áo nầy mới gạt được loài thú, chúng nó không sợ mà đến gần, tôi dễ bắt lắm. Nhưng ngài muốn dùng tôi xin dâng ngay.

Thái-tử mặc nâu-sòng. Người kia vừa lảnh áo liền bay bổng lên mây. Thái-tử rất mừng và chàng Châu-mã-Cang phục lắm.

Thái-tử bèn đi vào rừng. Châu-mã-Cang cởi ngựa trở về, mặt buồn dàu dàu.

Nàng Gương-Bang, vợ của Thái-tử, đương ngũ vùng thức dậy nữa đêm. Nàng buồn bực vô cùng, bèn gọi chồng mình. Không nghe tiếng chi đáp lại cả. Nàng chồi dậy, rảo khắp trong các dinh-thự mà cũng không thấy ngài. Nàng rất sợ-sệt. Nàng thấy bọn hầu hảy còn ngũ, bèn thét lớn lên rằng :

«Á thôi! Các ngươi hại ta rồi! Các ngươi để cho Hoàng-tử đi mất rồi.»

Các con hầu mở mắt ra, tỉnh lại và tốc đi kiếm khắp

nơi. Bấy-giờ mới hiểu rằng Thái-tử đã lìa Hoàng-thành rồi. Nàng Gương-Bang nhào lăng trên đất, lấy làm tức-tối, bứt tóc-tai, quào mặt-mày.

« Ôi ! Buổi xưa Thái-tử đã phán cùng ta rằng ngài sẽ dời đi xa, ta ngở rằng cái cơn sanh li ấy hảy còn xa về sau, nào ngờ mới hôm nay ngài vội bỏ dinh-thự đền-đài ! Thái-tử ôi ! Ngài đi đâu rồi ! Ngài đi đâu bỏ em lại một mình ! »

Các cung-phi đều xúm nhau khuyên, nhưng nàng không nguôi.

Bà Mã-lang-ra-thị (Mahâprajapatî), dì của Thái-tử, nuôi Thái-tử từ lúc thơ, vì đức mẹ sanh ra bảy ngày thời du-tiên, bà nghe một cô hầu báo tin, bèn đến kiếm nàng Gương-Bang, cả hai đều khóc òa.

Tiếng khóc kể và tiếng xao-động thấu đến tai vua. Vua cho người ra xem, người ấy chạy vào tâu rằng :

« Tâu Bệ-hạ ! Đông-cung đã đi mất rồi. »

Vua liền truyền rằng:

« Đóng các cữa thành và tầm kiếm cho kĩ, bất kỳ nhà nào, góc nào, đều phải ráng tầm mà đem con ta về.

Quan-quân vâng theo, nhưng tầm không ra. Vua khóc ngất lên rằng: « Con ôi ! Cha chỉ sanh có một mình con thôi ! Vua xiểu ra bất tỉnh nhưng giây lát khoẽ lại và dạy quân mả-kị đi tầm khắp các nơi.

Bấy-giờ Châu-mả-Cang mới chậm chậm mà trở về với ngựa. Khi lẫn vào thành, người và ngựa đi ngó mặt xuống đất, ra tuồng rất âu sầu. Quân mã-kị ngó thấy, vừa chạy lại vừa hô nhau rằng: « Kìa ! Châu-mã-Cang kìa ! » Quân mã-kị thấy chàng Châu-mã-Cang ôm đồ châu-ngọc của Thái-tử, lấy làm sảng sốt và hỏi rằng:

« Đông-cung bị thích khách rồi sao? »

Chàng Châu-mã-Cang liền đáp:

— Không ! Thái-tử đưa đồ nầy, bảo tôi về giao lại cho vua. Ngài đã cắt tóc và mặc nâu-sòng, đương tầm đạo nơi non cao.

Quân mã-kị hỏi :

— Bây giờ ta đồng nhau tốc đến nơi và mời Thái-tử

về người nghỉ có được chăng?

Ôi! Dầu ta có tâu thế nào nữa cũng không xong. Ngài đã quyết định rồi. Ngài đã cang-đãm lắm rồi, và có phán rằng: « Nếu không trừ đặng cái già khổ, chết khổ thời không bao giờ ta để bước trở về với non-song.» Thái-tữ định như vậy, ắt ngài thi-hành theo chí nguyện.

Chàng Châu-mã-Cang đi với quân mã-kị về thành. Vua Sư-đà-na liền phán hỏi:

« Con ta! con ta đâu hởi khanh? »

Chàng đem các điều khi hôm mà tâu lại. Vua lấy làm buồn, nhưng rất phục chi-khí của Đông-cung.

Nàng Gương-Bang và bà dì của Thái-tữ đồng vào. Hai người nghe Châu-mã-Cang về, nên đến hỏi thăm, mới hay ra nghị-lực của Thái-tữ đã mạnh-mẻ lắm rồi.

Nàng Gương-Bang khóc rằng:

« Ôi! Ngài là người yêu nhứt của em, ngài là người nhỏ-nhẹ, tươi-cười với em, ngài là người mạnh khỏe, tốt-tươi, ngài là người học rộng, tài cao, và ham mộ đạo-đức vô cùng! Những lúc ngài phán cùng em, tựa hồ như em nghe những bài hát thanh-tao, thâm trầm và khi em gần bên ngài thời tuồng như em ngưởi được những mùi hoa thơm. Ngài đi rồi em sầu, không ngăn giọt-lệ được. Ôi thôi! Con ngựa đã đem chồng em đi mất rồi! Bây giờ dây cát biết nương vào đâu? Tùng-quân đã cách biệt rồi, biết chừng nào tái hiệp với nhau! »

Bà dì thấy những châu-ngọc của Thái-tữ thời ngó hoài. Bà khóc lên, đoạn bà ôm lấy châu-ngọc và ra khỏi thành.

Bà không ngớt khóc! Bà lần đến bên hồ, ngó châu-ngọc một lần nửa và ném xuống hồ.

Con ngựa vào tàu, mấy con ngựa khác chào mầng và hí rân. Nhưng ngựa ta tuồng như không nghe, không thấy, lấy làm buồn, thở vài tiếng và té ra chết tươi trong tàu.

Thái-tữ Sỉ-đạt-ta (Siddharta) vào rừng, gặp ông bụt Á-ra-ta-Cà-la-ma (Arata Kalama) với các đệ-tữ rất đông, ông dạy lánh mùi trần (renoncement). Mỗi người thấy Sỉ-đạt-ta đều khen thầm. Sỉ-đạt-ta bước đến đâu thời chỗ ấy được hào-quang chói sáng lạ thường. Sỉ-đạt-ta thốt điều gì thì

mỗi người nghe và hoan-nghinh luôn. Giọng nói của ngài vừa hiền, vừa mạnh, vừa tươi-tỉnh, vừa hùng-hồn.

Một hôm bụt Á-ta-ra nói với Sĩ-đạt-ta rằng:

« Ngài hiểu biết đạo-lý cũng cao-sâu như tôi và mỗi việc gì tôi hiểu thời ngài cũng biết, thế thì từ đây nếu ngài muốn cùng tôi mà giáo-hóa và dắc-dẫn các đệ-tử ở đây, thời tôi lấy làm đẹp lắm. »

Sĩ-đạt-ta tự nghĩ rằng: « Đạo-lý mà ông Á-ra-ta thi-hành đây biết có quả thật chánh-đáng chăng; biết có cứu vớt trần-thế được chăng. »

Ngài xét rằng: « Ông Á-ra-ta và đồ-đệ ông sinh-hoạt rất gắt-gao, khổ-sở, không thọ lảnh những cơm chay trong xóm, chỉ dùng hoa, quả trên rừng, với nước bên khe. Ta tưởng những chim mổ hột, nhưng hươu ăn cỏ, những rắn hút lấy gió trời có lẻ còn ít nhọc thân hơn. Các ông năm nầy tháng nọ vẫn ngủ dưới cội cây, phơi nắng dưới bóng trời, dầm mình dưới gió, bụi, tuyết, sương, mỏi gối chồn chơn trên những hòn đá gầy gò, thời mấy ông phải khổ lắm mới tầm được đạo. Nên mấy ông vẫn lấy làm hân hạnh lắm, vì tưởng rằng: nếu nhọc mình cho đến thế thời ắt được về trời! Mấy ông rồi đây sẽ về trời! Nhưng nhơn-loại vẫn còn khổ, còn đau vì cái già với cái chết vậy. Nếu mấy ông chỉ lo cho mình, chỉ biết phải hành thân khổ xác chớ không quan-tâm đến những cảnh già khổ, chết khổ, thời chính mình mấy ông lại khêu cái khổ cho nó khổ nhiều thêm. Và chỉ nhọc-nhằn cho đến thế mới được kết-quả thời có lẻ những bầy hươu chỉ ăn cỏ trên tuyết là đặng thành phật, thành tiên; những chim chỉ mổ một vài hột là được thành phật, thành tiên; những rắn chỉ hút lấy gió ngoài trời là được thành phật, thành tiên; những người không còn hy-vọng, không còn màng đến cuộc vui cười, những việc ngủ kỉ, ăn ngon là được thành phật, thành tiên sao ?..... »

Ngài suy-nghĩ xong, cho rằng đạo của ông Á-ta-ra không thật chánh đáng, nên ngài phán rằng:

« Ta không hành đạo ngài vì người hiểu đạo không thể tế độ cho chúng-sinh. Ta xin từ chỗ nầy và đi tầm cái đạo-lý nào có thể trừ được sự đau-khổ. »

Sĩ-đạt-Ta bèn đi đến một nước kia.

11.— Sáu năm khổ-hạnh.

Một buổi sáng, ngài vào thành Rã-sen Ri-Ha (Râja-griha), tay xách bình-bát để người dâng cơm chay. Những kẽ qua đường trông thấy ngài đẹp-đẻ và oai-nghi đồng hỏi nhau rằng: « Ông nào đi đó ạ? Hay là tiên-thánh hiện xuống đó mà.»

Chẳng bao lâu cả thành đều đồn lên rằng có một đấng khác thường mới vào thành mà đi hành-khất. Mỗi người đều muốn thấy ngài. Dân chúng kéo nhau theo ngài; đờn bà, con gái, cũng chen theo cửa sổ mà dòm. Ngài vẫn đi như thường, tỉnh-táo và trang-nghiêm. Lúc bấy giờ cả thành đều có hào-quang chói rạng ngời.

Có người đến báo tin với vua rằng có thần-tiên đi hành khất trong thành. Vua liền lên đài và cũng thấy ngài. Vua xem ngài oai-phong thời mầng lắm. Vua ban cơm chay cho ngài rất nhiều, truyền cho người theo và đến biết chỗ ngụ của ngài. Vua hay rằng ngài ở gần trong thành, trên triềng núi, chỗ phong-cãnh tốt-tươi.

Ngày kế vua ra khỏi thành, đi đến núi, bèn để xe với quân phía dưới, một mình lần đến một cây đại-thọ, nơi cội có đức Sỉ-đạt-Ta ngồi. Vua đến gần và ngừng, vua vừa trông vừa kính-phục vộ cùng.

Kế vua làm lễ và phán rằng:

— Trẫm được trông thấy ngài, trẫm mừng lắm. Trẫm muốn gần ngài, nên mời ngài về với trẫm. Ở núi đỏ rừng xanh làm gì mà phải ngũ giữa chiếu đất màn trời. Ngài hảy còn niên-thiếu và xinh-đẹp, và ngài chớ dời nước trẫm mà đi nơi khác. Ngài cứ về thành, trẫm sẻ ban cho một cái dinh, và ngài sẻ được các đều vui-sướng. Xin ngài nhận cho.

Đức Sỉ-đạt-Ta bèn đáp một cách nhỏ-nhẹ rằng:

— Được Bệ-hạ điến-viếng, ta thật cãm tạ nhiều và chúc Bệ-hạ được vững nơi ngôi vàng. Về phần ta thời sự đời đã tắt lửa lòng, ta thích sinh-hoạt theo lối du-tăng và mến cảnh an-lạc thanh-nhàn. Xin Bệ-hạ biết cho.

— Ngài còn niên-thiếu, ngài lại đẹp-đẽ, mập-mạnh, ngài nên hưởng cuộc giàu-sang. Và rồi đây trẫm sẽ ban cung-phi mỉ-nữ cho. Xin ngài về làm bạn với trẫm cho vui,

— Tâu Bệ-hạ! Ta không màn đến cảnh giàu-sang nên mới bỏ phú-qui mà đi, Bệ-hạ biết cho.

— Thôi! Trẫm sẻ chia hai thiên-hạ với ngài, xin ngài chiếu cố mà nhận cho.

— Ta không màng ngôi thiên-tữ, nên không giử cơ-đồ một nước lớn-lao, thạnh-vượng.

— Bây-giờ, trẫm định như vầy : ngài muốn gì mà trẫm có thế nhận thi trẫm sẽ phê cho.

— Tâu Bệ-hạ! Ta đã trải qua nhiều sự ham muốn rồi. Ham muốn có khác nào những món thuốc để giết hại người. Người có tư-tưởng rất lấy làm khinh. Ta dẹp sự ham muốn ra ngoài như quét một đống rác, cào một đống rơm. Bởi ham muốn cho nên mới xảy ra những nỗi khổ-nguy. Không ai được mản nguyện, vừa lòng bao giờ. Những nhà triết-lý, những bực quân-tữ, nhửng đấng tầm đạo đều sinh-hoạt một cách an-nhàn. Kẽ uống nước mặn lại càng khát thêm; kẽ uống nước nơi bể muốn sông-mê thời càng khát thêm, càng chìm đấm thêm. Còn người lánh những đều ham-muốn thời cái khao-khát lần lần bớt đi, nguội đi. Ta không còn biết ưa muốn là gì nửa, ta chỉ tầm đạo thôi.

Vua phán :

Nầy du-tăng! Ngài ở nước nào? Cha mẹ ra thế nào? Địa-vị ra sao? Ở về hạng phái nào? (1) Đạo-đức của ngài rất cao. Xin ngài phân cho trẫm nghe với.

— Có lẻ Bệ-hạ cũng rỏ biết thành Ca-bi-la-qua-tu (Capilavastou), cha ta là vua Sư-đà-na hảy còn ở ngôi. Ta bỏ mà đi làm du-tăng.

Vua đáp :

« Trẫm thật hân-hạnh mà được biết ngài. Khi xưa nhà

---

(1) Ở Tây-tạng và Ấn-độ người chia ra từng hạng hoặc sang hoặc hèn.

trẫm và nhà ngài cũng thường thân-mật nhau. Ngài là bạn, trẫm xin cầu chúc cho đạo ngài mau thành mà chỉ dạy cho trẫm.»

Vua nghiêng mình chào Sỉ-đạt-Ta ba lần và xuống núi mà về thành.

Đức Sỉ-đạt-ta hay rằng gần thành có một ông bụt có danh là Vũ-Tràng-Ca (Roudraka), ông có đệ-tử rất đông. Ngài liền đến nơi, nghe ông hành-đạo, nhưng xét rằng ông nầy cũng không khác gì ông Á-ra-ta hộm nọ, ông cũng không thông hiểu đạo sâu-xa. Ngài bèn bỏ ra đi đến mé rạch Nai-rạng-Hà (Nairânjana), có năm người đệ-tử của Vũ-Tràng-Ca theo thọ giáo với ngài. Năm người ấy tên là : Kaundinya, Açvajit, Vâshpa, Mahânâman và Bhadrika.

Nước dưới rạch rất trong làm cho chung quanh được phong-phú, muôn vật được tươi-tỉnh, cây-trái và ruộng-vườn được phì-mĩ. Đức Sỉ-đạt-ta bèn nghĩ rằng: «Chỗ nầy tốt lắm. Ta nên ở đây mà tầm tư-tưởng. Có lẽ đạo ta sẽ thành.»

Ngài bèn ngồi tham thiền, ngài châm chỉ và không lay động cho đến đỗi hết thở.

Trên trời Thần-tiên đương xem, tưởng ngài thác bèn than rằng :

«Đức Thích-Ca thác sao a? Nếu ngài thác thời lấy ai cứu nạn cứu khổ cho nhơn-loại dưới trần.»

Bà mẹ của đức Thích-Ca là bà Mả-giang (Mâyâ) ở trên thượng-giới, nghe chư tiên than lấy làm lo ngại cho con, bèn bay xuống mé rạch thấy Sỉ-đạt-ta ngất người. Bà liền khóc lên.

Bà than rằng:

«Con ơi! khi mẹ mới vừa sanh con nơi vườn hoa thời đã có người đoán trước rằng ngày sau con sẽ trông rõ sự thật, kế có ông bụt Á-sữ-đa đoán rằng con sẽ cứu vớt kẻ trần. Té ra những lời ấy chỉ là phỉnh phờ đó thôi. Con bỏ ngôi mà đi. Con không bảo giữ lấy cơ-đồ cho cha, và làm cho vẻ-vang thêm, con lại chẳng tầm được đạo. Nay con thác, một thân đất khách như vầy, thật mẹ rất buồn. Biết nhờ ai cứu lấy con bây giờ! Đã ngoài chín trăng mẹ

chịu thai bào rất nhọc, nay con thác, mẹ thương tiếc vô cùng.»

Bà lấy vài cành hoa để lên mình Thái-tử, ngài liền cựa mình, mở mắt ra và tâu rằng:

«Xin mẹ chớ sợ. Ông bụt Á-sử-đa thật đoán không sai. Dầu cho trời đất nghiêng ngã thế nào đi nữa con cũng vẫn sống mãi. Trên quả địa-cầu chỉ có một mình con là khỏi những cảnh bể-dâu. Mẹ chớ buồn, đạo con sắp thành rồi vậy.»

Bà Mã-Giang nghe con nói liền mỉn-cười, và từ giã mà lui về trời.

Đức Sĩ-đạt-ta tu trót sáu năm ở mé rạch ấy. Ngài tư tưởng luôn luôn, không quản sương, tuyết, nắng, mưa không quản những muỗi, mòng, rắn, rít nó chích cắn nơi mình. Có nhiều khi những trẻ nhỏ, những mục-đồng, những tiều-phu đi ngang, thấy ngài bèn cười và ném cát, bụi, đá, bùn cùng mình. Nhưng ngài không để ý. Ngài ăn ít lắm, đến buổi, chỉ dùng một trái cây nhỏ, vài hột cơm, cùng vài hột mè. Ngài ốm lắm. Xương-cốt đều lộ ra. Mình mầy, mặt mày tuồng như hư héo, nhưng trong cặp mắt ngài hào quang rất nhiều.

Trong mấy năm trời phải nhọc như thế mà tầm đạo chưa xong. Ngài tưởng bấy giờ ngài đã ốm và yếu, sức lực giảm đi rất nhiều, nếu ngài giữ hoài một mực ắt không thế kết-quả vẹn-toàn. Ngài định ăn uống cho khỏe lại.

Gần nơi ấy có làng Ôn-rưng-vĩnh-Thành (Ourouvilva) ông chủ trong làng có mười người con gái. Mấy cô nầy mến phục ngài và đem hoa-quả dâng cho. Thường bữa ngài chỉ dùng một chút thôi. Hôm ấy mấy cô thấy ngài dùng hết sạch. Qua hôm sau, mấy cô đem đến một bát cơm to, ngài dùng hết cơm. Bữa kế mỗi cô đều đem mỗi thức ăn khác nhau, ngài xơi tất cả. Ngài khỏe lần và ngài lại vào xóm mà hành-khất. Dân-sự bố thí rất nhiều. Ngài trở nên mập mạnh lại.

Năm người đệ-tử của Vũ-tràng-Ca theo thọ giáo với ngài, bàn với nhau rằng:

«Sĩ-đạt-ta thấy khổ hạnh không hiệu quả nên bây giờ

ngã lòng mà bỏ, lại ăn uống rất nhiều. Ngài chỉ biết mình chớ không biết đến đạo-đức nữa. Thế thì ngài có thế nào thành chánh-quả được. Khi xưa ta ngỡ ngài là một đấng hiền, chớ có dè đâu ngài là một người thường.»

Năm người đồ-đệ bàn tính với nhau xong, liền từ tạ ngài mà ra đi, lần đến thành Bénarès.

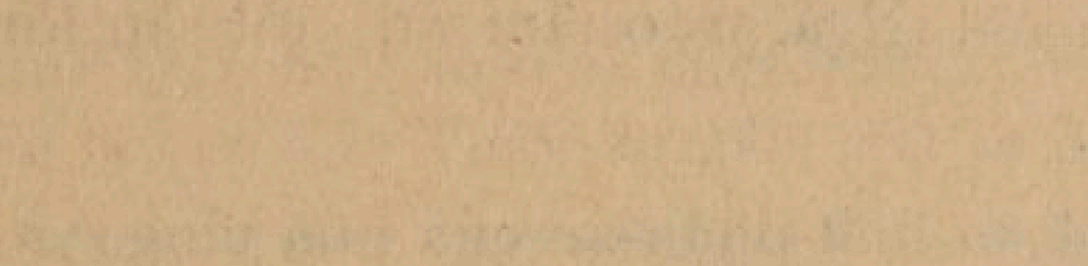

12.— Dưới cội Bồ đề.

Bấy giờ Thích-Ca tu đã được sáu năm : từ khi gặp một vị thần trao áo mặc vào đến nay là sáu năm rồi, nên áo phải rách rã đi, ngài nghĩ rằng :

Ta nên kiếm y-phục mà mặc thế nào, nếu đi trần thời mất phép «lịch-sự.»

Ngài đi ngang nghĩa-địa. Nhân lúc ấy có một con hầu của một nhà kia mới chết, thây đem đến nghĩa-địa, trên có một tấm vải màu nâu. Con hầu nằm trên đất, tấm vải gần bên nó. Đức Thích-Ca cúi xuống lượm tấm vải lên.

Tấm vải dính đầy buội, mà ngài không thấy nước để giặt.

Bên trời một vị thần trông thấy ngài không vui, bèn đáp xuống, lấy gậy gõ trên đất, tức thì có một cái hồ trước mắt ngài.

Ngài bèn thốt rằng: «May dữ a! Có nước đây, nhưng còn thiếu đá ngồi.»

Một vị thần liền hóa ra một hòn đá, để dựa mé hồ và phán với Đức Thích-Ca rằng :

— Bạch ngài! Ngài trao tấm vải, tôi sẵn lòng giặt cho.

Ngài đáp :

— Không! ta biết phận-sự của nhà tăng, và chính mình ta giặt mới phải.

Tấm vải giặt sạch rồi, ngài bèn tắm cho khỏe người. Nhưng cách vài hôm nay có một vị thần tên là Mã-ra (Mâra) gọi là Ma-linh (Malin) theo rình bên ngài. Vị thần ấy bèn làm cho mé hồ lở đi đặng cho ngài không thế trở lên. Cũng may, là gần mé hồ có một cây đại thọ, Đức Thích-ca bèn vái thần nữ trên cây rằng :

«Mong bà cho một cành cây nghiêng xuống gần tôi».

Tức thì có một cành cây hạ xuống, ngài nắm lấy mà lên khỏi hồ. Đoạn ngài lại ngồi nơi gốc cây và may tấm vải cho thành áo-quần.

Tối lại, ngài ngủ, nằm mộng thấy năm điềm. Ban đầu

ngài thấy mình nằm trên một cái giường lớn, chính là quả địa-cầu; dưới đầu có một cái gối chính là hòn Hỉ-mã-lập-sơn (Himalaya); ngài để tay hữu trên biển tây, tay tả trên biển đông, còn chơn thì để chi biển bắc. Kế ngài thấy một đám trúc bắt từ dưới rún mà nảy lên và lớn rất mau, cho đến phủ cả bầu trời.

Ngài thấy loài côn-trùng leo theo chơn ngài, mà bao phủ cả chơn.

Kế ngài thấy ở tứ phương chim bay gôm lại bên ngài, mà khi lại gần đầu ngài thì tựa-hồ như những khối vàng.

Sau rốt ngài thấy mình ở dưới chơn một hòn núi dơ dáy, tanh-hôi. Ngài leo lên chí đảnh núi và khi trở xuống thời những đồ dơ ấy cũng không dính theo mình.

Ngài tỉnh mộng và theo những điềm ấy, ngài định mình sắp thành chánh-quả vậy.

Ngài đứng dậy đi vào làng, nhằm lúc cô Sương-ã-Nương (Soujâtâ) mới vừa lấy sữa của tám con bò lạ thường của cô. Sữa đặc, ngon và mùi thơm lắm. Cô trộn sữa với mật ong và bột, đoạn để trong nồi mới mà bắt lên lò mới, Thấy bọt sôi lên, trào về hướng đông, nhưng không trào ra ngoài chút nào. Dưới lò cũng không thấy khói lên. Cô ngạt nhiên bèn nói với con hầu rằng :

— Nầy em! hôm nay có trời phật chứng cho mình đấy. Em ra ngoài coi có đức Thầy lại gần nhà ta chăng?

Con hầu ra trước cửa, ngó thấy Đức Thich-Ca đi lại nhà. Nhưng quanh mình ngài lại có hào-quang chiếu ra, đỏ đỏ, hồng hồng. Con hầu chóa mắt bèn chạy vào tâu với cô nó rằng:

— Thưa cô! Ngài đến đấy! Ngài đến đấy. Đây rồi cô không thế ngó ngài, vì hào-quang ngài túa sáng lạ thường.

— Ờ! Ngài đến! Ta vui lắm. Cái nồi bữa nay ta nấu để ngài dùng.

Cô bèn rót sữa vào trong một cái bình bát bằng vàng và chờ ngài vào.

Đức Thich-Ca bước vào. Cả nhà đều sáng rực. Cô Sương-ã-Nương chào ngài bảy lần, đoạn qui xuống và rửa chơn ngài bằng nước thơm. Kế cô đưa ra bình bát bằng vàng

trong ấy có sữa nấu với bột và mật ong.

Ngài nghĩ rằng :

« Ngày xưa những đấng Phật đến ngày thành chánh quả thường dùng đồ ăn trong bình bằng vàng. Và như cô nầy tặng cho ta đồ ăn đựng trong cái bình bát vàng tức là nay ta đến ngày thành chánh-quả rồi vậy ».

Kế ngài hỏi cô rằng :

— Nầy chị! Rồi bình bát nầy để làm gì ?

— Em xin dâng cho ngài.

— Tôi nào có cần dùng đến nó đâu.

— Ngài làm gì nó tùy ý, chớ em dâng đồ ăn mà không dâng bình bát thời sao phải cho. »

Ngài bước ra, cầm bình bát vàng, và đến gần mé rạch. Ngài tấm xong, liền ăn. Khi còn bình bát không, ngài liền ném nó dưới rạch và nói rằng :

« Nếu hôm nay công-nghiệp ta được thành, thời bình bát ngươi hãy nổi lên và đi ngược với dòng nước, còn không thì ngươi hãy đấm luôn. »

Nói rồi bình bát liền đến ngay giữa rạch và chạy trái lại với dòng nước một đổi xa. Giây lát nó chìm xuống, làm cho nước chỗ ấy quây theo và nghe có tiếng trỗi lên thanh tao vô cùng.

Đức Thích-Ca đi dạo theo mé rạch. Nhằm lúc ban chiều hoa cỏ đều khép lại, mùi bay trên những ruộng vườn; chim chóc kêu gọi nghe tiếng rất êm. Ngài bèn lại cây Bồ-đề.

Trên đường ngài bước đi, hột cát đều hóa ra vàng; cây chung quanh có đốm chiếu thành hột châu quí-đẹp, gần bên hồ nước trong có mùi thơm với những hoa sen xanh, đỏ, trắng, vàng và những bầy hạt lội kêu nghe thảnh-thót dịu-dàng. Bên trời tiên-thánh trông xuống mà kính phục ngài.

Khi ngài đến gần cây Bồ-đề, thấy bên lộ có một anh phát cỏ tên Hỏa-ti-ca (Svastika).

« Nầy anh ! Cỏ của anh phát đó thật mềm. Anh nên trao cho tôi một mớ, tôi rải cho thành ghế ngồi đặng tầm đạo.

Anh nên trao cho tôi đi, ngày sau anh cũng sẽ thành Phật và có thể truyền đạo thêm ra».

Chàng Hỏa-ti-ca trao cho ngài tám bó cỏ.

Ngài chào cây Bồ-đề bảy lần, đứng về hướng đông và rải cỏ ra thành một cái ngôi đẹp. Ngài ngồi lên; mình ngay mặt trở về hướng đông, và nói một cách chỉnh tề rằng: «Dầu cho ta hao mòn hình thể, da nhăn, mặt héo, tay khô, xương rục đi nữa mà bao giờ chưa thành đạo thời ta nguyện không đi khỏi chỗ nầy.»

Ngài tréo chơn lại.

13.— Bọn quỉ Ma-Vương.

Khi Đức Thích-Ca ngồi dưới góc Bồ-đề, hào-quang chiếu khắp các nơi, chiếu đến hoàng thành của Mã-Ra mà người gọi là Ma-lanh. Mã-Ra lấy làm tươi cười, kế nghe có tiếng nói rằng: «Nầy Ma-Linh! Giờ nầy dưới cây Bồ-đề có đức Sỉ-đạt-ta, thái-tử con vua Sư đà-na đương ngồi tầm-đạo. Ngài lấy cả tinh-thần, lấy cả nghị-lực mà khảo-xét, đây rồi đạo ngài sẽ cứu vớt người. Ngài sắp đến cỏi Nát-bàn và ngài cũng dắc dẫn cho nhơn-loại đến cỏi Nát-bàn luôn. Còn ngươi thời không danh-vọng gì, đây rồi ngươi không còn một tên quân, không còn một con hầu, ngươi không biết nương vào đâu vậy».

Vua Mã-Ra rất buồn, muốn ngủ nhưng nằm mộng thấy nhiều điềm đáng ghê. Ngài thức dậy, đòi các tướng sỉ đến quanh mình. Thấy vua có tuồng hoảng hốt, mọi người lấy làm sợ-sệt. Thái-tử tên Xã-ta-hoa-ha (Sârthavâha) tâu rằng:

— Phụ-vương sao buồn như thế? Phụ-vương sao ra tuồng hoảng hốt? mà tay chơn run rẩy, mặt mày mét xanh? Phụ vương nghe thấy những đều chi xin cho con biết với!

— Nầy con! ắt là cha không còn tự cao nữa rồi. Cha nghe tiếng thốt rằng Thích-Ca ngồi tham-thiền dưới cây Bồ-đề. Cha nằm mộng thấy nhiều đều rất dữ-dội vô cùng. Cha thấy dinh thự đền đài đều hóa ra tro-bụi; huê-viên không còn hoa-quả cùng là cành lá cũng gảy mất rồi; ao hồ đều khô-khan; công, phụng đều rã cánh; còn cha thì trời trọi ở giữa cái tấn-kịch bi-thương ấy vậy; cả triều-thần đều xa. Hoàng-hậu tuồng như hối-hận mà bứt cả tóc tai. Công-chúa kêu la vang rân, còn các con thời lại nghiêng mình trước người ngồi nơi cội cây Bồ đề, ta muốn lướt chém Thích-Ca, nhưng gươm tuốt chẳng ra. Quân-sỉ đều sãng mà chạy mất; kế trời mù-mịt tối tâm bao chung quanh ta, liền đó ta nghe dinh-thự đều ngã ra!».

Thái-tử Xã-ta-hoa-ha tiếp rằng:

«Tâu phụ-vương, ra trận mà bại thời buồn lắm. Nếu phụ vương thấy mộng triệu như thế thời chớ nên lướt tới mà phải hồ nguy.»

Nhưng vua Mã-Ra dòm tướng-sĩ mình rất đông thời vững lòng và phán với con rằng:

«Đối với người mạnh-mẻ thời cuộc chiến-chinh là vinh-hạnh lắm. Ta đảm lắm, ta có binh nhiều, ta sẽ thắng ngay. Thích-Ca chỉ có một mình; ta lại cây Bồ-đề mà hạ-thủ va được, ta mới nghe cho!»

Vua Mã-Ra không kể tới con, bèn xuất binh ra đi. Nhưng thái-tử nghĩ rằng: «Kẻ nào tự cao tự cường thời không ai can gián được.»

Quân binh của Mã-Ra rất hùng hồn, kéo đi rần-rần rộ-rộ với thương, gươm, cung, búa, chì v. v.

Tướng-sĩ trông rất dữ-tợn, hung-hăng: kẻ mặt đen; người mặt đỏ; kẻ mặt vàng; người mặt xanh; mắt phung lửa, miệng phung máu, xem rất gớm ghê. Kẻ lại giống cọp, giống hùm; kẻ mặt lừa; người mặt gấu; kẻ có đuôi; có nhiều tướng lại có hai đầu, bốn tay; ba đầu sáu tay; năm đầu, mười tay; mười đầu hai mươi tay. Ăn mặc rất lạ thường, chúng nó la hét rền trời.

Kẻ thì nói: «Ta có tài bắn một trăm mủi tên, ta sẽ bắt Thích-Ca.»

Kẻ lại nói: «Ta có phép hóa lửa, tá sẽ thiêu Thích-Ca.»

Có kẻ lại nói: «Ta có thế nắm lấy mặt trời, mặt trăng và các tinh-tú, ta sẽ bắt lấy Thích-Ca với cây Bồ-đề.»

Có kẻ nói: «Mắt ta độc lắm, sông biển ta ngó còn phải cạn, thay vì là Thích-ca, ta liếc qua thời ắt người thành tro bụi.»

Thái-tử Xả-ta-hoa-ha đứng xa xa, có vài người xúm lại và bàn rằng: «Khốn nạn thật! làm gì mà ngồi lim dim như điên, làm gì mà ngồi êm như sợ!»

Thái-tử đáp: «Các ngươi mới thật là điên, các ngươi mới thật là sợ. Các ngươi chưa biết Thích-ca mạnh mẻ thể nào, không thế làm chuyển được cái tinh thần của ngài. Dầu cho các ngươi đông thế nào thời các ngươi cũng không thắng được ngài, các ngươi nên kính-phục, nên ca-tụng ngài, không nên làm lếu với ngài. Lúc nầy là đến cái buổi ngài làm chủ rồi. Trong rừng hễ vắng chúa sơn-lâm thời đàng heo, sói tung-hoành, hễ có chúa sơn-lâm thời heo-

sói đều kính nhường. Trong đời bởi chưa có chủ nên cả thảy đều lên mặt lên mày.» (1)

Thái-tử con của vua Ma-lanh nói rất phải, nhưng các tướng-sĩ đều không nghe, họ bèn lướt đến.

Trước khi giáp chiến, Ma-lanh muốn ra oai, bèn hô phong. Tức thì dông-gió đùng-đùng làm cho rừng núi ngã nghiêng, nhà cửa sập hư, nhưng đức Thích-Ca chỉ ngồi yên, vạt áo không phớt động.

Ma-lanh bèn kêu mưa, thì mưa xuống rất lớn, ngập cả thiền-thị, thôn-quê, mà chung quanh đức Thích-Ca vẫn ráo khô, áo Thích-Ca không dính một hột mưa.

Ma-lanh bèn hóa ra đá lửa mà ném vào. Đá lửa lăn chóa khắp trời nhưng đến gần cây Bồ-đề liền hóa ra những hoa tươi. Ma-lanh bèn cho cả quân-linh lấp tên vào cung mà bắn vải ra. Tên bay đến gần hóa thành hoa. Cả quân binh liền xông vào mình Thích-Ca, nhưng hào-quang chói xung ra che cả mình: búa, đao, gươm, chỉ đều mẻ nát hết, còn thì rớt trên đất cũng hóa thành hoa.

Cả binh linh của Ma-lanh thấy các sự lạ thường như thế đều hoảng kinh và chạy đi xa.

Vua Ma-lanh lấy làm đau lòng, bèn la lên rằng: « Ta có làm đều gì hại mà lại phải thua người nầy, ta vẫn khoan-dung và đại-độ với quan-dân ».

Quân-binh của Mã-Ra đứng ngoài xa, nghe được bèn tâu với nhau rằng: « Tâu Bệ-hạ! Bệ-hạ khoan-dung đại-độ vô cùng ».

Mã-Ra bèn tiếp:

— Còn người nầy! Biết người có đạo-đức bằng ta chăng mà lại thắng được ta? » Liền có một tiếng lớn dưới đất rền lên rằng:

« Ta đây! Ta biết người ấy có đạo-đức rất dày.» Mã-Ra nghe nói thời nghẹn ngào và ngạt nhiên vô cùng.

Kế tiếng ấy thốt nữa rằng:
« Ở ta đây! Ta là bà Đất đây! ta là mẹ của muôn loại

---

(1) Hiểu về triết-lý, Ma-lanh (Ma-vương) với những sự phá của nó là tình dục, thắng được nó là thắng được các mối tình.

đây, ta chứng rằng người ấy có đạo-đức rất dày. Người ấy sẽ cứu những kẻ chiềm nổi nơi bể khổ sông mê, người ấy sẽ trị được cái già, cái khổ, và cái chết vậy. Người ấy phải cao hơn ngươi, phải thắng được ngươi.

Mã-Ra liền thấy lộ lên một người đờn-bà đẹp vô cùng, nghiêng mình và chấp tay vái chào Thích-ca rằng: «Ngài là đấng trong sạch nhứt, cao thượng nhứt vậy». Nói xong bà liền biến mất.

Mã-Ra thấy mình thua bèn khóc ngất.

14.— Khoát nhiên đại ngộ.

Bọn quỉ đã chạy mất. Ngài nghĩ rằng: « Đời nầy thật khổ, con người sanh ra rồi già, già đến chết, chết lại sanh trở lại, luân hồi mãi thế, không thế thoát ra.»

Ngài định tâm thêm nữa và nói thầm rằng: « Nguyên nhơn già và chết tự nơi đâu? — Chính bởi có sanh rồi mới già, già rồi mới chết. — Vậy chớ sanh ra là do nơi đâu? — Chính bởi có sống mới có sanh ra.— Mà sống là do nơi đâu? — Sống là do nơi luyến ái. — Luyến ái là do nơi đâu? — Luyến ái là do nơi sự muốn. — Muốn là do nơi đâu? — Muốn là do nơi cảm giác. — Cảm giác là do nơi đâu? — Cảm giác là do nơi trực tiếp. — Trực tiếp là do nơi đâu? — Trực tiếp là do nơi sáu chỗ (six sens). — Sáu chỗ là do nơi đâu? — Chính do nơi hình và danh. — Hình danh là do nơi đâu? Chính là do nơi sự nhận biết. — Nhận biết là do nơi đâu? — Bởi có cảm nên mới có biết. — Cảm là do nơi đâu? — Do bởi sự ngu, dốt, lỗi, lầm.

Ngài nghĩ nữa rằng:

« Vậy nguồn gốc tử, lảo, bịnh, khổ là ngu, dốt lỗi, lầm. — Hễ diệt ngu, dốt, lỗi, lầm thì diệt cái bị cảm dỗ. — Hễ diệt cảm dỗ thì diệt sự nhận biết. — Hễ diệt sự nhận biết thì diệt hình danh. — Hễ diệt hình danh thì diệt sáu chỗ (six sens). — Hễ diệt sáu chỗ thì diệt trực tiếp. — Hễ diệt trực tiếp thì diệt cảm giác. — Hễ diệt cảm giác thì diệt sự muốn. — Hễ diệt sự muốn thì diệt luyến ái. — Hễ diệt luyến ái thì diệt cái sống. Hễ diệt cái sống thì diệt cái sanh. — Hễ diệt cái sanh thì diệt cái già và cái chết. — Sống thì khổ. Sự muốn nó dắc đi luân hồi, nó dắc đến nẻo khổ. — Diệt cái muốn thì làm cho cái sanh không nảy ra nữa và cái khổ không gây ra nữa. Sinh hoạt thanh bạch diệt được sự muốn, thì không còn bị luân hồi và nạn khổ.

Trời rạng đông, ngài thành Phật.

HỒI THỨ' NHÌ

15.— Hai người học-trò đầu

Đức Phật không day động. Ngài ngồi xếp chơn, dưới cây Bồ-đề. Có lẽ ngài đương hưởng mùi hân-hạnh mà thấy đạo mình được thành. Ngài nghĩ rằng: « Ta được giải thoát rồi ».

Trọn một tuần, ngài vẫn ngồi im dưới cây Bồ-đề. Sang tuần sau ngài vân-du, đi khắp cã bốn gốc trời. Qua tuần thứ ba ngài ngồi trở lại dưới cây Bồ-đề, mắt vẫn nhắm chớ không nháy lần nào. Đến tuần thứ tư ngài dạo chơi từ biển đông qua biển tây.

Bấy giờ vua Ma-lanh chính là người hôm nọ đã muốn hại ngài nhưng phải thua nên buồn hoài không nguôi, bèn đến ngay trước ngài mà nói chua cay rằng: « Ngài! Ngài đã biết đường thoát thân, sao còn chậm trễ ở cỏi nầy mà làm gì! Ngài nổi đèn lên mà làm cho lẵn yến sáng lu lờ phải tắt đi nào! Sao ngài chưa về Nát-Bàn đi, còn đợi chừng nào?»

Nhưng đức Phật trả lời rằng:

« Không! ta chưa tắt được lẵn yến sáng tối, ta chưa vào Nát-Bàn. Bây giờ ta hành đạo mà lo kiếm lấy học trò cho đông, rồi sau các học trò ta truyền đạo thêm ra. Nầy Ma-lanh, ta quyết thuyết đạo và hành đạo cho tề-chỉnh đặng cho những kẻ nghịch thù của ta không còn bức tức vậy. Bao giờ người trần thế chưa hiểu biết ta, bao giờ đạo ta chưa thạnh thời ta chưa về Nát-Bàn ».

Ma-lanh nghe, lấy làm thẹn, bèn day mặt trở đi và tuồng như có tiếng thần-tiên cười ngạo bên tai rằng: « Nầy Ma-lanh, nhà ngươi thua rồi! Từ đây nhà ngươi chỉ là một kẻ thơ thẩn thẩn thơ, như một con cò vì mất cơ hội mà đứng cú rũ bên ao. Nhà ngươi hết mạnh mẻ gì nữa rồi, có khác nào một con tượng già sa lầy đem mình không lên, nhà ngươi tự phụ là bực anh-hùng, té ra nhà ngươi còn bại nhược hơn một kẻ bịnh giữa rừng, nhà ngươi còn ngạo mà làm gì? »

Ma-lanh sượng-sùng, lấy cành cây khô, vẻ hình trên đất.

Ba người con gái thấy thế, cô lớn bèn hỏi rằng: «Thưa cha, vì sao cha buồn lắm vậy?

— Cha buồn là vì cha thua người. Dầu dùng lực, dầu dùng mưu, cũng không thế làm cho người lo ngại chút nào.

Cô thứ hai bèn nói:

— Thưa cha, chúng con có sắc, có lẽ chúng con biết làm cho người ấy mê mẩn lận!

Cô út cũng tiếp rằng:

— Để chúng con đi kiếm người ấy mà làm cho si-tình, rồi chúng con xỏ mủi mà dắc về cho cha!»

Cả ba đồng đến trước đức Phật và ca hát rằng:

«Nầy mùa xuân đã đến rồi! Cỏ hoa đẹp để chào xuân, con người tươi cười cùng nhau hưởng xuân. Ngài ôi! ngài đẹp vô cùng, cặp mắt lóng lánh rất hữu tình, dáng người tươi-tỉnh oai-phong! Còn chúng em đây, ngài nên đoái lại chúng em nào! Chúng em biết làm cho người được vui đẹp luôn! Ngài nên đứng dậy, chúng em chào mầng ngài thời ngài cũng nên đón rước chúng em. Ngài còn thiếu niên, thời nên dùng cái thiếu-niên cho lăn lóc đá mới là đáng cái sức khỏe cho! Ngài hãy đề ra ngoài lòng những tư-tưởng nặng-nề đi. Nầy! Mái-tóc chúng em rất thơm-tho, mịn-màng; cập mắt chúng em rất sắc-xảo, mặn-mà, chan-chứa biết bao nhiêu ái-tình. Môi chúng em đỏ hồng và ấm áp như trái chín dưới bóng trời. Chúng em ca, múa rất hay, trong như tiếng hạt, dịu như hoa sen. Chúng em có cái đặc sắc về lối đưa tình. Ngài nên tưởng đến chúng em, chúng em sẻ cố sức mà thờ ngài».

Đức Phật nghe ngâm-nga không chút động lòng. Ngài ngó ba cô ấy một cách rất nghiêm làm cho ba cô hóa ra rụng-rời mà ủ liểu phai đào, như đóa hoa tan-tác giữa đường.

Cả ba đồng trở về.

Cô lớn nói với cha rằng:

— Thưa cha! Người ấy làm cho chúng con mất cả nét

xuân và làm cho chúng con nhăn-nhó, sậm đen như thế nầy.

Cô thứ hai nói:

— Thật người ấy không biết động tình, duyên của chúng con có thể làm cho nhạn sa cá lụy mà người cũng không đạt lòng!

Cô út than rằng:

— Ôi thôi! Người ấy hại chúng con một cách nặng nề.

Cô lớn kêu cha mà rằng:

— Cha! Chúng con mất cả những vẻ đào thơ rồi, cha tính lẽ nào?

Ma-lanh không biết xử thế nào, túng phải thốt rằng:

— Các con ôi! Cha thấy các con dường ấy cha rất đau lòng. Người ấy thật lướt khỏi sóng tình mà được cao thượng hơn cha, cha rất âu sầu. Các con lại bảo cha phải trả cái xuân-xanh, cái sắc đẹp của các con, cha biết làm thế nào? Bây giờ còn một đều có hi-vọng, là Phật đã làm cho chúng con già lại xấu thời chúng con nên trở lại mà khẩn cầu, thú tội, và chịu ăn năn, có lẽ ngài giúp cho các con được nhỏ lại và đẹp như thường.»

Ba cô liền đến trước Phật, vái rằng:

— Bạch ngài, chúng em rất lỗi lầm mà xúc phạm đến, xin ngài thứ cho.

Ờ các cô lỗi lầm! Các cô muốn lấp biển vá trời, muốn lấy tay toan đào ngã núi cao, muốn lấy răn toan cắn nát sắt to! Bây giờ các cô biết đã lếu mà tạ tội thời các cô biết xử trí lắm vậy. Thôi! ta không chấp đâu, hãy về đi.

Ba cô bèn từ giã ra đi, bây giờ lại họ đẹp hơn xưa nhiều.

Qua tuần thứ năm, đức Phật đương ngồi dưới cây vùng có luồng gió mạnh, kế một đám mưa đổ xuống lạnh lẻo thấu xương. Vua loài rắn (Moucilinda) nói một mình rằng: «Không nên để cho đức Phật phải chịu gió mưa nầy.»

Nói xong liền ra khỏi dinh, lấy đốt mình mà quấn chung quanh ngài trọn bảy vòng còn đầu thời che cho ngài. Mấy hôm ấy đức Phật vẫn ấm áp và khỏe khoắn như thường.

Sang tuần thứ sáu, ngài đến gần một cây vải, thường ngày mấy kẻ chăn chiên tựu nhau nơi gốc mà chơi. Hôm

ấy, có thần tiên đợi, thấy ngài đến đều vái chào.

Ngài phán rằng:

« Kẻ nào hiểu biết đạo lý thời lòng dạ êm ái, mát mẻ vô cùng, kẻ nào thấy xa hiểu rộng mà lo liệu thời vui vẻ vô cùng. Nhơn-loại nhớ hai điều ấy mà thi hành thời được thơ-thái luôn. Kẻ nào không còn ưa muốn sự đời là tiên-thánh, kẻ nào không còn lầm lỗi là tiên-thánh, kẻ nào lánh khỏi sự sai-lạc của giác-quan là tiên-thánh, kẻ nào không còn muốn sống để làm người cũng là tiên-thánh! »

Đến tuần thứ bảy ngài ngồi dưới cây Bồ-đề.

Có hai anh em kia Trapousha và Bhallika đi buôn phương xa mới về, đem theo năm trăm xe đồ. Khi gần đến cây Bồ-đề, xe không đi, bò không bước, có đánh đập hoặc dỗ dành cho mấy bò cũng đứng im. Hai anh em lấy làm sợ hải. Kế có một vị thần hiện hình xuống mà khuyên giải và bảo rằng:

« Nầy hãy đi tới trước ít bước thì hai người sẽ gặp người mà hai ngươi phải thờ kính ngay ».

Hai anh em trông thấy đức Phật hào-quang bủa giăng, đồng nói với nhau rằng:

« Ông thần sống nào, hay là non-núi nào đây mà! Hay là đức Bà-la-Môn (Brahma).

Kế thấy quần áo ngài, hai anh em định rằng: « Hay là ông bụt nào đây, bộ khi ông muốn dùng đồ ăn của mình ».

Hai anh em trở ra xe, đem bánh vào mà dâng lên. Đức Phật muốn lãnh lấy, nhưng không có bình bát. Thần-thánh ở bốn phương trời trông thấy, cùng nhau đem bình bát bằng vàng, bằng bạc, bằng ngọc. Nhưng ngài không thích, chỉ vừa lòng một cái bình bát bằng đá thôi.

Trong khi Ngài ăn, vị thần khi nảy nói với hai anh em rằng: « Người mà hai ngươi thấy đó là đức Phật, ngài đã tầm xong đạo rồi. Và từ khi giải thoát lối khổ trên đời đến giờ thời nay ngài mới rồi rảnh mà ăn. Đây rồi ngài đi khắp thế-giới để truyền đạo cho loài người ».

Hai anh em nghe thuật rất mầng và luôn dịp cũng được đức Phật thâu nhận làm đệ-tử để truyền đạo ngài. Hai chàng là hai người học trò đầu hết của đức Thich-Ca vậy.

16.— Phật tính đi hành đạo

THÍCH-CA tu thành. Ngài định phương-pháp để truyền bá đạo mình. Ngài nghĩ rằng: **«Ta tầm xong Chơn Lý : ngấm ra khó cho người thấy biết vậy. Chỉ có những bực có tư-tưởng cao thượng mới có thể hấp-thọ lấy. Ở chốn phong-trần, nhơn loại xao-xác, ta-thán vô cùng, nào có hiểu nguồn khổ ở đời là do nơi đâu, nào có rỏ đạo-lý ta truyền dạy cho đâu. Nhơn loại mà không đánh đỗ được tình dục với những cuộc vui-cười thỏa-thích ở hồng-trần thời không thế nào lên Nát-Bàn. Nếu ta hành đạo mà nhơn-loại không biết nghe theo, thời bao giờ nhơn-loại được nghe thấy sự Thật, cái tâm-trí tối-tăm và dốt-nát của họ vẫn mờ ám luôn.»**

Đức Phật cúi đầu suy nghĩ và định không giảng giải cho nhơn-loại.

Bây giờ đức Brahma biết Thích-Ca đương lưỡng lự. Ngài lấy làm sợ sệt mà nghĩ rằng: «Ôi! Nếu Thích-Ca không hành đạo, nếu ngài không dắc dẫn nhơn-loại thì cảnh trần thật không còn gì là tốt đẹp được.»

Brahma ra khỏi thượng-giới, bay xuống đáp ngay trước mặt Thích-Ca.

Ngài mở áo lộ một chả vai, làm lễ tôn-trọng, rồi quì xuống đưa hai bàn tay lên và tâu rằng :

«Bạch Ngài! nhờ Ngài hành đạo đi. Trong đám nhơn-loại cũng có nhiều kẻ trong sạch mà bụi trần không đóng dơ. Nếu Ngài không chỉ giáo cho thời chúng nó thế nào thoát nạn khổ được. Nếu Ngài cứu vớt chúng-sinh, chúng sẽ làm đệ-tử Ngài.»

Đức Brahma tâu xong. Phật Thích-Ca ngồi lẳng lặng. Đức Brahma tiếp rằng: «Tự lâu nay có một cái đạo-lý xấu xa nó tràn khắp cả địa-cầu làm cho nhơn-loại ăn-ở rất lỗi-lầm. Bây giờ cần có Ngài để giải thoát. Xin Ngài hảy mở vòng khổ cho chúng-sinh. Ngài đã lướt trăm ngàn cay đắng mà lên tận một dãy núi cao. Ngài đứng trên đảnh mà dòm ngó cả nhơn loại dưới trần. Xin ngài mở lòng

từ-bi, tưởng đến bao nhiêu con người khốn-khổ vì nỗi sanh, nỗi già. Xin Ngài dời chơn đi khắp cả địa cầu mà chỉ nẻo cho người, mà soi sáng cho người, để rồi kẻ đệ-tử Ngài sẻ được nhiều thêm.»

Phật Thich-ca phán rằng :

«Đạo ta tầm thật sâu-xa, thâm-thúy, kẻ thường khó mà nghe thấy cho rỏ-rệt, rồi ra người dưới trần sẽ chê ngạo bài-bát luôn, chỉ có năm ba người có thể thọ lấy mà tuân theo. Nếu ta để bước ra đi giảng giải cùng những kẻ không nghe ta thời vô ích lắm, chi bằng ta ở luôn đây. Nầy Brahma ! Nhơn-loại là món đồ chơi của sự dốt-nát vậy.»

Nhưng đức Brahma nói nữa rằng :

«Ngài có đạo-đức cao thượng, yến-sáng Ngài chói cả bốn gốc trời, thế mà Ngài đành làm ngơ ! Bạch Ngài ! Lối ấy Ngài nên tránh đi, nó không chính đáng với Ngài đâu. Ngài đứng dậy mà dống trống, thổi kèn, gỏ mỏ, rung chuông, thắp sáng cái đèn đạo-lý của Ngài lên nào. Mong sao cho đạo Ngài thoát những kẻ đương bị dây dục-tâm nó trói, cứu những kẻ đương bị cái lửa hại nó thiêu. Ngài nên nghĩ tôi quì dưới chơn Ngài. Ngài nên nghĩ chư Tiên đương mong cho Ngài vớt lấy kẻ trần mà nhờ Ngài hành đạo đi !»

Phật xét rằng :

«Dưới một cái hồ, trong đám hoa sen, cái xanh cái trắng, có thứ dưới nước, thứ nổi lên mặt, có thứ lại vượt lên cao mà không thấm nước. Trong trần cũng thế, có người trong sạch, có kẻ lôi thôi, người thì sáng trí, kẻ thì tối tâm, người cao thượng, kẻ thấp hèn, người sẽ hiểu đạo, kẻ không hiểu, ta nghĩ thương hại các chúng-sinh. Ta cũng vẫn coi như nhau các hoa sen, hoặc chìm dưới nước hoặc lướt lên cao.»

Đoạn ngài phán với Brahma rằng :

«Thôi ta nhứt định rồi, ta sẽ ra tay vớt lấy kẻ trần, ta sẽ hành đạo cho kẻ trần. Ta e nhọc nhằn mà bất thành. Nhưng vì thương hại nên ta không quản công lao.»

17.— Phật sang thành Bénarès

Đức Phật bèn nghĩ coi trong nhơn-loại ai là có thể đáng làm đệ-tử đầu hết của ngài.

Ngài nói một mình rằng:

« Ta chưa định chắc người nào trong sạch, minh-mẫn và sốt-sắng để ta truyền dạy đạo ta! Người ấy phải có lòng từ, không biết ghét ai, không có trí xao-xác và không coi đạo-lý là một cái bí thầm vô cùng.

Ngài nhớ đến thầy Vũ-tràng-Ca (Roudraka), ngươi ăn ở trong sạch, có lòng từ-thiện và không coi đạo-lý là một lẻ bí-mật. Ngài định nhận Vũ-tràng-Ca làm đệ tử. Ngài lại nghĩ: « Mà người ấy bây giờ ở tại đâu? » Và ngài biết ra rằng thầy Vũ-tràng-Ca đã tạ thế trước bảy ngày rồi. Ngài lại nói: « Ta rất tiết cho thầy chết mà chưa được nghe biết đạo ta, chớ chi còn sống thầy có thể hiểu đạo và truyền bá thêm ra. »

Ngài nghĩ đến thầy Á-ra-ta Cà-la-ma (Arata-kalama) là người sinh-hoạt trong sạch, có trí sáng và sẽ hân hạnh mà truyền đạo Ngài thêm. Ngài xét ra, biết thầy Á-ra-ta chết đã ba ngày. Ngài bèn nói: « Á-ra-ta chết trước khi hiểu đạo ta thời uổng vì tư-tưởng còn có thể trau giồi cho cao thêm. »

Ngài nghĩ ngợi thêm, bèn nhớ đến năm người đệ-tử của Vũ-tràng-Ca lúc trước lấy làm tôn-trọng Ngài. Năm người ấy trong sạch, sốt sắng và sẻ hiểu đạo Ngài. Ngài suy nghĩ, biết năm người đương ở tại thành Bénarès. Ngài liền sang thành Bénarès. Đi đến núi Gả-Gia (Gaya) gặp một nhà sư tên là Ô-bá-Cang (Oupaka). Ông bụt nầy trông thấy đức Phật thời la lớn lên rất mầng. Ô-bá-Cang khen rằng: « Ngài đẹp lắm nhỉ! Mặt Ngài sáng lắm nhỉ! Trái chín đỏ hồng không đẹp hơn Ngài, cảnh trời mùa thu không trong bằng Ngài. Tôi xin Ngài phán cho tôi biết ai là thầy của Ngài?

Đức Phật đáp:

— Ta không học với thầy. Không có nhân-vật nào có

thể sánh với ta, duy có ta là khôn-ngoan, yên tịnh và không nhơ bợn với bụi trần. Ô-bá-Cang tiếp nói :

— Thế thì Ngài là Thầy đây mà !

— Phải ! ta là Thầy chung ở trên đời. Và trong vỏ-trụ, không có Tiên-Phật nào, không có chúng-sanh nào giống như ta.

Ô-bá-Cang liền hỏi :

— Ngài đi đâu đây ?

— Ta sang thành Bénarès. Đến nơi ta sẽ tỏ cái yến sáng ta ra mà soi cho cỏi trần, mà soi cho những kẻ mờ ám mịt mù. Ta sang thành Bénarès. Đến nơi ta sẽ đánh trống đề thức-tỉnh những kẻ điếc, ta sẽ truyền bá đạo lành.

Ngài đi nữa, và đến mé sông Găng-hà (Gange). Sông lớn, nước ngập. Ngài đương kiếm kẻ chèo thuyền để đưa sang. Thấy một người chèo thuyền Ngài bảo rằng :

— Nầy ! Bác sẳn lòng giúp tôi sang sông.

Người chèo đáp : tôi sẳn lòng lắm, nhưng ông định cho tôi bao nhiêu.

Đức Phật phán : Ta không có tiền, làm sao trả cho. Nói xong, Ngài bay qua sông.

Người chèo thuyền rất buồn và trách lấy mình rằng : « Ta không đưa người đáng trọng sang sông ! Chết nổi ! chết nổi.» Nói xong nó liền ngã ra mà khóc dầm dề.

18.— Cuộc thuyết pháp lần đầu

Đức Phật vào thành Bénarès (1). Ngài đi khắp cả thành để xin cơm. Ai cho bao nhiêu ngài đều xơi tất cả. Kế ngài đến vườn hươu. Ngài biết nơi đó là chỗ ngụ của năm người đệ-tử của Vủ-tràng-Ca. Cả và năm thấy ngài đàng xa, nhớ biết ngài và nói với nhau rằng:

Người sắp đi ngay đến ta, ta biết đã lâu rồi. Lúc trước ta lấy làm qui-phục người, vì người biết chịu khổ hạnh, về sau ta không còn cảm tình với người, vì người bỏ lối khổ-xác mà trở lại ăn-uống no-nê. Ngày trước người ấy có tư-tưởng mà ta còn chưa hoan-nghinh, thay gì là bây giờ đã trở nên một kẻ chỉ ham-mê trong sự no-say thì ta còn tưởng đến mà làm gì. Ta không cần phải tiếp rước người; ta không cần phải nâng lấy áo và bình-bát của người; ta không cần phải mời người ngồi; ta đồng bảo rằng ta chỉ có đủ chồ ngồi chớ không có dư; và ta không cần phải mời ăn uống mà làm gì!»

Đức Phật đi ngay tới chừng nào thời năm người kia lại càng ngồi không yên, tuồng như có một cái mảnh-lực nó bắt phải đứng ngay lên. Bấy giờ năm người như năm con chim nhốt trong lồng mà có lửa đốt phía dưới, hễ lửa càng lên thời chim càng bất yên mà bay lộn-xộn với nhau. Năm người lao xao như kẻ bịnh. Sau rốt, cùng nhau phải chịu thất lời giao-ước, đồng đứng dậy, chạy đến đức Phật và vái chào: người thì nâng lấy áo, kẻ thì cầm lấy bình-bát kẻ lại mời ngồi, và đem nước đến rửa chơn cho Ngài.

Cả thảy đồng chào rằng:

— Kính chúc bạn, mời bạn ngồi với anh em chúng tôi.

Đức Phật bèn phán rằng:

«Các ngươi chẳng nên gọi ta là bạn. Ta là đấng Trong-

---

(1) Thành Bénarès là chồ thánh, mà thầy Huyền-Trang có viếng. Xem lại cuốn "Văn minh nhà Phật", đoạn tích Phật miền sông Gange (trương 51-62).

sạch. Thơm-lành, ta là Phật lớn nhứt vậy. Các ngươi lẳng lặng mà nghe, ta đã tầm được Đạo để giải thoát rồi. Ta sẽ chỉ đường cho các ngươi, ta sẽ truyền Đạo cho các ngươi.»

Cả năm nhà tăng đều đáp rằng :

— Ngày xưa người khổ hạnh mà chẳng thành, ngày nay người sinh-hoạt rất no-ấm, thế nào biết được đường ngay.

Đức Phật tiếp :

— Không, ta đâu có sinh-hoạt trong chỗ no-say mà mê với đời, ta đã bỏ cả những việc sung-sướng ở đời.

Ta chính là đấng Trong-sạch, Thơm-lành, ta là Phật lớn nhứt vậy. Ta đã tầm Đạo để giải thoát, các ngươi biết chưa!

— Bạch thầy! Các con xin theo.

— Phải! ta là đấng Trong-sạch, Thơm-lành, ta là Phật lớn nhứt đã tầm đường giải thoát, các ngươi nên nghe.

Cả năm người lẳng lặng nghe, đức Phật giảng rằng : **«Người muốn sinh-hoạt cho sáng sủa phải tránh xa hai điều tệ dưới đây. Một là sung-sướng quá độ : có nhiều hạng chỉ mài miệt trong cuộc truy-hoang, trong khoản ba vạn sáu ngàn ngày, bao giờ cũng dông-chơi. Như vậy là tệ. Hạng người nầy không xứng đáng mà có tư-tưởng minh-mẫn được. Còn một cái tệ nữa của những hạng người chỉ biết khổ-hạnh thôi, bất luận là cái thú gì cũng làm ngơ, cuộc sinh-hoạt như thế là buồn và vô ích. Người có tư-tưởng minh-mẫn phải tránh nó cho xa. Nầy các ngươi! người trong-sạch không bao giờ hoan-nghinh hai lối ấy. Người trong-sạch tầm được đường chánh, cách phân hai cái tệ ấy ; hễ noi theo thời được sáng sủa và khoái-lạc tinh-thần, được biết đạo-lý, và được đến cõi Nát-Bàn. Đường nầy chia ra tám ngánh là : lòng dạ trong-sạch, nghị-lực trong-sạch, lời nói trong sạch, việc làm trong sạch, tánh tình trong sạch, ý muốn trong sạch, trí nhớ trong sạch, tư tưởng trong sạch. Ấy là đường chánh nên noi theo, nó sẽ dắc đến cõi nhàn-lạc, đến nguồn đạo-lý, đến cõi Nát-Bàn.»**

Năm ông bụt nghe ngài giãng, nín hơi không dám thở mạnh. Ngài ngưng giây phút và tiếp rằng :

«Ta sẽ giảng với các ngươi về chơn-lý sự khổ. Sanh là khổ, già là khổ, bịnh là khổ, chết là khổ. Gần với nhân-vật mình không ưa, không thương, không mến: khổ. Xa với nhân-vật mình yêu: khổ. Không được như nguyện: khổ. Nghe thấy nhận biết bằng tính, trí, giác, quan: khổ. Ta sẽ giảng với các ngươi về chơn-lý và nguồn sự khổ. Sự ham sống ở đời làm cho nhân-loại chết đi sống lại mãi mà hễ biết ham sống tất biết ham những việc vui sướng, càng được càng ham. Mà muốn ham chuộng cho dể thời phải có được quyền lực về mình. Vậy thì ham chuộng quyền lực, ham chuộng sự vui, ham chuộng sự sống là những nguồn gốc sự khổ vậy. Và ta sẽ giải với các ngươi về phương pháp để trừ sự khổ luôn. Nếu các ngươi có ham muốn thời phải hạ lòng xuống ngay, rồi lần lần bỏ cái lòng ấy đi, phế nó đi, giải thoát cho nó ra khỏi đi mà không còn biết nó là gì. Nầy các ngươi, ta sẻ giải để các ngươi nghe về cái chơn-lý để mở đường trừ cái lối khổ. Thật là một đường cao trọng chia ra làm tám ngánh, như là : lòng dạ trong sạch, nghị lực trong sạch, lời nói trong sạch, việc làm trong sạch, tính tình trong sạch, trí muốn trong sạch, trí nhớ trong sạch, tư-tưởng trong sạch. Bây giờ các ngươi đã thấy biết cái chơn-lý sự khổ rồi. Thật trước ta thời không ai được thấy biết. Mắt ta sáng ra, cái bí-thiết sự khổ cũng mở toát ra. Ta đã hiểu chơn-lý và phương-pháp để trừ sự khổ thời các ngươi cũng được biết luôn».

Năm ông bụt nghe ngài giảng, rất lấy làm hay. Ngài phán nữa :

«Ta biết rằng: ngày nào mà ta chưa thấu bốn cái diệu-lý ấy, thời hoặc trên trần-thế, hoặc ở cảnh Bồng-lai, hoặc ở nước vua Mã-Ra, hoặc ở cỏi đức Bà-la-môn (Brahma), chính là trong bao nhiêu những nhân-vật, những tiên-thánh, những bụt cùng những thầy Bà-la-môn thời chưa có ai là Đại-từ, Đại-bi vậy. Mà ngày nay ta rỏ diệu-lý ấy, hoặc ở trần-thế, hoặc

ở Bồng-lai, hoặc ở nước vua Mã-Ra, hoặc ở cõi đức Brahma, chính là trong bao nhiêu những nhân-vật, những tiên-thánh, những bụt cùng những thầy Bà-la-môn thời có ta là Đại-từ Đại-bi. Ta được giải-thoát mãi luôn, từ đây ta sẽ tránh khỏi cái luật luân hồi ».

Đức phật giảng như thế, năm ông bụt nghe lấy làm vui mà khen tặng và tôn trọng vô cùng.

19. Phật thuật tích ông bụt với con dê

Trong năm ông bụt có ông Cô-di-ni-a (Kaundinya tàu dịch Kiều-trần-Như) là người nghe kịp Ngài và tâu rằng:

« Bạch Thầy, tôi nghe hiểu được và như Thầy coi tôi có thế theo với thời tôi rất đa tạ.

Ngài phán hỏi rằng :

— Nhà ngươi hiểu sao ?

— Bạch Thầy, tôi xin theo. Thầy đã hiểu biết, thời tôi xin theo. Thầy đã trong sạch, Thầy biết cả vỏ-trụ minh-mông, Thầy đã làm chủ mọi vật, Thầy đã chỉ dạy cho tiên-thánh và loài người thời tôi xin theo. Tôi xin theo đạo-lý, Thầy đã chỉ nó ra một cách rất rỏ rệt thời tôi xin theo. Đạo lý của Thầy là cứu nhân độ thế, cho đến những bực Hiền cũng phải nhận nó. Tôi nguyện xin theo đạo của Thầy là những lý trong-sạch, là đạo mà những bực Hiền phải hoan-nghinh.

— Ớ nầy Cồ-di-ni-a, nhà ngươi lại gần đây ! Nhà ngươi đã hiểu rồi. Đạo-lý ta đã giải rồi ! Nhà ngươi nên ăn-ở cho trong sạch và nên bỏ sự hành khổ đi ».

Kế ông bụt Hỏa-Ba (Vâshpa) đến gần Ngài mà nhận lòng thành-tín của mình đối với đạo-lý của Ngài. Rồi mấy ông La-ri-Ca (Bhadrika), Ma-ha-na-man (Mahânaman) và A-xi-hỏa-sinh (Açvajit) cũng hoan-nghinh luôn. Từ đây ở trần đã có sáu đức Phật vậy (1).

Đấng Đại-từ Đại-bi còn ở trong vườn hươu bỗng có chàng Gia-xa (Yaças) đến ra mắt. Gia-xa là người nhà giàu ở thành Bénarès, thường ăn chơi theo các hàng sang trọng trong thành, mà vui với thú đờn-địch xướng-ca, trăng gió một bầu. Bây giờ đã biết những thú ấy đều là vô lối cả, chàng bèn định tầm nơi tịch mịch ở non cao. Đấng Đại-từ Đại-bi trông thấy Gia-xa, bèn giảng giải cho, và chàng cũng vâng theo mà vào đàng chánh đáng. Cha của chàng, một nhà thương-gia nghe tin, bèn đến vườn hươu để tầm con và

(1) Năm vị nầy vừa nghe Phật thuyết pháp liền chứng quả thánh (La-hán).

muốn khuyên con không nên tu. Nhưng vừa nghe đấng Đại-từ Đại-bi thời người ấy hoan-nghinh vô cùng và xin thọ phép luôn. Vợ của chàng Gia-xa cũng tin theo đạo-lý của Ngài. Chàng Gia-xa ở tu với mấy ông bụt, cha mẹ và vợ đều tu tại nhà.

Bốn người bạn của Gia-xa nghe tin, rất làm kỳ họ bèn bảo nhau rằng:

«Anh em ta đồng đến vườn hươu để xem Gia-xa ra sao, may ra ta có thể bảo rằng chàng tin lầm và đem chàng trở về.»

Bốn người vào vườn nhằm lúc đức Thích-Ca đương dạy những kẻ đệ-tử.

Ngài thuật một chuyện như sao nầy:

Thuở xưa có một ông bụt tu núi một cách rất đơn sơ.

Người lấy cỏ cây mà làm quần áo, khát thời uống nước khe, đói thời ăn trái và rễ cây. Người không có quen với ai cả, chỉ làm bạn với một con dê. Con dê cũng biết nói như người, và ưa nói chuyện với ổng lắm. Con dê được nghe ổng dạy bảo, nó cũng tu luôn. Đến một năm kia trời hạn, nước ở mấy khe núi đều cạn khô; cây cối đều còi-cọc không còn bông, trái chi cả. Ông bụt không có gì ăn hoặc uống, lấy làm buồn chán bèn quăng áo, tính bỏ ra đi. Con dê thấy vậy bèn hỏi rằng:

— Ông làm gì đó?

Ông bụt đáp: Mầy không thấy sao? Ta không còn muốn mặc đồ nầy nữa.

— Ôi! Ông muốn đi sao?

— Ừ ta muốn đi ở chung với loài người đặng xin cơm mà ăn, còn ngon hơn trái và rễ cây ở đây.

Con dê nghe, lấy làm buồn, dường như con mất cha. Nó thưa rằng: «Ông đừng đi! Ông đừng bỏ tôi một mình. Xuống chợ có thú gì, người ta cả ngàn cả muôn có ai ngó ngàng đến mình. Chỉ có ở đây là an-nhàn, thanh-tịnh hơn thôi»

Con dê nói thế nhưng ông bụt đã quyết ra đi. Con dê bèn nói nữa rằng: «Được, ông muốn đi thì đi. Nhưng chờ tôi một ngày nữa thôi, rồi mai ông sẽ đi cũng chẳng muộn gì.» Ông bụt nghĩ rằng: «Loài dê kiếm ăn hay lắm, ta cố chờ một bữa, may ra nó có thể đem đồ về.»

Ông chịu, con dê hớn hở ra đi.

Nó đi rồi, ông bụt nổi lửa lên và nói một mình rằng: «Không có đồ ăn mà có lửa hơ cũng thú, ta hơ chơi mà chờ con dê về.

Sáng sớm con dê trở về, không có một món ăn. Ông bụt rất buồn. Con dê xá và thưa rằng:

— Chúng tôi là loài thú không có giác-quan và không có tri khôn, như tôi có lầm lỗi nhờ ông tha tội cho.» Nói dứt lời nó liền nhào vô đám lửa.

Ông bụt hỏi rằng: «Mầy làm gì vậy?» vừa hỏi vừa chạy lại đám lửa mà đem con dê ra. Nó thưa rằng: Tôi không muốn vì cái cảnh đói khát mà ông ngã lòng, tôi không muốn ông ra khỏi chốn nầy. Vã lại không có món gì để ăn thời tôi nhào vô lửa để thịt chín cho ông dùng đặng ông còn có thể ở lại đây.»

Ông bụt cãm lắm. Ông đáp rằng: «Thôi ta không xuống chợ đâu, dầu có đói chết ta cũng ở đây với mầy.»

Con dê lấy làm vui vẻ bèn ngó lên trời mà vái rằng: «Xin trời làm mưa cho chúng tôi nhờ.»

Trời lấy làm thương bèn làm mưa, ông bụt và con dê mới được nước uống và hoa quả mà ăn.

Đức Phật nín lặng giây lát và tiếp luôn rằng:

— Các ngươi có biết lúc đó con dê là ai chăng? Chính là ta đây. Còn ông bụt chính là một vài người xấu mới vào vườn, chính là tên Qui-ma-la (Vimala) nầy.

Đức Phật đứng dậy phán rằng:

— Như lúc đó ta làm dê ở trong khe núi, ta không cho ngươi đi lầm đường tà. Bây giờ ta đã thành Phật thời ta chỉ cho ngươi đường đạo vậy.

Mắt ngươi sẽ thấy, tai ngươi sẽ nghe, và bây giờ ngươi mới thẹn vì muốn đem bằng-hữu yêu-quí ra khỏi đường ngay.

Tên Qui-ma-la thụp xuống chịu tội với đức Phật và nguyện xin theo làm đệ-tử luôn. Ba tên kia đi theo cũng đều nhập học với Phật.

Mỗi ngày số học trò của Phật càng thêm đông, không

bao lâu Ngài được đến 60 thầy tăng để hành đạo thế cho Ngài.

Ngài phán với các học trò rằng:

— Ta đã thoát khỏi vòng phàm-tục rồi, các ngươi cũng vậy. Các ngươi nên tầm đường mà hành đạo, để giải cứu cho nhơn loại và làm cho cõi trần thêm tươi. Các ngươi cứ việc truyền đạo lành cho người mà dạy người ăn ở cho trong sạch. **Ở hồng-trần cũng có nhiều người mà bụi không đóng dơ, các ngươi sẽ hết lòng chỉ giáo thế cho ta ».**

Bao nhiêu kẻ đệ tử của đức Phật đều tẻ ra đi, còn Ngài thời đi theo đường Ôn-rưng-vỉnh-thành (Ourouvilva).

20.— Phật thâu ba chục kẻ nhạc với ba anh em Ca-diếp.

Đức Đại-từ Đại-bi đi cũng đã lâu. Ngài nghe trong mình có hơi mệt, thấy một cụm rừng bèn vào và ngồi dưới một cội cây. Ngài sắp ngủ bỗng thấy ba chục người còn trẻ tuổi vào rừng. Ngài ngước mắt xem.

Mấy người ấy có vẻ buồn và nói với nhau không được vui, tuồng như kiếm một người nào.

Mấy người ấy bèn hỏi Ngài rằng:

— Ông có thấy một người đàn bà đi ngang đây chăng?

— Không. Ta không thấy. Các người là ai?

— Chúng tôi là kẻ nhạc. Chúng tôi đi thành nầy tới tỉnh kia; thường khi chúng tôi giúp vui cho vua, và được khen ngợi nhiều. Hôm nay chúng tôi có đem theo một cô gái để làm vui. Nhưng lúc chúng tôi ngủ phía trước dựa lề đường, thời cô gái ấy trốn đi và trộm đồ của chúng tôi, nên chúng tôi đi kiếm nàng.

Đức Phật phán:

— Bây giờ các người muốn tầm kiếm nàng ấy, hay là muốn tầm kiếm các người.

Mấy người nhạc chỉ cười mà không trả lời.

Thấy một kẻ nhạc cười lớn tiếng hơn hết Ngài liền phán với nó rằng: «Nhà ngươi thổi sáo nghe chơi nào.»

Tức thì người ấy thổi sáo. Tiếng nghe rất hay cho nên Ngài biết rằng nó có thể làm vui lòng vua. Khi nó thổi xong Ngài bảo nó trao ống sáo cho Ngài.

Ngài thổi lên. Mấy kẻ nhạc rất lấy làm lạ, không hiểu tại sao mà Ngài thổi hay vô cùng. Trời thanh, các thần-nữ ở trong rừng đều ra khỏi cỏ-hoa để nghe tiếng sáo của Ngài.

Ngài thổi thổi.

Mấy kẻ nhạc bèn nói rằng:

«Bạch thầy! Chúng con ngỡ rằng chúng con rất hay trong

nghề truyền gia, nào dè thầy lại trỗi hơn nhiều, nhờ thầy thương mà dạy chúng con.

Ngài đáp :

— Bây giờ mấy người mới biết rằng sự hiểu-biết của mấy người còn khuyết điểm, sao mấy người chưa tầm sự hiểu biết hoàn toàn. Lại mấy người tưởng đã hiểu lấy mình rồi chớ mấy người có dè đâu về phần mấy người mà mấy người vẫn chưa thông. Mấy người muốn cho tôi dạy học nghề nhạc mà khi nãy tôi bảo mấy người ngó lại mình thời mấy người lại cười tôi.»

Mấy kẻ nhạc không còn cười nữa và bạch rằng:

— Chúng con hiểu Thầy rồi. Chúng con sẽ nhìn lấy các con. Đức Phật tiếp phán:

— Phải đa! Ta sẽ chỉ dạy đạo-lý cho các ngươi. Kìa vua Bá-mãng-Ca (Padmaka) quyên sinh cho dân-chúng để cứu lấy dân, thời các ngươi cũng sẽ hiến cái trí-thức cho nhơn loại để cứu lấy nhơn loại vậy.»

Ngài bèn thuật với mấy kẻ nhạc tiểu-sử vua Bá-mãng-Ca!

«Thuở xưa, tại thành Bénarès, có một nhà vua mạnh-mẻ và ngay thẳng tên là Bá-mảng-Ca. Thình-lình trong xứ có bịnh truyền nhiễm mà hại rất nhiều người. Cả thành đều phải một chứng bịnh nó làm cho nước da vàng, lại trời đương chói nắng mà mỗi người đều lạnh run. Vua trong thành lấy làm thương và tầm phương để cứu dân. Vua hỏi ý kiến của các danh-y, phân phát thuốc men và nuôi dưỡng những kẻ mắc bịnh. Săn-sóc bao nhiêu cũng không nhằm, bịnh càng dấy động thêm. Vua lấy làm buồn.

Một hôm có một ông danh-y già đến tâu rằng: «Tâu Bệ-hạ! Kẻ hạ thần biết một thứ thuốc có thể giải cứu cho dân trong thành. Vua phán hỏi: Thuốc gì.— Chính là con cá qui kêu là Rô-Hi-Ca (Rohita), phải bắt được cá ấy mà cho những kẻ bịnh ăn, thịt cá vào miệng thời bịnh dứt liền.» Vua rất lấy làm cám ơn, bèn truyền kiếm khắp nơi cho được cá ấy, nhưng cũng không được. Vua lại buồn thêm.

Có nhiều khi hoặc tối, hoặc sáng vua thường nghe những tiếng khóc than của dân thấu đến cung mình.

Vua khóc dầm. Một hôm vua nghĩ rằng: «Giàu có mà làm gì, ở ngôi mà làm gì, sống đây mà làm gì, lại không có thể cứu-chữa cho dân!» Vua cho đòi con và phán rằng: «Nầy con, cha giao lại cho con cả của-cải và ngôi báu nầy.» Kế vua ngự lên một từng lầu cao, tế Trời đất và Thánh-thần và vái lớn rằng: «Trẫm nguyện quyên sinh cái đời vô ích nầy mà cứu lấy dân. Mong sau cho thân trẫm sẽ thành cá Rô-hi-Ca.»

Vua liền nhảy ngay xuống sông mà trầm mình và hóa thành cá Rô-hi-Ca. Người ta chài kéo lên được nó. Cá còn sống người ta bèn làm thịt nó mà phân phát cho dân đau. Bịnh truyền nhiễm liền dứt sạch. Từ đó về sau thần-thánh thường bay xuống hiện trên thành mà ca tụng cho dân nghe biết lòng nhân-đức của vua Bá-mãng-Ca.»

Mấy kẻ nhạc nghe đức Phật thuật xong, đồng bảo với nhau mà theo Ngài để học đạo-lý của Ngài.

Khi đến thành Ô-rưng-vỉnh-Thành (Ourouvilva), đức Phật gặp được 3 anh em họ Cã-Xa-Ba (Kaçyapa tàu dịch Ca-Diếp) tu rất đắc đạo về phái Bà-la môn, có một ngàn đệ-tử theo nghe kinh. Lúc sau nầy ba nhà sư ấy rất buồn, vì bị có một con rắn đến khuấy-rối. Ba người thuật chuyện lại với đức Phật. Ngài mỉn cười. Ngài ngồi chờ con rắn đến, và bảo nó từ ấy về sau không được đến phá ba nhà sư với đệ-tử nữa. Con rắn vưng lời và không còn dám khuấy rối họ nữa.

Ba nhà sư cầu xin đức Phật ở nán lại ít ngày. Đức Phật chịu. Ngài bèn giảng-giải đạo-lý rất mầu, cả thảy đều định theo đạo Ngài. Duy còn một người anh trưởng không khứng và tưởng rằng:

«Đành rằng nhà sư ấy hay lắm và có phép mầu lắm, nhưng về phần trong-sạch thì người khó mà hơn ta.»

Đức Phật hiểu được ý-nghĩa ấy và phán rằng: «Nhà ngươi tưởng rằng đã được trong-sạch lắm, lại chính mình nhà ngươi không theo đường phải mà đến chỗ trong sạch.»

Nhà sư-trưởng ấy lấy làm ngạt-nhiên, vì cái tư-tưởng ấy chưa tỏ ra cho ai biết mà Ngài đã hiểu trước rồi.

Đức Phật tiếp rằng: «Nhà ngươi còn chưa biết làm thế nào đặng tầm đường để vào cỏi trong-sạch. Nếu nhà

ngươi muốn tránh khỏi nơi mờ-ám thì nhà ngươi nên nghe theo ta.»

Nhà sư suy nghĩ giây phút, bèn quì dưới chơn đức Phật và nói rằng: «Kẻ đệ-tử nguyện xin theo Thầy, nhờ Thầy chỉ đường để ra khỏi tâm-tối.»

Đức Phật bay lên một hòn núi, kế nói với ba nhà sư và bao nhiêu đệ-tử rằng:

«Nầy các thầy tăng! Cả thế-giới đều cháy đỏ như lửa rồi. Con mắt thì đỏ tợ lửa, cả những vật con mắt thấy đều là lửa, cả thảy những vật mà người ta thấy trên thế-gian đều là lửa. Sao vậy? Là vì người ta không tắt lửa tình và lửa ganh. Những ngọn lửa ấy làm cho thấy chóa mắt, vì vậy mà các thầy vẫn còn quanh-lộn trong những việc sanh, việc già, việc chết và việc nghèo.

Nầy các thầy ôi! Cả thảy trên dương-thế đều thành lửa rồi! Nếu nghe tôi giảng mà hiểu thời các thầy tắt lửa độc vậy. «Con mắt của các thầy không còn bị lửa chóa và các thầy ngó cảnh trần phải bị cháy mà không còn vui-vẻ như cái lòng ham chuộng của các thầy hôm nay. Nếu các thầy hiểu tôi thời không còn biết cái luật luân-hồi nữa».

21.— Phật ở rừng Trúc-lâm

Đức phật nhớ lại ngày trước vua Vimbasâra có mong hiều đạo Ngài. Ngài định sang thành Rả-sen-ri-ha (Rajagriha) cùng đi với người anh trưởng trong ba thầy tu Cả-xa-Ba (Kaçyapa) với vài kẻ đệ-tử mới. Ngài vào trong một cụm rừng, gần thành.

Vua Vimbasâra hay được Ngài với mấy ông bụt đến. Vua đến ra mắt Ngài với văn-vỏ triều-thần. Vua đến bên rừng; trông thấy đức Phật hô lên rằng: « Ngài thật không quên cái sở vọng của trầm. Trầm thật đa tạ lòng Ngài và lấy làm kinh-phục Ngài. »

Vua qui xuống. Đức Phật đở vua dậy; vua đứng dang ra để tỏ lòng thành-kính của mình.

Trong đám người theo vua, có vài kẻ biết được ông bụt Cả-xa-Ba, cho rằng ông ấy đã trong sạch lắm rồi, chớ chưa biết đức Phật. Nay thấy vua ra mắt đức Phật họ rất ngạt-nhiên.

Có một anh Bà-la-môn nói rằng:

«Hay là vua lầm rồi, vua muốn làm lễ đức Cả-xa-Ba mà.»

Kế lấy một người nữa cũng bảo rằng:

— Ờ, phải, đức Cả-xa-Ba là đức thầy đúng đắng lắm.

Có người thứ ba cũng tiếp rằng:

— Chúa thượng đã lầm lạ kỳ thế! Ai đời nhận học trò làm thầy.

Mấy người ấy nói với nhau không lớn tiếng, thế mà đức Phật nghe tất cả. Đã là Phật thì chuyện gì mà lại không biết. Ngài phán với thầy Cả-xa-Ba rằng:

« Lúc trước ngươi ở xứ Ôn-rưng-vĩnh-thành (Ourouvilva) ai làm cho ngươi bỏ nơi ấy? Ai làm cho ngươi trông rỏ đường lầm của ngươi? Ngươi hãy trả lời nghe nào! Tại làm sao mà ngươi bỏ chỗ ở đã lâu mà đi?».

Thầy Cả-xa-Ba hiểu ý đức Phật, bèn đáp rằng:

« Hôm nay tôi đã hiểu rằng những điều hành xác của tôi

không linh nghiệm gì; tôi mới hiểu cái tinh tự cao của tôi, thành ra những bài giảng-giải, những câu kinh-kệ của tôi không được trong sạch, bây giờ tôi trông thấy mà chán.»

Thầy Cả-xa-Ba tâu xong, liền quì dưới chơn đức Phật và tâu nữa rằng:

«Tôi là kẻ đệ-tử, nguyện theo hầu bên chơn Thầy! Đã tôi là trò, Thầy là Thầy, thời nhờ Thầy chỉ dạy cho, kẻ đệ-tử xin nghe theo và vâng theo luôn».

Bụt Cả-xa-Ba lạy đến bảy lần. Cả thảy những người theo vua đồng hô lên mà khen rằng:

«Cả-xa-Ba chịu là dốt thời ông ấy hay biết dường nào· Cả-xa-Ba ngỡ rằng mình là đấng lớn hơn hết, nay lại còn quì trước mặt kẻ khác à! Ông ấy mà hơn được Cả-xa-Ba thời còn ai bằng ổng kìa!»

Liền đó đức Phật giảng-giải bốn nguồn chân-lý, và khi Ngài giảng xong vua Vimbasâra đến gần ngài, trước cả bao nhiêu người khác mà nói rất tự-nhiên rằng:

«Trẫm lấy lòng thành-tín mà thờ Ngài, mà thờ đạo Ngài mà thờ chung chư Tăng.»

Đức Phật cho phép nhà vua được ngồi bên Ngài, và vua tiếp nữa rằng:

«Trong đời trẫm, trẫm nguyện năm điều: một là nguyện sẽ làm vua, hai là nguyện thế nào cho một ngày nọ Phật sẽ giáng đến nước trẫm; ba là được thỏa thích mà trông kỹ Phật, bốn là được Phật chỉ đạo cho; năm là nguyện được dâng lòng thành-tín cho Phật. Trẫm thật lấy lòng thành-tín mà thờ Ngài, mà thờ đạo Ngài, mà thờ chung chư Tăng.»

Ngài đứng dậy;

«Kẻ đệ-tử xin Ngài dời gót vào đền mà dùng cơm ngày mai.»

Đức Phật chịu. Nhà vua ra đi, lấy làm hân-hạnh.

Tất cả đám đông đi theo vua đồng vái lạy đức Phật mà tin theo Ngài, tin theo đạo Ngài, tin theo chư Tăng.

Qua ngày hôm sau, nhơn dân ở thành Rã-sen-ri-ha (Râjagriha) đều ra khỏi nhà, chen nhau mà xem Phật Thích-Ca. Trong giây lát cả cụm rừng đều đông như kiến, mọi

người đều khen tặng, mọi người đều kính-phục tài-đức của Ngài.

Khi đến giờ Ngài vào đền vua, bao nhiêu những dân-chúng đều lao-nhao chật đường, cho đến không còn chen chơn được. Thình-lình có một người thanh-niên bước ra, nói rằng:

«Đức Thầy đã gặp những kẻ đệ-tử dễ dạy, hôm nay đức Thầy đến giải thoát đây, đức Thầy chói hào-quang khắp cả thành».

Người ấy nói tiếng dễ nghe, và ra dấu cho dân chúng tránh đường cho Phật đi.

Người ấy dẹp đường cho Ngài xong, liền nhảy lên mây mà biến mất. Mọi người đều cho rằng tiên giáng xuống ca-tụng công-đức của Ngài. Vua tiếp rước rất cung-kính.

Mãn tiệc, vua tâu với đức Phật rằng:

«Ngài đến đây trẫm vui vô ngần. Mong sau sẽ thường thấy được Ngài để nghe Ngài giảng dạy cho. Gần đây có rừng Trúc-lâm, rộng rãi và mát mẻ, Ngài và đệ-tử có thể ở đó được. Nếu Ngài khứng chịu thời trẫm vui xiết bao.

Đức Phật cười mà tỏ dấu bằng lòng.

Thế thì từ đây rừng Trúc-lâm là nơi giảng đạo của Phật vậy.

22. Xá-lợi-Phất và Mục-kiện-Liên (1)

Có hai anh em bạn kia về phái Bà-la-môn là Xã-ri-phuông (Çaripoutra tàu dịch là Xá-lợi-Phất) với Mãng-gành-Gia (Maudgalyâyana tàu dịch Mục-kiện-Liên) ở trong thành, cùng học với một thầy tăng tên là Săng-lảo-Gia (Sânjaya). Hai người có nguyện với nhau rằng: « Trong hai ta, người nào tầm được trước cái lối để thoát khỏi sự chết thời phải cho người kia biết liền. »

Một hôm, Xá-lợi-Phất gặp bụt A-xi-hỏa-sinh (Açvajit) đi theo đường ở trong thành mà lãnh những cơm, coi tuồng tỉnh-táo, nghiêm-trang, cao-thượng và hiền-từ. Xá-lợi-Phất nghĩ rằng: «Người ấy có lẻ hiểu biết đường chánh, để ta hỏi coi thầy của người là ai và người noi theo đạo-lý nào.» Nhưng Xá lợi-Phất xét rằng: « Giờ nầy hỏi không nhằm, vì ta phải để cho người yên trí mà lo cơm trai, ta theo sau chờ người hết lãnh cơm của mấy nhà từ-thiện ta sẽ đến gần mà han-hỏi.»

Khi thấy người ấy thung-dung đi về thì chàng theo kịp đến gần và chào. A-xi-hỏa-sinh cũng chào lại.

« Nầy qui-hữu! Qui-hữu có vẻ trang-nghiêm chân-chỉnh, không biết lúc trước ai làm cho qui-hữu mến đạo vậy? Ai là thầy của qui-hữu? Và qui-hữu tu về đạo nào?

— Thầy tôi là đức Thích-Ca.

— Thầy của qui-hữu dạy những điều gì?

— Tôi mới vừa bước chơn vào tôn-giáo đây, tôi mới vừa khởi sự học đạo đây, tôi không thể nói với qui-hữu cái đạo to lớn của tôi, nhưng tôi có thể nói để qui-hữu hiểu cái tinh-thần của nó vậy.

— Phải! tôi rất đa tạ! Vậy xin qui-hữu giảng cho tôi hiểu cái tinh-thần của đạo qui-hữu.

Thầy A-xi-hỏa-xinh bèn nói rằng:

---

(1) Trong cuốn "Chuyện Phật đời xưa" có tích Mục-kiện-Liên cứu mẹ, trương 33.

— Đức Phật dạy những nguyên-lý, đức Phật dạy những kết cuộc ».

Xá-lợi-Phất nghe được, lấy làm hân-hạnh lắm, tuồng như đã thấy chân-lý rồi: « Mỗi nhân-vật tất sinh ra tất có ngày cùng. » Chàng từ tạ, trong lòng rất vui.

Khi về liền kiếm bạn đồng-môn là Mục-kiện-Liên. Chàng nầy trông thấy bộ Xá-lợi-Phất hôm nay sáng-sủa tốt-tươi hơn ngày thường, thời ngạc nhiên và hỏi rằng: «Bạn có tầm cái thuyết nào để giải sự chết chưa?. »

Được rồi: Có một đức Thầy đã đến gần thành mà dạy thoát khỏi sự chết. » Chàng mới đem chuyện gặp gỡ khi nãy mà thuật lại, hai người bèn định đi tìm Phật. Thầy Săng-lảo-Gia muốn cầm lại mà rằng:

Hai người nên ở lại đây mà chỉ đạo cho đệ-tử của ta. Ta tôn hai người lên bằng ta vậy.

— Không, chúng tôi ngang vai với thầy cũng không hay gì, truyền sự dốt nát ra mà bổ ích vào đâu? Bây giờ chúng tôi hiểu những bài vở của thầy rồi, chúng tôi dạy sự dốt nát cho người thời tội về chúng tôi.

Thầy Săng-lảo-Gia cố cãn lại thì thình linh máu trong miệng trào ra. Mấy người cùng dòm ngó, lấy làm kinh, liền thấy đức Phật đứng trước mà phán rằng: « Hai người đáng là học trò đầu của ta trong bao nhiêu đệ-tử. »

Hai người lấy vui mà nhập vào Phật-giáo.

23.— Phật làm cho người ta hết ghét đạo.

Tín-đồ của Phật ngày một đông thêm, còn vua thời lại càng qui trọng Phật. Thường khi vua mời đức Thích-Ca vào thành dùng cơm. Vua truyền cho trong thành bá tánh nghinh-tiếp Phật rở-ràng như những hôm lễ lớn. Mỗi nhà đều treo cờ, còn ngoài đường thời người ta lót hoa thành khảm. Khắp nơi đều thơm nức và bá-tánh đều mặc quần-áo mới để tiếp-nghinh Phật. Vua đến trước Phật và chính mình cầm lọng sơn vàng mà che cho Ngài.

Những kẻ thiếu-niên vừa nam vừa nữ đều có hy-vọng vào đạo Ngài, cho đến con của các nhà qui-tộc cũng nguyện theo Ngài. Rừng Trúc-Lâm có thêm nhiều đệ-tữ nữa.

Nhưng trong thành cũng có một đám người không ưa đạo Ngài. Họ bảo với nhau rằng :

« Không hiểu tại sao Thích-Ca lại đến chốn nầy. Ở đây đã có mấy thầy tăng truyền đạo rồi. Mà mấy thầy đâu có rủ-quến con-cái người ta như Thích-Ca. Bây giờ con-em ta đều theo va hết rồi, gái lớn không còn mong có chồng, đờn bà có chồng không còn trông gặp chồng, rồi ra nước ta sẽ nguy to. »

Những kẻ nghịch khá nhiều. Hễ thấy bọn tín-đồ đi thời chúng nó theo mà nhục-mạ cùng la kiêu-ngạo đủ điều.

Bọn tín-đồ không thèm để ý, nhưng lòng bức tức của đám dân ấy lại càng dấy lên nhiều, bọn tín-đồ mới đem đọc lại với Phật Thích-Ca. Ngài liền phán rằng :

« Các ngươi không nên quan-tâm vào những lời cộc-cằn nhỏ-nhít ấy, đây rồi họ sẽ thôi chớ gì. Với những kẻ la-lối các ngươi, nên đáp lại cho hiền-hậu luôn. Nầy, những đấng thông-hiểu chân-lý mới có thể giảng-giải cho người, mới có thể dắc-dẫn con người. Ai còn dám phá-khuấy ta là đấng dùng mảnh-lực chơn-lý mà dắc đường cho người. »

Đức Phật nói rất thiên. Tức nhiên mấy hôm sau không còn ai mỉa-mai, lại cả nhơn-dân trong thành đều yêu-trọng đạo Ngài.

24.— Vua cha phái sứ rước Phật về.

Vua Sư-đà-Na hay rằng con mình thành Phật và đương ở tại thành Rã-sen-ri-ha, trong rừng Trúc-lâm. Vua muốn được thấy mặt con, bèn phái sứ đến tìm thái-tử mà mời về. Quan sứ đến nhằm khi đức Phật giảng đạo cho đệ-tử:

«Có một cái rừng kia ở bên triềng núi. Phía dưới có một cái hồ rộng và sâu. Gần mé hồ có nhiều thú rừng. Có một người kia đến đó, muốn hại và trừ các con thú. Nó bèn lấp đường mòn đi mà làm một nẻo khác thông đến một cái hầm thúi-tha là cố-ý cho mấy con thú không còn sống quanh-quẩn theo mé hồ đẹp kia nữa. Nhưng có một người khác đi lại, người nầy muốn săn-sóc, trông-nom cho các con thú rừng, bèn phá cái đường thông đến hầm nước thúi mà làm cho thú đi-lại với hồ trong và núi đẹp. Bầy thú không còn bị hại, lần lần mới sanh-đẻ thêm nhiều. Mấy trò hiểu cái ý của ta chăng? Những con thú ở gần hồ kia là những con người sinh-hoạt trong sự vui-sướng. Kẻ làm hại con người la Ma-lanh, cái hầm-hố mà thú đau và chết là sự vui sướng, sự dục-tâm, điều dốt-nát của loài người. Còn đấng kia muốn cho mọi vật đều được khỏe-khoắn, suug-túc là đấng Từ-bi, là Phật vậy. Nầy các trò, ta đã mở ra một con đường ngay thẳng, ta đã phá mất con đường tà vạy rồi. Các ngươi không đi lạt xuống hố đâu, các ngươi lại lên đảnh núi cao. Ta vì thương nên quyết độ cho các ngươi.»

Sứ nhà vua nghe xong, lấy làm phục, bèn quì xuống mà xin nhập làm học-trò.

Đức Phật đưa tay ra ngoắt lại. Quan sứ vừa mới đứng dậy, thời y-phục nhà quan đã hóa ra đồ nâu-sồng của các bụt rồi. Người quên hết mọi việc và cũng không tâu cái ý-kiến của vua Sư-đà-Na.

Bên nầy vua lấy làm trông, mỗi ngày đều nhớ con. Vua phái một quan đại-thần khác đến rừng Trúc-lâm. Người nầy cũng phụng mạng ra đi và cũng không trở về. Vua đã

phái sứ đến chín lần, cả thảy đều mộ đạo Phật mà thành tăng.

Sau rốt vua Sư-đà-Na cho đòi một nhà quan tên Ô-đỉnh-vương (Oudâyin) và phán rằng:

« Nầy khanh, trẫm đã phái chín quan sứ đến rừng Trúc-lâm mà không thấy tâm-dạng một người nào về, cũng không rỏ có ai tuân lịnh trẫm chăng ? Trẫm không hiểu có ai nói lại với thái-tử cùng là có gặp thái-tử hay chăng. Trẫm lấy làm buồn. Trẫm già rồi, sẽ chết nay mai. Nhưng trước khi thăng-hà, trẫm muốn thấy mặt thái-tử. Trước kia khanh là bạn thiết của thái-tử, trẫm trông cậy vào khanh. Khi gặp thái-tử thời khanh bảo nên về, trẫm nhớ lắm, ăn ngũ không ngon. »

Quan sứ phụng mạng ra đi. Mới bước chơn ra mà trong lòng đã muốn tu rồi. Nhưng người quyết không quên lời dặn của nhà vua.

Thấy chàng Ô-đỉnh-vương nhập môn Phật vui lắm.

Bấy giờ mùa đông đã mãng, chàng định rằng nhằm lúc vui, nhân một hôm tâu với Phật rằng:

« Cây trái tốt tươi, bông-hoa đua nở, gió xuân mát mẻ, trời xuân trong ngần, cảnh rất hợp cho Thầy quá bộ xa chơi. »

Đức Phật ngó và hỏi :

« Sao lại muốn cho ta đi chơi ? »

— Bạch Thầy, thiên-tử lấy làm trông Thầy.

Đức Phật suy nghĩ giây lát và tiếp : « Ta nên về thành mà thăm cha ta » .

25.— Phật dạy đạo bằng tích con séo với con tôm.

Vua Vimbasara được tin đức Phật muốn ra khỏi rừng Trúc-lâm. Vua đi với thái-tử đến viếng ngài.

Đức Phật ngó thái-tử và day qua bên vua mà rằng: «Có lẽ thái-tử đáng cho Bệ-hạ yêu lắm nhỉ?»

Ngài lại ngó thái-tử và phán rằng:

«Nầy thái-tử, hãy nghe tôi nói đây mà suy nghĩ. Những kế xảo có nhiều khi không thành, những điều gian ác có nhiều khi phải bại-lộ. Tôi có một chuyện xin thuật lại để chứng chắc (1). Chuyện tôi thấy tạn mặt đã lâu rồi. Lúc ấy tôi còn ở trong một cụm rừng, tôi là thần một cây đại-thọ. Cây đại-thọ ấy ở giữa hai cái hồ, một cái nhỏ không đẹp, còn cái lớn thời tốt hơn. Trong hồ nhỏ có nhiều cá lắm, trong hồ lớn thời bông sen mọc nhiều. Một lúc mùa hè, trời nắng gắt, cái hồ nhỏ lần lần cạn khô, còn cái hồ lớn đã sâu lại nhờ hoa sen che bóng trời nên nó vẫn còn chứa nước đầy. Một con séo tinh cờ bay ngang, thấy cá dưới hồ nhỏ. Nó bèn ngừng cánh đáp xuống, đứng một chơn mà suy nghĩ: «Cha chả! Cá nầy ngon lắm, nhưng chúng nó rất lanh, nếu ta bắt ngang thời chúng nó trốn mất hết. Để ta dùng kế coi nào!» Tội nghiệp! Bị hồ gần cạn nên cá coi tồi-túng lắm. Còn bên kia hồ lại nước trong có thể lặn-lội thảnh thơi. Con séo đương suy-nghĩ, tuồng mặt nghiêm-trang như một ông bụt. Một con cá nhác thấy, bèn hỏi: «Anh làm gì mà đứng đó, anh séo, coi tuồng nghĩ ngợi nhiều lắm vậy?»

— Phải! tôi đương suy nghĩ coi có cách gì mà giúp anh với mấy anh kia ra khỏi chỗ chật-chội nầy cho khỏi cực thân.

— Sao anh bảo rằng cực?

— Mấy anh đương ở dưới nước cạn, càng ngày nước lại càng rút bớt đi, rồi đây mấy anh chết khô còn gì. Tôi lấy làm thương hại.

---

(1) Phật biết trước thái-tử là một người ác, sẽ mưu sự chẳng lành.

Mấy con cá nghe con séo bàn như vậy đều lấy làm sợ hãi, bèn hỏi con séo rằng: « Anh chim đáng kính ơi! Anh có biết kế gì để cứu chúng tôi chăng? » Con séo làm tuồng suy nghĩ một chập, bèn bảo rằng: « Tôi kiếm được một phương-thế, có lẽ vớt các anh ra khỏi chỗ nầy. Nó bèn đem việc muốn dời cá qua bên hồ sen bên kia, đem từng con trong mỏ của nó. Mấy con cá đều lấy làm mừng, chỉ có con tôm là ngạt nhiên, bảo rằng từ khi có trời đất đến giờ không bao giờ chim séo cứu cá, họa là nó chỉ nuốt vào bụng đó thôi. »

Con séo nghe, làm bộ rất hiền lành, bảo rằng: « Nầy anh tôm, anh đa nghi chi lắm vậy? Tôi đã lấy lòng bác-ái mà lo lắng cho các anh mà anh còn trao tiếng oán sao? Đâu anh thử chỉ cho tôi một anh cá nào rồi tôi lấy mỏ mà đem đi qua hồ sen cho anh coi. »

Mấy con cá bèn cho là phải, liền chỉ một con cá già mắt mù, mà ở dưới hồ con cá già có tiếng là khôn lanh. Con séo vớt lấy con cá, đem qua hồ, để nó xuống nước, cá lội thảnh-thơi ra tuồng đắc ý lắm. Khi con cá được trở về bên hồ cạn thời nó rất khen tặng con séo. Bây giờ cả thảy mấy con cá đều chen nhau mà để cho con séo vớt đi. Chuyến nầy con séo lại vớt con cá già đi, nhưng không đem bỏ dưới hồ kia, lại để xuống đất mà ăn tươi và bỏ xương dưới cây đại-thọ. Chính tôi là thần cây đại-thọ ấy.

Con séo trở về hồ cạn, lần lượt đem mấy con cá kia mà ăn luôn. Sau rốt lại còn một con tôm. Nó nghĩ rằng: «Ta tưởng cho con séo đã hại mạng bầy cá kia hết rồi. Nhưng phần ta thì không tin con séo chớ ta cũng muốn nó chở ta qua bên hồ rộng. »

Con séo bay đến bảo con tôm qua hồ. Tôm hỏi chở thế nào, thời séo nói chở theo mấy con cá kia. Tôm bảo vỏ mình trơn, có thể rớt xuống đất, muốn lấy càng mà đeo cổ con chim, nhưng hứa không làm trầy cổ. Con séo bằng lòng, bèn chở đi. Nó ngừng lại gốc cây đại-thọ. Tôm hỏi:

« Ngừng giữa đường mà làm gì, mệt lắm sao? Đường thời không dài mà! » Con séo không biết tính thế nào. Con tôm mới niếu lấy cổ con séo. Tôm ngó xuống thấy đống xương, nó biết là bao nhiêu cá đều bị ăn hết rồi. Nó

nhứt định không cho chim hại nó, thà rằng nó chết mà chim cũng không sống được.

Con tôm kẹp thêm. Chim đau lắm, nước mắt chảy ra nó bèn la rằng: « Anh tôm ơi ! đừng kẹp tôi nữa, tôi không ăn thịt anh đâu, để tôi đem anh đến hồ.»

Tôm nới ra, séo bay đến hồ sen, đưa cổ ngay ra cho tôm buông càng mà rớt xuống nước. Nhưng con tôm kẹp riết làm cho séo đứt cổ.

Bấy giờ đương ngồi trên cây đại-thọ, tôi khen con tôm.

Nầy thái-tử! những kế xảo có nhiều khi không thành, những điều gian-ác có nhiều khi phải bại lộ. Không kịp thì chầy con séo phải gặp con tôm. Thái-tử không nên quên bài ấy nhé ! » (1)

Vua Vimbasâra cám ơn đức Phật muốn dạy thái-tử điều lành. Kế vua bài tỏ ý kiến muốn xin ngài một mớ tóc và ít chút móng tay thừa để thờ trong chùa giữa đền và mỗi ngày đốt hương-đăng.

Đức Phật trao ra và bảo rằng: **« Bệ-hạ để tóc và móng tay tôi trong chùa, còn đạo-lý tôi thời Bệ-hạ nên để nó trong trí.»**

Vua Vimbasâra rất hân-hạnh, vào thành. Còn đức Phật thời trở về quê cha.

---

(1) Phật có ý cho thái-tử một bài học về sau, vì thái-tử có tánh hung ác.

26.— Kiếp trước của Phật.

Đức Phật không đi mau. Đường từ thành Ra-sen Ri-Ha đến quê nhà thì dài cho nên thầy Ô-đỉnh-Vương đã cho vua Sư-đà-Na hay trước rằng thái-tử đi về. Vua mới yên lòng không còn khóc nữa.

Thầy Ô-đỉnh-Vương (Oudâyin) bay trên mây trong một lúc đã đến thành vua Sư-đà-Na. Thầy trông thấy vua đương lúc buồnrầu, bèn tâu rằng:

«Tâu Bệ-hạ, thái-tử về gần tới rồi. Bệ-hạ chớ buồn rầu nữa.»

Vua phán rằng:

«Té ra Ô-đỉnh-Vương khanh đã về đó sao? Trẫm ngỡ là khanh cũng quên việc trẫm mà trẫm không còn thấy mặt thái-tử nữa. Bây giờ về tới, khanh đem tin mầng cho trẫm, thật qui biết bao. Trẫm không sầu-thảm, không khóc-lóc nữa và trẫm yên lòng mà đợi cái giờ về qui-giá của thái-tử.»

Vua dạy dọn yến-tiệc mà đải Ô-đỉnh-Vương. Thầy từ mà rằng:

«Tôi chưa biết tôn-sư đã ăn vừa ý chưa, nên dầu tôi ở đây ăn tôi cũng không lấy làm ngon. Tôi phải dẳng vân trở lại kiếm tôn-sư.»

Nhưng vua lại tiếp rằng:

«Trẫm muốn bây giờ như ngày trước, khanh thọ-lãnh cơm-tiền của trẫm luôn, và trẫm muốn trong lúc đi đường, thái-tử dùng cơm canh của trẫm để trẫm vui lòng. Vậy hảy ăn đi, rồi khanh đem về cho thái-tử dùng.»

Thầy Ô-đỉnh-Vương ăn xong, vua bèn trao ra một bình-bát đồ mĩ-vị. Thầy liền quăng bình-bát lên trên không và mình cũng bay luôn. Bình-bát bay đến rớt ngay trước đức Phật. Ngài tỏ ý vui với thầy Ô-đỉnh-Vương. Và mỗi ngày như vậy trong lúc đi đường thầy có bay về thành vua mà lấy cơm đức Phật thấy thầy có lòng thì mầng.

Ngài về đến thành vua. Những người trong họ Thích-Ca

bèn nhóm nhau trong vườn hoa để chực rước Ngài. Nhưng phần đông đều có tánh tự-cao tự-trọng và tưởng thầm rằng: «Trong bọn ta có nhiều người tuổi lớn hơn thái-tử, nhưng sao lại hạ mình quá vậy? Thái-tử là bực con-cháu ta. Lẽ phải là những người tuổi trẻ làm lễ cúi đầu, còn những người lớn tuổi thời ra dáng nghiêm-trang!»

Đức Phật vào đến vườn hoa. Ngài đi, hào-quang chiếu ra rất sáng làm chóa mắt mọi người. Vua cha lấy làm cảm động, bèn bước tới ít bước đến gần Ngài. Vua kêu lên rằng: «Nầy con ơi.....» nhưng vua lấy làm ngập-ngừng, bèn khóc lên, khóc vì mừng, và cúi đầu xuống chào.

Mấy người trong họ Thích-Ca, thấy vua chào con rất có lễ, họ đều bái rất sâu.

Có làm sẵng cho đức Phật một cái ngôi rất đẹp. Ngài vừa lên ngôi thời cữa trời mở rộng ra, một trận mưa bằng hoa hường rớt ngay xuống vườn. Trên trời, dưới đất đều thơm nực mùi hoa. Vua và bà-con trong họ đều ngó và nhìn.

Liền đó đức Phật giảng rằng: «Tôi còn nhớ đời trước của tôi, có một lúc cả gia-quyến nhóm lại mà khen tặng tôi nhiều. Lúc đó ở thành Xa-ga-tu (Jayatourâ) có một ông vua tên là Săng-vương (Sânjaya), vợ là hoàng-hậu Phong-trinh-thị (Phonsatâ), con là thái-tử Việt-văn-Tôn (Viçvantara). Thái-tử vừa cập-kê, cưới một cô công-chúa đẹp hơn hết và sinh được hai đứa con, một trai và một gái. Thái-tử có một con bạch-tượng có phép thần, muốn làm mưa chừng nào cũng được và lúc nào cũng được. Lúc ấy xứ Ca-lin-xa (Kalinga) phải nạn nắng to, cỏ cây đều cháy rụi, không có một trái cây. Người ta và thú vật chết đói và chết khát rất nhiều. Vua ở xứ ấy hay rằng con bạch-tượng của thái-tử Việt-văn-Tôn có phép làm mưa, bèn phái tám ông sư người Bà-la-môn đến để mượn con tượng và dắc nó đem về xứ mình.

Mấy người Bà-la-môn đến thành của thái-tử nhằm một hôm lễ, thấy thái-tử cởi con bạch-tượng đi đến chùa mà bố-thí cho dân nghèo. Ngài thấy mấy người xứ lạ bèn hỏi rằng: «Mấy người đến đây mà làm gì?»

Tám người Bà-la-môn bèn tâu rằng: «Tâu thái-tử, chúng

tôi ở xứ Ca-linh-xa. Vì nắng quá thất mùa nên dân đói khó lắm, chỉ có con bạch-tượng của thái-tử là có thể cứu được thôi. Mà biết thái-tử có thể đưa nó cho chúng tôi được chăng?» Thái-tử đáp rằng: « Tưởng xin tôi việc gì, hoặc mắt, mủi, mắt, tay, mình mẩy tôi cũng có thể lóc cho, thay vì là con bạch-tượng. Thôi mấy người cứ dắc nó đi đặng có mưa xuống cho phì-mĩ ruộng vườn.»

Mấy thầy Bà-la-môn được con bạch-tượng bèn dắc đi, rất vui mừng. Nhưng dân-sự trong thành lấy làm buồn rầu vì sợ nạn nắng gắt. Họ bèn đến tâu với vua.

Họ tâu rằng: « Thái-tử đã làm lếu nhiều rồi, vì ngài đem bạch-tượng mà cho người ta. Từ đây có nạn nắng gắt thời biết làm thế nào? Chúng tôi bây giờ xin Bệ-hạ lấy mạng thái-tử mà đền.» Vua nghe tâu, khóc lên, và có an ủi dân-sự rất nhiều. Ban đầu không ai nghe vua, lần lần họ mới nguôi phiền mà xin đày thái-tử đi xa.

Vua buộc phải chịu, nhưng nghĩ rằng: « Biết con ta có thể chịu nổi cái cảnh đày đi xa chăng? »

Thái-tử nghe, đáp rằng: « Việc ấy không có chi hại, xin Phụ-vương chớ lo. Mai nầy con sẽ lên đường và con không đem theo một món đồ nào hết». Thái-tử bèn đi kiếm vợ mà rằng: « Ngày mai tôi không còn ở đây nữa. phụ-vương đày tôi đi lên núi-non nguy-hiểm, thật khổ lắm, nàng không thế đi theo, phải ở lại mà nuôi con. Phụ-vương đày mộ mình tôi, thời tôi đi, nàng vô tội không nên đi.»

Vợ đáp: «Nếu chàng đi không đem em theo, thời em chết liền, thành ra chàng hại em.»

Thái-tử nín lặng, ngó vợ một chập lâu, bèn hôn vợ và nói rằng: «Được, ta cùng đi». Vợ thái-tử tỏ ý cám ơn và nói thêm rằng: «Tôi cũng đem hai đứa con theo, tôi không thế bỏ chúng nó lại được, vì chúng nó nhớ ta mà khóc chết đi vậy.

Qua ngày hôm sau, thái-tử biểu dắc xe lại. Người cùng vợ và con đồng ra khỏi thành. Vua và hoàng-hậu khóc vô cùng. Thái-tử, vợ và con đi đã xa thời thấy một ông sư Bà-la-môn đi lại hỏi rằng:

— Thưa ông, nhờ ông chỉ giùm, chỗ nầy có phải là đường đi đến thành Xa-ga-tu chăng?

Thái-tử đáp:

— Phải. Người tới chỗ ấy mà làm gì?

— Tôi ở xa đến. Tôi nghe đồn rằng ở thành ấy có một ông hoàng khoan-dung lắm tên là Việt-văn-Tôn; ông có một con bạch-tượng linh lắm, ông đã cho vua xứ Ca-linh-xa rồi. Ông lại thường hay bố thi, tôi muốn đến tầm thái-tử mà xin ông thi-ân, chắc có lẽ cũng được.» Thái-tử nói với người Bà-la-môn ấy rằng: «Tôi là thái-tử đây. Vì tôi đã cho vua xứ Ca-linh-xa con bạch-tượng nên vua cha đày tôi đi. Bây giờ tôi cho người món gì?

Người Bà-la-môn nghe thái-tử phán bèn thở dài, nói một cách bi ai rằng: «Người ta đã nói gạt tôi rồi. Tôi đi ra có nhiều hy-vọng mà lại về không!» Thái-tử dứt đi rằng: «Người chớ buồn, công người đi không hoài đâu.» Thái-tử tháo ngựa ra khỏi xe mà cho, còn mình kéo lấy xe mà đi. Kế thấy đi lại một người Bà-la-môn thứ nhì là một người già, nhỏ thó, tóc bạc, răng rụng. Thấy thái-tử, người ấy cũng hỏi thăm đường đi đến thành Xa-ga-tu. Thái-tử trả lời rằng: «Phải, mà người đến đó có việc gì?»

Tôi nghe nói ông vua ở thành ấy có một người con tên là thái-tử Việt-văn-Tôn người rất nhân-từ. Thái-tư đã cứu nước Ca-linh-xa khỏi nạn nắng, và hễ ai xin món gì thời thái-tử cũng vui lòng hiến cho. Tôi cũng quyết đến ra mắt ngài và biết rằng ngài sẽ chiếu cố cho.

— Thôi, ngươi đi nữa làm chi, vua đã đày thái-tử đi rồi. Người Bà-la-môn bèn ra tuồng âu-sầu, nảng chi và khóc lên. Thái-tử khuyên rằng: «Người đừng khóc nữa, tôi là thái-tử đây, mong rằng người gặp tôi có thể được vui lòng. «Ngài day lại bảo vợ và con rằng: «Tôi đã cho cái xe cho ông già nầy rồi, thôi mình và hai con xuống đi.» Người Bà-la-môn cám ơn, thái-tử với vợ và con cùng đi. Đi bộ lần như vậy, hễ hai đứa con mệt-mỏi thời thái-tử bồng một đứa và vợ bồng một đứa. Cách vài ngày thì thấy một người Bà-la-môn đi đến. Người nầy muốn đi tới thành Xa-ga-tu để gặp thái-tử. Thái-tử bèn lột áo-quần mình ra mà cho đặng người ấy khỏi phải thất công. Lại đến một người Bà-la-môn thứ tư đi lại, tướng tá dậm-dở, hung-hăng, da đen tiếng lớn, mắt ngó rất dữ-dằng. Người ấy vừa hỏi vừa la rằng:

— Anh! đường nầy phải về xứ Xa-ga-tu không?

Thái-tử đáp:

— Phải, mà ngươi muốn đến đó có việc chi?

Thời ra người nầy cũng muốn tầm thái-tử để nhờ bố-thí cho của qui. Nhưng đến chừng hay thái-tử tỏ rằng mình đã bị đày lang-thang, rách-rưới, thời đã chẳng khóc lại còn ra tuồng giận dữ mà rằng: «Tôi đi đường cực nhọc lắm, không lẽ đi không về không. Nếu ngài có đem theo đó món đồ nào qui thời hãy cho tôi đi.»

Công-chúa vợ thái-tử có một sợi dây chuyền vàng. Thái-tử bèn xin thời nàng vừa đưa ra vừa cười. Người Bà-la-môn lấy dây chuyền rồi đi. Hai vợ chồng và hai đứa con cũng đi nữa, đi ngang những hầm hố nguy nan, những núi, những đèo, những vịnh, ở trên là trời nắng chan-chan, như trong lửa, ở dưới lần nẻo rất khổ nguy. Chơn công-chúa rướm máu, đá chém vào làm cho cô rất đau. Thái-tử cũng không còn giày, vớ, vợ chồng đi đến đâu đều để dấu máu ròng ròng theo đó. Một hôm thái-tử đương đi, vùng nghe có tiếng rên phía sau. Ngài ngó lại thấy công-chúa ngồi dưới đất và rên la. Thái-tử lấy làm sãng-sốt, bảo rằng: «Ngày trước tôi đã có nói rồi, mà nàng còn quyết đi theo tôi lên rừng xuống biển như vầy, thật nàng không nghe. Thôi hãy đứng dậy đi, không nên làm cho con khổ cực, đau đớn vì ta. Nàng cùng tôi, hai ta cố tưởng rằng quên vít-tích dưới chơn.»

Công-chúa muốn đứng dậy, nhưng không thế được và nói rằng: «Em không còn gì nữa rồi; dầu cho thương cha mẹ mà mong ngày về thời cũng không được, thà ở lại mà chịu chết đói chết khát tại xứ hiểm-nguy nầy.»

Bấy giờ trên trời đức Indra đương xem những việc nhân từ cao-thượng của thái-tử và vợ-con, thấy công-chúa buồn Ngài lấy làm cảm. Indra bay xuống đất, hóa làm một ông lảo, và đi ngay đến trước thái-tử, cỡi trên một con ngựa chạy rất giỏi.

Lại gần thái-tử, Indra nói rằng: «Tôi coi bộ qui-quan mệt lắm. Gần đây có nơi thị-tứ, để tôi dắc qui-quan đến đó, vào nhà tôi chơi, rồi qui-quan ở đó nghỉ đến chừng nào cũng được. Ông lão mỉn cười. Thái-tử không biết tính lẽ nào. Ông lão tiếp: «Ngựa nầy mạnh lắm, qui-quan thời nhẹ. Còn tôi để tôi đi chơn cho. Chợ gần đây, tôi đi chơn không lấy làm mệt.

Ông lão ân-cần lắm, thái-tử định đi theo. Công-nương cũng mệt lắm, nên cùng hai đứa con chịu lên đi ngựa. Đi không quá ba trăm bước thời thấy một cái chợ coi to-tác lắm. Thị-tứ rộng-rải, và mát mẻ và có vườn-tược, cây trái sum-sê. Một ngọn sông chảy ngang. Ông dắc thái-tử với vợ và hai con đến một tòa nhà sáng rở. Ông bảo rằng: «Nhà tôi đây, qui-quan có thể ở bao lâu thì ở. Ở trọn cả đời cũng tùy sở thích của qui-quan. Xin mời vào.» Trong một phòng khách, thái-tử và vợ đồng ngồi trên những ngôi bằng vàng. Hai đứa con trững nhau ở dưới chơn, trên khảm dày. Đoạn ông lảo sai người đem dâng y-phục rất sang-trọng. Cơm dọn lên, đồ qui và nấu ngon, khách ăn hết đói. Thái-tử suy-nghĩ. Thình-lình ngài đứng dậy và nói rằng: «Thưa lảo-trượng, tôi đã làm trái lịnh của cha tôi rồi. Người đày tôi ra khỏi xứ và khiến tôi phải đến ở chốn đất hoang. Tôi không thế hưởng sự sung-sướng mà tôi không được quyền. Lảo-trượng cảm phiền cho tôi ra khỏi chốn nầy.» Ông lảo toan cầm thái-tử, nhưng coi thế nói không hiệu nghiệm gì. Thái-tử, công-chúa và hai đứa con đều ra khỏi thành. Khi ra ngoài, ngó ngoái lại ngài thấy cả nơi đô-hội đều biến mất, mà chồ ấy lại thành ra một khoảng đồng hoang, cát nóng. Thái-tử đi nữa, trong lòng hân hoang. Ngài đến một hòn núi có cây-cối nhiều. Ngài thấy một cái lều, lúc trước đã có một ông bụt ở đó rồi. Ngài lấy lá cây trải thành nệm cho mình với vợ và con nằm nghĩ lên trên. Mỗi ngày công-chúa đi hái trái cây về, bốn người cùng ăn với nhau; còn nước thời uống dưới một khe suối trong chảy gần bên lều. Ở đó đã bảy tháng, không thấy bóng người. Một hôm có một thầy Bà-la-môn đi ngang.

Công-chúa đương kiếm trái trên rừng. Thái-tử lại giữ con. Thầy Bà-la-môn đứng ngừng lại ngó hai đứa trẻ. Giây lát thầy hỏi Thái-tử rằng: «Nầy ông, ông có thế nào cho hai đứa con ông cho tôi không?» Thái-tử ngạt nhiên, không trả lời liền được, kế ngó thầy Bà-la-môn, trong lòng ái-ngại và tuồng như muốn gạn hỏi vậy.

«Phải! Tôi muốn xin hai đứa con của ông bạn. Tôi có một vợ, tuổi còn nhỏ hơn tôi nhiều, nó có tánh tự cao: làm công chuyện nhà một chút là nó mệt ngay, nên nó bảo tôi đi kiếm hai đứa trẻ về để làm kẻ tay sai. Ông bạn

nên đưa con cho tôi đi. Coi tuồng ông nghèo nàn lắm, lại phải nuôi con-cái nữa thời nhọc-nhằn lắm. Chúng nó về nhà tôi thì được ăn no và tôi sẽ làm cho vợ tôi không hành phạt chúng nó đâu.» Thái-tử nghĩ: «Người xin ta điều ấy, đau đớn cho ta lắm. Biết thế nào? Người nầy tuy nói vậy chớ con ta về đó thời khổ lắm. Vợ người hung-ác, đánh con ta, lại chúng nó phải ăn đồ thừa. Nhưng người đã xin thời ta đâu có thế từ.» Thái-tử suy nghĩ một hồi lâu, sau rốt ngài bảo rằng: «Thôi cứ đem hai đưa trẻ nầy đi, để nó làm tay sai cho vợ ông ở nhà.» Tội nghiệp, hai đứa trẻ khóc hết nước mắt, vừa khóc vừa theo thầy Bà-la-môn.

Công-chúa hái đào. Nhưng nàng vừa mới hái một trái vào tay thời trái đào rớt ngay xuống đất. Nàng sợ, mau chơn trở về lều. Khi bước vào, không thấy hai đứa trẻ. Nàng hỏi: «Hai đứa nhỏ đâu?» Thái-tử khóc lên. Công chúa hỏi nữa. Ngài còn làm thinh. Nàng hỏi lại lần thứ ba: «Hai đứa nhỏ đâu? Trả lời cho mau. Ông nín, tôi chết đi à!» Thái-tử bèn đáp rất khổ: «Một thầy Bà-la-môn mới vừa đến hỏi xin hai đứa nhỏ về làm nô-lệ rồi.

— Mà ông đã cho rồi sao?

— Tôi biết làm sao mà chối từ?»

Công-chúa té xiểu ra, lâu lắm nàng mới tỉnh lại. Khi ngồi dậy được, nàng than khóc rất thảm-thiết: Ôi! mỗi đêm tôi mỗi hái trái ngon để cho con. Ôi! trong tri tôi tưởng người ấy đương niếu lôi con tôi. Hai đứa nó vừa biết đi từng bước mà thôi. Ôi! con ơi! đói no còn ai kể tới, con lại phải bị đánh-đập vô cùng. Ôi! hai con làm nô-lệ cho người, tay làm mà mắt con những ngó ra đường, nhưng bao giờ con còn trông gặp cha-mẹ nữa con. Môi miệng con phải khô-khan, chơn-cẳng nứt hư; mặt-mày đen đúa còn chi. Con ơi! tuy cha mẹ nhọc nhằn nhưng hằng bảo-bọc cho con, đã lắm phen qua đồng nầy núi nọ mà con vẫn bình-yên. Bây giờ con lại phải khổ muôn phần.»

Công-chúa đương khóc-kể vùng có một thầy Bà-la-môn khác đi ngang qua. Thầy nầy đã già lụm cụm, đi không muốn nổi, ngó công-chúa luồm-luồm và vay qua nói với thái-tử rằng: «Chú em ơi! lảo đây già-cả, đơn-chiếc, ở

nhà không ai lo-lắng cho, khi ngủ, khi thức không biết trông cậy vào ai. Nầy! cô em đây còn nhỏ và mạnh-mẻ.

Chú em cho lão để đở tay chơn. Chú em đưa cô cho lão thời chú em làm được đều lành, mà cả thiên-hạ đều tôn.» Thái-tử nghe lảo Bà-la-môn, nín ngần ngơ, bèn nói với vợ rằng: «Em yêu dấu ôi! Em có nghe thầy ấy chăng, em tính thể nào?» Nàng đáp: «Ông đã đem con trai con gái của em mà cho rồi, thân nầy em còn có tiếc chi, ông có thể liệu, em không dám phiền.» Thái-tử cầm lấy tay vợ mà trao cho lảo Bà-la-môn. Ngài không khóc, không hổ với lương tâm. Lão Bà-la-môn tiếp lấy công chúa, cám ơn Thái-tử và nói: «Lão chúc cho chú em! Chúc cho Thái-tử Việt-văn-Tôn được nên công-nghiệp mà làm đức Đại-từ Đại-bi.»

Đi ít bước ổng trở lại lều cỏ và nói rằng: «Để lão đi xứ khác kiếm một đứa tớ, lão trả nàng nầy lại cho, đặng cùng ở với các thần và thần-nữ trong rừng, núi, suối khe nầy. Và từ nay trở đi, không nên cho ai nữa nhé.»

Nói vừa dứt lời, lão Bà-la-môn đổi hình, biến ra một người thật đẹp, hào-quang chiếu sáng lòa. Thái-tử và công-chúa đều nhận ra là đức Indra.

Vợ chồng đều làm lễ. Kế đức Indra bảo rằng: «Mỗi người cứ xin một điều đi, tôi sẽ tặng cho.» Thái-tử nói: «Tôi mong một ngày kia sẽ được thành Phật!» Công-chúa nói: «Còn tôi, tôi ước sao cho người Bà-la-môn dắc hai đứa con tôi đi, họ không để trong nhà mà họ đem bán chúng nó đi, nhưng bán trong thành Xa-ga-Tu, bán cho vua Sang-Vương.»

Đức Indra đáp: «Được». Ngài bay lên trời. Công-chúa thở dài: «Ước sao cho vua tha lỗi cho thái-tử.» Kế nghe trên không có tiếng đáp rằng: «Thái-tử sẽ được tha.»

Nói về người Bà-la-môn kia, khi dắc hai trẻ nhỏ về, vợ hắn thấy có hai đứa tớ nhỏ theo thời mầng lắm. Liền đó chị ta bắt chúng nó đi làm. Chị ta lấy làm khoái ý mà được sai-khiến, và buộc chúng nó phải vâng theo luôn. Tội nghiệp! Ban đầu hai đứa còn buồn ý, nhưng cũng tuân theo. Đến chừng thấy cô chủ hung-hăng quá, chúng nó lại ngỗ-nghịch, không chịu làm, thành ra bị rầy-la và đánh

đập nhiều. Chúng nó bị hành-khổ chừng nào chúng nó lại càng nghịch-ý chị ta chừng nấy. Túng-thế chị ta nói với chồng rằng: «Hai đứa nhỏ đó, tôi khiến không nổi. Đem bán chúng nó đi, rồi mua mấy đứa khác về, lựa giống nô-lệ nào dễ dạy và siêng-năng.»

Anh Bà-la-môn dắc hai đứa nhỏ đi thành nầy qua thành kia, nhưng chỗ nào người ta cũng không chịu mua, vì va đòi cao giá lắm. Sau mới tới thành Xa-ga-Tu một ông quan trong trào đi giữa đường bắt gặp. Ngó hai đứa trẻ ốm-nhom đen-đúa ấy, ổng nhớ được là nhờ cập con mắt của chúng nó. Ổng hỏi anh Bà-la-môn rằng: «Ngươi kiếm con nít đó ở đâu?» Anh ta đáp: «Bẩm quan lớn, tôi đi trong núi ở một xứ hoang kia, tôi xin được đó, để đem về làm đày tớ. Chúng nó ngỗ nghịch không chịu nghe lời nên tôi phải kiếm chỗ mà bán.» Ông quan nghe lấy làm lo-ngại, hỏi hai đứa nhỏ rằng: «Cha của mấy em còn hay chết, hoặc là bị người ta bắt về làm nô-lệ rồi chăng?»

Đứa con trai đáp:

— Không, cha chúng tôi còn sống, mẹ chúng tôi cũng vậy, nhưng cha chúng tôi cho chúng tôi cho người Bà-là-môn nầy.

Ông quan chạy về thành mà tâu với vua rằng: «Muôn tâu Bệ-hạ, Thái-tử Việt-văn-Tôn đã đem cháu nội của Bệ-hạ mà cho một anh Bà-la-môn để làm nô-lệ rồi. Bây giờ người ấy vì thấy hai cháu không làm vừa ý nên va đem đi bán nhà nầy qua nhà kia, xứ nầy qua xứ kia.» Vua nghe bèn ra lịnh dẫn hai cháu với người Bà-la-môn vào. Kiếm giây lát thời được, vua nhìn thấy cháu ra thân nghèo-đói thời vua khóc ròng. Thằng cháu trai bèn kêu một cách rất bi-thảm rằng: «Ông nội! Mua lại đi! Để vợ người nầy hành khổ hai cháu, hai cháu muốn về ở với ông nội lắm. Nhưng ông nội chẳng nên hiếp người, vì cha cháu đã cho cháu cho người ấy rồi.»

Ông vua bèn phán hỏi: nhà ngươi muốn bán bao nhiêu?

— Tôi đổi lấy một ngàn con bò.

— Được!

Vua đáp rồi, bảo ông quan khi nãy rằng: «Từ đây khanh làm lớn hơn hết thảy các quan! Khanh đếm cho người

ấy một ngàn con bò và một ngàn lượng vàng.» Vua với hai cháu bèn đến kiếm hoàng-hậu. Thấy hai cháu, bà khóc; hết khóc bà lại cười, rồi đem y-phục mặc vào cho. Bà lại lấy vòng vàng đeo cho. Kế bà hỏi thăm cha và mẹ của chúng nó. «Cha mẹ cháu ở dựa bên một triềng núi, trong cái lều hoang, bao nhiêu đồ theo mình đều bố thí hết rồi, đói thời ăn trái cây, khát thời uống nước khe, làm bạn với thú dữ trên rừng.»

Hoàng-hậu hỏi vua: Bệ-hạ nên cho triệu Thái-tử về chăng? Vua bèn phái một sứ-thần đến tận nơi để triệu Thái-tử về, nói rằng vua đã tha lỗi rồi.

Khi Thái-tử về gần tới thành, thấy cha và hai con đến rước, có cả đàn-ông, đàn-bà theo sau rất đông. Mọi người đều đồn những sự cực khổ của Thái-tử và lòng từ-thiện của ngài nên ai cũng khen và không nhắc đến chuyện cũ. Vua phán với Thái-tử rằng: «Con ơi! Cha đã ở bất bình với con nhiều, nay cha hối-hận, con nên quên mà tha-thứ cho và tha-thứ cả nhân dân. Cha và cả dân trong nước quyết không cản ngăn những sự làm phúc của con nữa đâu.»

Thái-tử cười và hôn cha, công-chúa nựng hai con, còn hoàng-hậu thì khóc mùi. Đến khi Thái-tử bước vào cữa thành bá tánh đều tung hô. Ấy đó Thái-tử Việt-Văn-Tôn là tôi đây. Bây giờ thiên-hạ nghinh-tiếp tôi cũng như người ta rước Thái-tử Việt-Văn-Tôn lúc xưa. Người trong thiên-hạ nên noi theo đường lành mà thoát thân.»

Đức Phật nín. Cả thảy người trong họ Thích-Ca nghe xong, bèn xá ngài và lui về. Nhưng không có một người nào để ý mời ngài dùng cơm.

27.— Phật hành khất ngay ở quê-hương

Qua ngày hôm sau, đức Phật đi khắp trong thành, để xin cơm chay. Ngài đi từng nhà. Người ta nhận biết được ngài, và nhân dân trong thành đều nói với nhau rằng :

« Thật lạ dữ nào. Trước kia thái-tử ăn mặc rất sang trọng mà đi dạo trong thành, bây giờ ngài ăn mặc nghèo khổ như kẻ thầy tu khốn-nạn, ghé nhà nầy sang nhà kia mà xin cơm. »

Kẻ chen ra cửa sổ, người chạy lên lầu, để trông xuống, ai nấy đều nhìn trân mà lấy làm kính.

Một con thị-tì của vợ thái-tử ra khỏi dinh, thấy thiên-hạ xôn-xao, hỏi thăm mới hay công chuyện. Nó chạy trở vào dinh, kiếm chủ mà nói rằng : « Thưa Bà ! Thái-tử đi trong thành mà xin ăn theo điệu du-tăng ! »

Công-chúa dựt mình và tưởng rằng : « Chồng ta ngày xưa ăn mặc rất sang trọng, nào vàng, nào bạc, nào lụa-là, nhưng người vẫn sáng rở luôn, đến nay lại chỉ dùng ròng đồ sơ-sài mà cái hào-quang vinh-diệu nó lại tô-điểm thêm cho. » Kế nàng thở dài mà rằng : « Thái-tử thật đích-đáng vô cùng ! »

Nàng bước lên trên từng lầu mà trông ra, thấy đức Thầy đi lại, bá-tánh rất đông. Chung quanh hào-quang chiếu sáng rất oai nghiêm. Công-chúa mừng quýnh đến đỗi run, và lấy lòng thành-tin mà ca-tụng rằng : « Tóc người sáng và xinh, tráng người đồ hào-quang như mặt trời, người ngó ra coi rất khoan-dung hiền-từ, người như chúa sơn-lâm chậm bước đi trên thiên-đàng ! »

Công-chúa chạy kiếm vua :

« Tâu Bệ-hạ, Thái-tử đương đi đề người dâng cơm chay, có cả muôn ngàn bá-tánh theo sau mà tôn-trọng, xem người Thái-tử coi sáng sủa lắm. »

Vua nghe cảm động, đi tầm Thái-tử và nói rằng :

« Con làm gì vậy ? Đi ăm cơm nhờ của bá-tánh sao ? Cha

đương trông con và các đồ-đệ vào ăn uống trong đền.

Đức Phật :

— Bây giờ tôi phải noi theo đạo-lý luôn, là phải đi xin của bá tánh vậy.

Vua tiếp :

— Trong dòng-họ nhà binh Thích-Ca của ta, không có ai là đi hành-khất cả.

— Nhà vua là về dòng binh Thích-Ca, còn tôi từ những kiếp đã qua cho đến kiếp nầy, tôi hằng tầm đạo chánh luôn; tôi thấu hiểu sự cao-thượng trong nghề hành-khất. Tôi lấy làm vui mà riêng tôi về tôi. Lúc trước, hồi tôi còn nhỏ, kiếp ấy tôi là một vị hoàng-tử Đạt-ma-ba-la (Dharmapâla). Một hôm mẹ tôi đương chơi với tôi, thoạt vua cha đi ngang, mẹ tôi quên thi lễ. Vua cha định phạt mẹ tôi, nhưng muốn phạt cho đau đớn mẹ tôi bao nhiêu thời lại hành xác tôi đau đến bấy nhiêu, nên vua sai đem chặt hai tay tôi. Mẹ tôi khóc lắm, đưa hai tay ra chực để chặt, nhưng cha tôi không nghe. Người ta liền vưng lịnh vua. Tôi bị chặt tay, nhưng tôi cười. Thấy tôi cười mẹ tôi cũng cười. Cha tôi liền truyền lịnh chém hai chơn tôi. Người ta chém rồi, tôi cười nữa. Vua giận đỏ mặt, hô lên rằng : « Đem chém đầu nó cho mau ! » Mẹ tôi run, quì dưới chơn cha tôi : « Bệ-hạ ôi ! thà giết thần-thiếp đi, để cứu sống lấy con. »

Vua nghe theo. Nhưng tôi nói rằng : « Mẹ ơi, để người ta chém đầu tôi thôi, tôi muốn mẹ sống lnôn. Và hễ tôi chết rồi, thời người ta phải đem mình tôi mà treo lên một cây trụ để cho chim trời ăn. » Quan giám-sát vừa nắm lấy tóc tôi thời tôi nguyện rằng : « Mong sao tôi sẽ thành Phật mà giải thoát cho chúng-sinh, khỏi sống đi thác về ở trần-thế nầy. »

Đức Phật phán nữa rằng :

« Như thế đó là tôi hiểu đạo-lý rồi. Tôi thành đức Đại-từ Đại-bi, tôi hiểu đường để giải-thoát. Nhà vua không nên khuấy rối đạo tôi. Ai sốt-sắng tánh-tình, tâm-trí minh-mẫn, noi theo đường đạo mà ăn ở hiền-từ thời khi chết ngủ rất êm ! »

Vua Sư-đà-Na bèn hôn lấy đầu gối của con, mà tin theo vậy, Đức Phật cười, cười ôn-hòa và vào đền vua mà dùng cơm.

28.— Phật viếng vợ.

Bà di cũng đến chào Phật và bạch rằng: « Tôi có mời công-chúa đi chung, nhưng cháu nó nói rằng: tôi không đi đâu. Đức tôi kém, nào dám xứng-đáng để gặp mặt chồng. Giả như tôi được trong sạch thời có lẻ chồng tôi ghé viếng tôi, rồi tôi sẽ tỏ lời cung kỉnh nhiều.»

Đức thầy đứng dậy và đi ngay lại phòng vợ mình. Nàng đã dứt bỏ những vòng vàng và quần áo rồi, chỉ mặc một bộ đồ nâu và cười rất hiền lành. Nàng qui dưới gối thái-tử mà làm lễ.

« Ngài xem đây, em muốn mặc y-phục như Ngài, em muốn ăn ở như Ngài. Mỗi bữa Ngài chỉ ăn có một lần thời em cũng ăn như Ngài. Ngài đã không còn yên giấc trên giường thời em cũng chỉ ngủ trên cái bàn cây đó thôi. Từ đây em không còn biết phấn son là gì, không còn biết trâm cài lược giắt là gì.

— Tôi đã hiểu nền đạo-đức của em rồi và tôi khen em không còn khuyết điểm chút nào. Trong trần gầm lại có mấy người phụ-nữ là có đủ nghị-lực như em?»

Đoạn Ngài ngồi xuống và giải rằng:

« Phải, ta không nên quá tin đàn-bà. Có được một người khôn ngoan, hiền-đức thời có trên cả ngàn người hung-ác, gắt-gao. Đường nước con cá lội không bi thiết bằng người đàn-bà. Bọn ăn trộm ăn cướp ít dữ tợn hơn, người đàn bà cũng lợi hại mưu tri như bọn ấy vậy. Người đàn bà ít khi nói thật, vì đối với họ thời giả dối cũng thật tình. Nhiều khi tôi khuyên đệ-tử xa lánh đàn-bà, không muốn cho nói chuyện với họ. Còn công-nương thời khác hẳn, không một điểm giả. Tôi tin ngay đạo-đức của cô. Đạo-lý là cành hoa qui, khó kiếm; muốn thấy được nõ, muốn bẻ được nó, phải một người đàn-bà có mắt tinh, có tay sạch. Con quỉ Mã-Ra dấu mủi tên nhọn dưới hoa, người đàn-bà nào yêu những hoa thấp thường thời bị tên đâm mãi vào tâm.

Ôi! tội nghiệp lắm! Họ không hiểu thân-thế người chỉ là bọt nước bời rời, nó đeo theo trần-giang nầy, ngày nào sự chết đến thời nó tan rã ra. Một nguồn nước kia, khi có bảo làm trôi cả một cái làng, người đàn bà cũng thế, hễ cái chết đến thời nó kéo mất người nào ham bẻ hoa mà tâm-trí vẫn lảng-xao vậy. Ôi! đàn-bà! Họ những bẻ hoa họ những chơi hoa, ngửi hoa, cái giờ chết nó chực họ mà họ mài-miết với hoa.

Mình thử ngấm con ong nó bay từ hoa nầy sang hoa kia nó đem cái nhụy về mà làm mật nhưng không hại đến cái hoa.»

29.— Phật độ em.

Nhắc lại từ khi thái-tử dứt trần-thế mà về với đạo thời vua Sư-đà-Na đã chọn một người con kế để nối trị thiên-hạ về sau. Thái-tử Nan-Đa (Nanda) lấy làm hân-hạnh mà nghĩ rằng sẽ được ở ngôi vàng và lấy làm vui mà nhớ đến việc hôn nhơn mình với công chúa Xu-đa-ri-ca (Soundarikâ) đẹp người mà rất yêu.

Đức Thầy nghĩ rằng em mình sắp lạc vào nẻo tà, ngài bèn đi kiếm gặp bảo em rằng :

« Tôi đi kiếm chú, vì biết rằng chú đương hân hoang và tôi muốn chú cho tôi hiểu những nguyên-nhân của chú vậy. Chú cứ nói đi, cho tôi thấy rỏ cái tư-tưởng của chú.

Thái-tử Nan-Đa đáp :

— Anh ôi! Em tưởng anh đã hiểu rồi : anh đã chê việc cai-trị thiên-hạ mà dứt áo ra đi một mình, anh lại bỏ chị lại nhà.

— Chú tính cho một ngày nọ sẽ làm vua, vì thế mà chú vui à ?

— Dạ phải ! Lại em còn một sự vui nữa là em yêu công-chúa Xu-đa-ri-ca và sắp cưới cô làm bạn trăm năm.

Đức Thầy la lên rằng :

— Khốn nạn lắm ! Chú đã bị u-ám mờ-mịt lắm mà chú lại vui được sao ? Chú muốn được thấy ánh sáng chăng ? Trước hết là phải tránh sự vui : vì vui mà khổ, vì vui mà sợ. Ai không còn ham vui thời không còn biết đau-đớn, sợ-sệt gì nữa. Phải tránh ái-tình : có thương mới có khổ, có thương mới có sợ. Ai khỏi ái-tình thời không còn biết khổ và không còn biết sợ. Nếu mình cứ theo cuộc vui ở trần-thế, thời đời mình hóa dở-dang, vui thành khổ, con ma chết nó toan chụp những kẻ khốn-nạn chỉ biết ăn-chơi thôi. Trần-gian chỉ là khói lửa thôi. Muôn vật đều khổ ở trần-gian, khổ vì lớn lên rồi già, rồi chết vậy.

Nầy chú ! Bao nhiêu những tiền-kiếp của chú, chú sống đi chết về, tổn biết bao nước mắt, góp lại còn nhiều hơn nước ở sông to biển cả. Chú những thở-than khóc-lóc

vì không được toại lòng, chú những thở-than khóc-lóc vì đã xảy ra những cuộc biến mà chú sợ-sệt vô cùng. Mẹ chết, cha chết, anh chết, chị chết, con trai chết, con gái chết, trong khoản bao nhiêu những kiếp trước, chú gặp biết mấy trăm ngàn lần như vậy rồi? Mấy trăm ngàn lần mà chú mất những sự vui sướng giàu sang! Mà mỗi khi có việc biến thời khóc, khóc, khóc cho đến đổi số nước mắt tràng ra nhiều hơn nước ở sông-biển!»

Khi mới nghe đức Phật giảng thời thái-tử không để ý nhiều, lần lần người châm chỉ thêm, sau rất cảm động.

Đức Thầy phán nữa rằng:

«Chú ơi! Chú thử lấy mắt mà nhìn ra trần-thế, chỉ là bọt nước thôi! là giấc mộng thôi! Nghĩ được như vậy chú sẽ tránh sự chết rất dễ dàng.»

Đức Phật nín.

Thái-tử Nan-Đa kêu lên rằng: «Thầy! Thầy! kẻ đệ-tử xin nguyện theo thầy! Thầy dắc theo với nào!»

Đức thầy cầm lấy tay thái-tử Nan-Đa mà ra khỏi đền. Nhưng thái-tử nghĩ rằng: «Theo liền là hớp-tớp lắm! Tuy anh ta nói là không ưa, chớ làm vua cai-trị thiên-hạ là quí-hóa vinh-vang lắm. Còn công-chúa Xu-da-ri-Ca đẹp lắm, biết ta còn gặp được nữa chăng?»

Thái-tử bèn thở-dài ra rất buồn.

Nhưng người cũng theo đức Thầy, không dám tỏ ra, sợ bị quở và sợ bị khinh lắm.

Đến một gốc đường, thái-tử thấy một cô gái đi lại, miệng tươi cười: ấy là công-chúa Xu-đa-ri-Ca. Thái-tử ngó xuống đất, ngảnh đi.

Cô hỏi rằng: «Chàng đi đâu đó?»

Thái tử không trả lời. Cô hỏi đức Thầy: «Ngài dắc Thái-tử đi sao?»

Đức Thầy đáp: Phải.

— Rồi đây thái-tử về không?

Thái-tử Nan-Đa muốn la lên: «Em ơi! rồi anh sẽ về.» Nhưng vì sợ mà không dám thốt ra, rồi người ngó xuống đất mà đi theo đức Thầy.

Công-chúa biết Thái-tử đã lìa cô rồi, nên cô khóc muồi.

30.— Phật độ con.

Một hôm vợ Thích-Ca nhìn đứa con trai mình mà rằng :

«Con ơi! Con đích đáng lắm! Mặt mày tai mắt coi sáng sủa lắm! Cha con chưa trao cho con một sự nghiệp vinh-quang. Nầy! hãy đi kiếm cha mà hỏi.»

Công-chúa và con đồng lên lầu, ra nơi trống, trông xuống. Đức Đại-từ Đại-bi đương đi ngoài đường, công-chúa bảo con :

«Nầy, con thấy thầy tu ấy không?

— Thưa mẹ! Con thấy! Mình mẩy người ấy vàng hực à!

— Phải! Người ấy đẹp như thần-tiên trên trời. Vì hào-quang chói ra nên trông người vàng. Con nên thương người, ấy là cha của con vậy. Khi trước cha con có nhiều vàng bạc, châu báu, hôm nay lại đi từng nhà để đón lấy bát cơm. Nhưng bây giờ cha con được của cải qui lắm là đã tu đắc đạo mà thành chánh-quả rồi : Con nên xuống đi. Nói rỏ con là ai, hỏi cha giao của qui lại cho.»

Đứa nhỏ nghe lời mẹ. Nó chạy đến đức Phật rất mau. Nó lấy làm vui. Nó vái chào mà rằng :

— Thưa Thầy, đi nương theo bóng Thầy con thích quá.

Đức Thầy ngó nó một cách hiền lành. Nó đi khít một bên Ngài. Nó nhớ lời mẹ dặn và nói :

«Thầy ơi, con là con ruột của Thầy đây. Con biết Thầy có của qui hơn hết, nên đến để xin Thầy.»

Đức Thầy cười. Ngài không trả lời. Đứa trẻ vẫn còn đi theo vừa đi vừa lập lại rằng :

«Thầy ơi! cho con của ấy với nào.»

Đức Thầy mới phán rằng :

«Con ơi! Con không hiểu, người ta bảo con đi xin của-cải, nên con cứ đòi cho được! Con hỏi thầy, là muốn hỏi về tiền-của ở thế-gian.

Con chỉ biết bấy nhiêu là tài sẵn thôi, chính của ấy mà

nhân-loại ham chuộng vô cùng, một con ma chết nó lại đánh ngã những người "*giàu giả*" ấy thời họ chỉ còn tay không. Thầy không nở để con chịu dốt nát. Con sẽ được bảy món báu, con sẽ hiểu bảy nguồn đạo-lý và con sẽ biết cái giá cao của lòng lành, con không kiêu-hảnh, không cộc-cằn, con lại biết nghe lời, biết dằn tâm và thông hiểu nhiều. Con cứ đi, để thầy giao con cho bụt Xá-lợi-Phất (Çaripoutra) để người dạy đạo-lý cho.»

Trẻ Ra-Hu-La (Rahoula) đi theo cha. Công-chúa lấy làm vui. Chỉ có vua Sư-đà-Na là buồn; con, cháu đã bỏ ngài mà đi hết rồi.

Đức Thầy khuyên vua rằng:

«Nhà vua không nên thổ lộ sự buồn ra, hãy cố chịu lấy một mình. Một thớt tượng nhà binh lúc vào trận phải lắn tên, không bao giờ rên la, những vua chúa ngồi trên, cứ cho tượng xông vào trận luôn. Trong nhơn-loại, hay hơn hết là người nào biết dằn lòng mà chịu với nỗi khổ. Người nào không còn biết tự-cao là đích đáng với thánh-thần. Người ấy không lầm-lạc điều gì. Phụ-vương ơi! dầu ở non cao biển thẳm, cũng khó mà tránh những sự lầm-lạc, hung-ác ở đời; nó đeo theo bên chơn mình, nó nung đốt mình, nên mình bất yên luôn! Nhưng nếu Phụ-vương làm được điều lành, khi mình lìa trần thời những điều lành ấy đón rước và trân trọng mình, tuồng như gặp bằng hữu cùng nhau xa-cách lâu năm. Ta vẫn vui luôn, ta nên ăn ở hiền lương. Ta vẫn thỏa lòng, tuy cùng ở với người bịnh, ta mạnh luôn. Ta vẫn thỏa lòng, tuy cùng ở với người mệt, ta khỏe luôn. Ta vẫn thỏa lòng, nhưng ta không có tiền-của gì. Ta lấy sự thỏa-thích mà làm vật thực luôn. Một thầy tu ở nơi thanh-tịnh tâm-tánh ôn-hòa, lấy mắt trong mà nhìn sự thật, tấm lòng thỏa-thích vô cùng, rất khác hẳn với người thường.»

Đức Thầy an-ủi cho vua Sư-đà-Na xong, bèn từ giã thành Kapilavastou và qua thành Rajagriha.

31.— Nhà thương gia từ thiện.

Khi đức Phật đến thành Rã-sen-ri-Ha, (Rajagrila) có một nhà thương-gia đến xin ra mắt. Người nầy vốn có lòng thành tin về tôn-giáo, khi nghe tin Phật ở rừng Trúc-lâm người muốn đến viếng Ngài.

Nhà đại thương-gia, tên là Á-nang-tả-phiên-đi-Ca (Anâthapindika) một buổi sáng kia, vào rừng Trúc-lâm. vừa đến nơi có tiếng thần-tiên, chỉ nẻo cho để đến gặp đức Thầy. Nhà thương-gia được tiếp rước niềm-nở, người cúng vào một món qui-giá lắm. Và đức Thầy có hứa sẽ đến xứ của nhà thương-gia.

Khi về đến nhà, Á-nang-tả-phiên-đi-Ca suy nghĩ cách rước Phật Thích-Ca. Vườn hoa của chàng không lấy làm xứng đáng cho khách cao-thượng như Ngài. Trong thành một ông hoàng có một vườn hoa đẹp hơn hết. Chàng nhứt định mua ngay nó.

Ông hoàng ấy nói rằng: «Tôi muốn bán cái vườn thảo-mộc cho anh, nhưng nếu anh sắp đủ đồng vàng trên cả mặt đất trong vườn thì tôi mới đành.»

Giá-cả định xong. Nhà đại thương-gia bèn cho xe chở đến cả xe đồng vàng.

Còn lại một khoảnh nhỏ chưa sắp vàng thời ông hoàng đến, lấy làm vui vẻ và bảo rằng:

«Vườn thảo-mộc về anh đó à! Tôi không tinh thẻo đất còn dư.»

Nhà thương-gia liền sắp đặt vườn hoa lại, rồi mới phái người tin-cậy nhứt trong nhà đến rừng Trúc-lâm mà rước đức Phật về xứ mình.

Người nhà được phái đi, tâu rằng: «Bạch Thầy, chủ của tôi xin qui gối dưới chơn Thầy, chúc Thầy khỏi sự tật bịnh và phiền-lo, và xin Thầy hạ cố đến người mà sang chơi xứ Kha-hoảng tiên (Çrâvatî) như hôm nọ Thầy đã hứa. Chủ tôi đương trông Thầy.»

Đức Phật không quên lời hứa với chàng Á-nan-tả-phiên-

đi-Ca. Ngài định ra đi. Ngài nói với người đem tin rằng:

«Ta sẽ đi.»

Ngài nán lại vài hôm, đoạn xách áo với bình-bát ra đi, sau chơn đệ-tử lủ-lượt theo. Người đưa tin đi trước, để báo chủ hay.

Chàng Á-nang-tả-phiên-đi-Ca định đi rước đức Phật, có vợ, con, con gái với những hàng giàu-có trong thành. Đức Phật đến, mọi người đều chóa mắt, tự mình tuồng như đi trên đường trám vàng.

Đức Phật đi vào vườn hoa, đoạn chàng tâu rằng:

— Bạch Thầy, vườn nầy để làm gì?

Đức thầy đáp:

— Nên cúng cho Giáo-hội tăng-đồ.

Chàng sai người đem vào một bình-bát bằng vàng, đựng nước đầy, đổ nước trên tay đức Thầy, và thưa rằng:

— Từ đây trở đi tôi cúng vườn nầy cho Giáo hội, đức Phật là người làm đầu trong giáo-hội tăng-đồ.

— Phải. Ta nhận của nầy là chỗ ngụ rất êm-tịnh của chúng ta, khỏi phải sợ nóng, lạnh gì. Thú dữ không vào đây; êm cho đến không nghe tiếng một con muỗi. Ở đây tránh khỏi mưa, gió và bóng trời.

Vườn rất hạp để mà tư-tưởng. Chúng ta sẽ ở đây mà suy-nghĩ về đạo lâu-dài. Cúng cho hội nhà tăng những của như vầy là quí lắm. **Người hiểu đạo-lý tuy lo làm ăn để mưu lợi ích, nhưng hằng lo cho có chỗ lo về sự ăn-uống và áo quần luôn. Còn hạng du-tăng thời dạy trở lại về đường đạo. Nên người nào hiểu đạo thời được giải thoát ngay, khỏi còn lầm-lạc, được đến cõi Nát-Bàn».**

Đức Phật và các Đệ-tử bèn ở lại vườn hoa.

Chàng thương-gia lấy làm hân-hạnh, nhưng suy-nghĩ rằng:

«Người ta khen tặng tôi nhiều lắm, nhưng tưởng lại những sự hành-vi tôi không lấy chi làm đích-đáng. Tôi cúng cho đức Phật với mấy thầy tăng, thời tôi được phần hưởng về ngày sau, nhưng điều lành ấy nó chỉ có ích cho

tôi thôi. Tốt hơn là tôi nên làm cho những người khác được hưởng chung với tôi. Tôi đi ra đường cái đón người qua lại, để xin đồ cúng cho Phật và các thầy tăng. Có lẽ những nhà từ thiện không ít đâu.»

Chàng đến ra mắt vua là người ngay-thẳng và công-bình. Chàng tỏ ý-kiến mình, vua nhận cho là phải. Một viên quan đi khắp trong thành và rao rằng:

« Cho bá tánh hay: trong bảy ngày nữa, nhà đại thương gia Á-năng-phên-đi-ca cởi lên một thớt tượng mà đi khắp các nẻo đường để xin những đồ bố-thí mà đem cúng đức Phật với các đệ-tử. Ai có nhiều cho nhiều, ai có ít cho ít.»

Đến ngày kỳ hẹn, chàng Á-năng-phên-đi-ca cởi thớt tượng tốt hơn hết của mình, đi khắp các nẻo đường, gặp ai chàng cũng mời họ làm phúc để cúng cho đức Phật với các thầy tăng. Thiên hạ xúm lại chung quanh chàng: người cho vàng, kẻ cho bạc, có người cởi kiềng, chuỗi, neo ra mà cho, những món đồ càng xấu lại càng được hoan-nghinh.

Bấy giờ trong thành có một cô gái nghèo lắm. Cô làm cực nhọc ròng rã trong ba tháng trời mà chỉ mua được có một khúc vải thôi. Cô mới vừa may xong. Cô thấy chàng Á-nang-phên-đi-ca với một đám người đứng chung quanh mình.

Cô bèn hỏi một người qua đường rằng: « Anh lái buôn ấy, khi muốn xin người bố thí chớ gì. » Người qua đường đáp: Phải! anh ấy đi xin.

— Người ta nói ảnh là người giàu-có hơn hết trong thành sao lại còn hành-khất?

— Bảy bữa rày, cô không có nghe vua rao gì hết sao?

— Không, nào tôi có hay.

— Anh ấy không phải xin riêng cho mình chính là ảnh muốn cho mỗi người, tùy ý đều có thể dâng lên để cúng Phật và các thầy tăng. Ai bố-thí thời được phước về sau.» Cô gái nói một mình rằng: « Tôi chưa hề làm việc gì đích đáng. Để tôi cúng Phật với nào. Mà tôi nghèo quá. Biết làm thế nào?» Tôi chỉ có cái áo nầy, không lẽ ở trần mà đi về.»

Cô về đến nhà, cởi áo ra và đứng nơi cửa sổ mà chờ

chàng Á-nang-tả-phiên-đi-Ca đi ngang. Khi thấy chàng đứng trước nhà, cô ném cái áo ra. Chàng cầm lấy, chỉ cho bọn tôi tớ xem và nói :

« Người đàn bà ném cái áo nầy ra chắc không có món gì nữa rồi. Có lẽ cô ở trần nên không thế đi ra ngoài để trao cho ta, lại đứng núp trong cữa sổ mà quăng ra. Chúng bây thử đi và ráng kiếm để biết cô ấy là ai.

Bọn tôi-tớ kiếm mãi, một độ lâu chúng nó mới thấy cô gái nghèo; té ra chàng nói chẳng sai. Chàng thương-gia rất cảm động, bèn khiến người ta đem tặng cho cô nhiều quần áo rất giá-đáng để đáp lòng từ thiện của cô.

Qua hôm sau là cô qua đời, được làm tiên-nữ trên trời. Nhưng cô không quên nhờ ai mình được thành tiên, nên một đêm kia, cô hiện xuống trần, đến viếng đức Phật và nghe Ngài giảng Đạo-lý.

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F.

32.— Sáu ông hoàng đi tu.

Đức Phật ở tại thành Kha-hoẳng-tiên (Çravatî) được ít lâu, bèn định trở lại với vua Vimbasâra.

Khi đi nữa đường, trong lúc Ngài đương ngơi nghĩ thời thấy bảy người đi ngay tới mình. Nhìn kỉ là sáu người bà con một họ với Ngài, còn người thứ bảy là một anh thợ cạo.

Sáu người bà-con họ Thích-Ca thấy người trong dòng họ mà không ai theo đạo Phật thời không vui, nên bàn luận với nhau để theo tu với Phật Thích-Ca.

Sáu ông hoàng đi đường để tầm Phật, nhưng ra khỏi thành một độ lâu, thời ông hoàng A-năng-Đa (Ananda) hỏi ông hoàng Ha-ri-Ca (Bhadrika): «Nầy! Anh định vô đạo mà sao anh còn đeo vòng vàng?»

Ông hoàng Ha-rỉ-Ca thẹn, nhưng liết mắt thấy ông ta cũng còn đeo vòng vàng thời đáp lại rằng: «Anh thử trông lại mình anh nào?» Ông hoàng A-năng-Đa thẹn hơn.

Sáu người đều nhìn nhau, không một người nào là không đeo đồ. Cả thảy đều thẹn, ngó mặt xuống, không dám hở môi. Bỗng có anh thợ cạo đi ngang.

Sáu ông hoàng đồng kêu lại mà cho va những vòng vàng và nói chuyện theo đạo Phật Thích-Ca. Anh thợ cạo nhận lấy đồ.

Đi được ít bước, anh ta suy-nghĩ, lấy làm sợ thiên-hạ cho mình là kẻ giết người đoạt của, liền treo lên một cành hoa. Anh thợ lại nghĩ rằng: «Mấy ông hoàng kia, họ giàu sang mà còn bỏ đền-đài để đi tu, còn ta, ta chỉ có một tiệm cạo, ta có tiếc gì. Để ta theo họ mà đi tầm Phật luôn và xin nhập đạo Ngài.»

Anh ta theo mấy ông hoàng, nhưng không đám đi chung.

Thình-lình ông Hả-ri-Ca ngó ngoái lại, thấy anh thợ cạo bèn kêu: «È! Anh kia! Sao anh chê bỏ đồ của chúng tôi cho anh khi nãy?»

— Tôi cũng muốn đi tu như các ông.

— Thôi lại đi chung cho vui.

Anh ta còn đi sau thời ông hoàng Á-nô-rông-đa (Anourouddha, bảo rằng:

« Anh thợ, lại đây mà đi ngang hàng với chúng tôi. Chỉ có ai hiểu đạo nhiều và tu lâu là mới được đứng trên trước mà thôi. Đến chừng tới trước đức Thầy thì anh phải bạch trước mà xin vào đạo. Anh em ta nhường lời nhường bước cho anh, việc ấy chứng rằng chúng ta đã dứt bỏ cái tính tự cao tự trọng của dòng Thích-Ca rồi. »

Mấy người cùng đi chung với nhau, thoạt đâu có một con chim quạ bay xuống trên đầu ông hoàng Đờ-hoa-đảng-ta (Devadatta tàu dịch Đề-bà.) Chừng ấy ai nấy mới biết rằng ông ta còn dấu một hột minh châu trong mí tóc. Họ biết ổng còn tiết của đời nên ai nấy đều mỉn cười. Con quạ mỗ hột minh châu mà đi. Ông hoàng Đờ-hoa-đảng-ta bấy giờ không còn một món đồ quí, nhưng trong bọn chưa ai chắc rằng ổng rửa được lòng trần. (1)

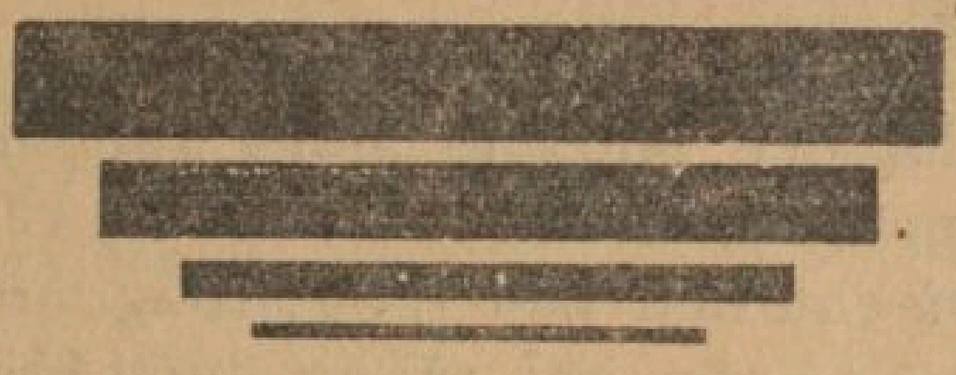

(1) Ông nầy sau nghịch với Phật và muốn phá Phật.

33.— Phật giác ngộ cho em.

Đức Thầy vui lòng cho sáu người bà con nhập môn, Ngài nhận họ làm đệ-tử, và dắc họ về rừng Trúc-lâm.

Nhắc lại ông hoàng Nang-Đa là em ruột đức Phật, vì theo ngài hốp tốp mà thường hay buồn. Tuy ở trong rừng Trúc-lâm, trí ổng những vơ-vẩn với tình-nhân, lấy làm tiết mà phụ cô, cho đến khi ngủ cũng còn thấy cô trong mộng. Đức Phật biết cái lối thấp thường của em, ngài định tiêu trừ nó.

Một hôm ngài cầm lấy tay em mà dắc đến trước một cây cao, trên cành có một con khỉ dị-hợm.

« Chú thấy chưa! Con khỉ cái đó đẹp chăng? »

— Tôi không thấy con vật nào xấu bằng.

— Phải! nó giống người tình của chú đó! Nó giống cô Xu-đa-ri-Ca gần thành cuộc trăm năm với chú vậy.

— Anh nói gì thế? Con khỉ cái ấy lại giống một cô công-chúa đẹp-đẽ mặn-mà sao?

— Tôi không thấy chỗ nào là không giống. Cả hai đều về giống cái, cả hai đều làm cho giống đực sanh dục-tình: tôi biết chú muốn bỏ đường đạo-đức để về hôn-hích cô Xu-đa-ri-Ca, và chú nên biết rằng trong vườn nầy lại có một con khỉ nó bị con khỉ cái ấy dùng lửa tình mà đốt ruột gan nó. Rồi đây cả hai đều già-cả xấu-xa. Chừng ấy chú với con khỉ đực kia cùng tự hỏi mình điên-đảo là tự nơi đâu. Cả hai con cái đều chết, con khỉ đực với chú mới hiểu rỏ rằng cái dục-tâm, dục-tình là dối giả lắm. Thật cô Xu-đa-ri-Ca không khác nào con khỉ cái đó.

Ông hoàng Năng-Đa nghe đức thầy giảng không để ý trọn. Ông ta thở dài và mơ-tưởng, thấy người tình yểu-điệu đương thơ-thẩn gót sen trong một vườn hoa.

Đức Phật bảo lớn rằng: « Nầy cầm lấy cái chéo áo tôi đây! »

Ông ta nghe theo, bổng thấy mình không còn đứng trên đất và có một luồng gió đưa lên tới trời. Ôngta đi nữa, đến một

vườn hoa đẹp lạ lùng; đất bằng vàng, còn hoa trong vườn toàn là châu-ngọc sáng rỡ thơm tho. Đức Phật phán: «Ở đây là thượng-giới, chú mở con mắt mở ám mà xem nào.»

Năng-đa trông ra, ngó vào một cảnh vườn hoa, thấy dạng một tòa nhà bằng bạc trong ngần. Dựa thềm có một vị tiên cô, đẹp hơn tình-nhơn mình nhiều; Năng-đa mê-mẩn tinh thần, bèn chạy a lại. Tiên-cô cản ra mà rằng:

«Về dưới trần ăn-ở cho trong sạch đi và tu-niệm đi. Đến chừng thác, lên đây có ta đón.»

Tiên-cô biến mất. Hoàng-tử và đức Phật cùng nhau trở xuống trần-gian.

Bấy giờ Hoàng-tử quên hẳn công-chúa mà nhớ mãi vị tiên cô mới gặp trên thiên-đình. Chàng tưởng, thương, quyết còn tái-ngộ, nên định giữ mình trong-sạch luôn.

Nhưng bọn tín-đồ bỉ chàng, không ngó ngay chàng. Không ai còn nói chuyện với chàng. Thường thường hễ gặp chàng ai cũng cười khinh. Chàng lấy làm buồn và ngở rằng người ta oán-ghét mình mà mình không hiểu duyên cớ gì. Một hôm, chàng kêu ông hoàng A-năng-đa lại mà hỏi: «Sao anh embọn tín-đồ họ lánh tôi? cho đến anh, anh cũng không muốn nói chuyện với tôi? Lúc xưa còn ở thành Kâpila-vastou thời ta rất khắn-khít với nhau mà, ta đồng một họ, đồng làm bạn với nhau. Tôi muốn biết vì sao anh phiền tôi?

— Khốn nạn! Thầy không muốn chúng tôi nói chuyện với anh, chúng tôi tư-tưởng về đạo-đức cao-thượng, còn anh chỉ mơ-màng sắc đẹp của một cô tiên thôi.»

Nói xong Á-năng-đa xủ áo ra đi.

Chàng ta rất buồn, bèn chạy kiếm đức Thầy và qui dưới chơn. Đức Phật phán:

«Tư-tưởng của người xấu lắm. Người là nô-lệ của dục-tâm. Mới rồi đã nhớ một cô công-chúa, bây giờ lại mơ-tưởng một cô tiên. Đã vậy lại còn muốn luân hồi, mà ở chung với thần-tiên? Lầm lạc lắm thay. Ráng mà tu; hảy nghe giảng kinh và trừ bỏ dục-tâm.»

Chàng Năng-Đa nghe Phật dạy, mới tỉnh lại mà thành một

kẻ tin-đồ sốt-sắng, và lần lần được rửa sạch lòng tà. Những hôm nằm mộng, không còn thấy tinh-nhơn, và thỉnh thoảng nhớ chuyện tiên-nữ ở Bồng-lai thời cười. Một bữa nọ, có một con khỉ cái xấu-xưởng, trên ngọn cây dòm xuống, chàng bèn la lên rằng:

« Chào, chào ngươi mà cô Xu-đại-ri-Ca đẹp không bằng, ngươi mà cô tiên-nữ đẹp không bằng.»

Chàng dần được lấy mình, bèn sinh ra tự cao mà tưởng rằng: « Ta thành rồi, đức ta nào kém anh ta.»

Chàng bèn mặc một cái áo dài bằng áo đức Thầy. Ở xa bọn tín-đồ thấy dạng, ngở chàng là thầy nên bảo nhau đứng dậy mà chào.

Nhưng đến gần, nhận kỉ là Năng-Đa thời ai cũng thẹn-mà ngồi lại chỗ cũ và nói rằng: « Anh ấy mới nhập môn, ta tu đã lâu, lại đứng dậy vái chào ảnh sao?

Năng-Đa thấy người chào thì mừng, thấy người ngồi lại thì phiền, nhưng ngỡ là họ lầm mình.

Như vậy mãi, bọn tin đồ lầm mãi, ai cũng cười khinh. Sau có một anh đến bạch cùng thầy.

Phật liền nhóm cả hội đệ-tử lại, và hỏi Năng-Đa rằng:

« Người có mặc áo ni-tấc giống áo ta chăng?»

— Có. Tôi có mặc áo dài bằng áo Thầy.

— Sao vậy? Trò mà muốn mặc áo dài bằng Thầy. Đường đột nhỉ? Những cử-chỉ như thế làm mất lòng tin-ngưỡng của những người chưa hiểu đạo, lại làm cho những người tu lâu họ nản chí đi. Người nên cắt ngắn lại, và từ đây trở đi, kẻ tín đồ nào mặc áo dài bằng áo Phật là phạm tội nặng, sẽ bị răn.»

Nan-Đa biết lỗi, và mới hiểu rằng muốn thành chánh quả thời phải bỏ hẳn tánh tự-tôn.

34.— Vua cha thăng hà.

Đức Thầy đương ở tại một vườn thảo-mộc mà kẻ từ-thiện cúng cho. Ngài hay rằng cha mình, vua Sư-đà-Na trọng bịnh. Vua rất già yếu, bịnh lại nặng trầm, biết rằng mình gần thăng-hà. Đức Thầy nhứt định thấy mặt vua, bèn vẹt mây bay về thành cha.

Vua nằm rất âu-sầu, hơi thở mệt-nhọc, sắp thăng hà, nhưng thấy mặt con, vua lại mỉm cười. Đức Thầy nói rằng :

« Phụ-vương đi một con đường dài, bao giờ cũng làm phải luôn. Phụ-vương không có lòng tà, không có lòng ghen, không giận hờn. Ai mà ăn ở hiền lành là có phúc lớn vậy. **Gương mặt mình sạch, đem soi dưới dòng nước trong thì lấy làm vui, nhưng đến chừng mình soi tâm-trí, thấy được trong sạch thì lại vui gấp đến mấy phần !** Tâm-trí của phụ-vương trong sạch lắm, phụ-vương nhắm mắt như mặt trời lặng buổi chiều.

Vua đáp :

— Bây giờ tôi mới hiểu thế-cuộc là bời-rời. Tôi được thoát khỏi dục-tâm ; tôi không lụy với trần-gian.

Vua chào đức Phật một lần nữa, kế day qua các quan mà phán rằng :

« Anh-em ơi ! Biết đâu tôi ở bất công với anh em, nhưng anh em vẫn vui luôn : anh em thật là hiền từ. Trước khi chết, tôi muốn cho anh em tha thứ cho. »

Các quan đều khóc và tâu : Bệ-hạ vẫn khoan dung và công-bình luôn.

Vua lại nói tiếp với vợ là dì của Đức Phật rằng :

« Còn em, em là người bạn yêu-quí của tôi, em không nên khóc lóc mà làm gì, lại nên tưởng đến công-nghiệp của đức Phật mà em nuôi lúc còn thơ. Hãy vui lòng. »

Vua băng, mặt trời lặng.

Đức Phật phán : « Các quan nhìn xem người của cha tôi đây : người bây giờ khác với người lúc xưa. Không ai

là tránh khỏi chết. Ai có sanh tức là có chết. Phải giữ lòng lành; noi theo đường đạo mà đi, không nên đi đường tà, không nên trồng cây có rễ độc mà gieo cái nộc hại cho đời. Anh đánh xe hết đi đường ngay, gặp phải đường cong, xe gẩy, anh ta khóc; kẻ tối tăm ra khỏi đường đạo, đến khi chết nó khóc rền. Người hiền là cây để dắc người ngu, dắc người đời: chỉ riêng mình là có mắt, nhơn loại là mịt mù.»

Đem xác vua lên giàn, đức Thầy ra thiêu. Người vua cháy. Bá-tánh khóc vua. Đức Thầy đọc rằng:

«Sinh là khổ, chết là khổ, bịnh là khổ! Thế mà ai cũng khao-khát với kiếp luân hồi, khao-khát ở đời. Vì khao-khát mà khổ! Khao-khát không nhằm, người thành đạo hết sự dục-tâm, người thành đạo hiểu biết tâm cảnh hoa của gốc đạo lành.»

HỒI THỨ' BA

35.— Bà dì xin làm tín đồ.

Bà hoàng-hậu ngồi tư tưởng. Bà hiểu cỏi trần là giả-dối. Bà toan lánh khỏi cung, khỏi thành vua và ăn-ở trong sạch theo người tu.

« Đức Phật có chí thích lắm! Bọn tín-đồ cũng hân-hạnh lắm. Ta biết thế nào theo tu chung? Ta biết thế nào ăn ở an nhàn như đức Phật với các tín-đồ. Nhưng hàng phụ-nữ biết có được nhập vào chăng? Nếu không được đi tu, là phải ở mãi trong thành nầy, trong cung nầy, không còn có chút thú vị gì nữa rồi! »

Bà Hoàng-hậu buồn. Bà không còn mặc y-phục tốt. Bà đã cởi đồ nữ trang mà cho bọn con hầu.

Một hôm, bà tự nói một mình rằng: « Đức Thầy khoan dung, Ngài sẽ đoái đến ta. Ta đi tầm Ngài, biết đâu Ngài cho ta nhập vào với bọn tín-đồ.»

Đức Phật ngồi dưới một vườn hoa, gần thành (Kapilavastou). Bà hoàng-hậu lại gần, nói nhút nhát rằng:

« Thầy ơi! Chỉ có đức Thầy với tín-đồ là an-lạc hơn hết thôi. Tôi muốn được như Thầy với bọn tín-đồ, cùng tu niệm. Nhờ Thầy lấy lòng từ mà cho vào.»

Đức-Phật lặng thinh.

Hoàng-hậu tiếp:

« Tôi không còn màng cảnh-trần. Ở thế nào có vui! Bây giờ tôi mới hiểu mùi đời là giả, nên mong tu thân. Nhờ Thầy cho vào làm tín-đồ. Tôi còn biết nhiều người phụ-nữ rất nhiệt-thành về tôn-giáo, nhờ thầy cho chúng-tôi nhập làm tín-đồ.

Đức Phật còn lặng thinh.

Hoàng-hậu tiếp nửa:

Tôi không còn thích với đền-đài. Thành-thị là chỗ mờ-mịt tối-tăm, khăn-áo mặc nó nặng hoẳng, vòng chuỗi đeo nó trầy tay, tôi chỉ mong thờ tôn-giáo thôi.

Hàng phụ-nữ có đạo nghĩa rất sốt-sắng để noi gương tốt.
Nhờ đức Thầy nhận cho chúng tôi vào tu.
Đức Phật nín lặng đến lần thứ ba.
Hoàng-hậu khóc ròng, bà phải trở về cung.

Bà chưa nãn lòng, còn định gặp đức Phật để cố nài. Đức Phật ngồi trong vườn hoa gần thành Vaiçali. Hoàng hậu hớt tóc, mặc đồ rất đơn sơ mùi nâu, bà đi bộ đến ngài.

Bà cố chịu đau chơn, mệt người. Khi bà ghé trước phòng đức Phật, bụi bậm đống đầy mình. Bà không dám bước vào, đứng khóc trên thềm. Đức A-năng-Đa thoạt đi qua, thấy bèn hỏi rằng :

« Sao bà lại đến đây? Sao bà ăn mặc như thế? Bà đứng trước cửa phòng Thầy mà làm gì?

— Tôi không dám bước vào tận mặt Thầy. Đã ba lần tôi khẩn cầu vào làm đệ-tử mà Thầy không đáp lại một câu nào. Nay tôi trở lại nữa, để xin vào tu và xin giùm cho chị-em phụ-nữ có lòng thành.

— Để tôi vào bạch cho.

A-năng-Đa bước vào, tâu rằng : « Bạch Thầy! Hoàng-hậu đến đứng phia trước. Bà không dám ra mắt Thầy, vì sợ Thầy không nhậm lời. Bà đã có lòng thành-tín, thế nào Thầy chẳng giúp cho ? Ngày xưa, bà thường dưỡng Thầy rất kỉ-cang. Hôm nay Thầy có thể đoái tới bà và cho hàng phụ-nữ nhập vào làm tín-đồ. Có nhiều bà nhiệt-thành về tôn-giáo và có cang-đảm để giữ đạo lành.

— A-năng-Đa ơi! Đệ-tử không nên giới thiệu để bọn nữ nhập với bọn Nam.

A-năng-Đa lui ra, nói với hoàng-hậu rằng :

— Thầy không nhận lời, nhưng bà không nên vội nãn chi.

Qua hôm sau A-năng-đa vào viếng đức Phật, tâu rằng : « Bạch thầy, hoàng-hậu chưa ra khỏi vườn hoa. Bà nhớ lúc còn xuân. Bấy giờ bà thân của đức Thầy còn sinh-tiền, vốn là một bực mĩ-nhân quí hơn hết. Bà Mâyâ sắp sinh ra con trai, bà dì thương như con ruột của bà. Bà thân qua đời, từ ấy bà dì trông

nom đứa trẻ phải số mồ-côi rất sớm. Nào săn-sóc, nào thuốc thang, bao giờ bà cũng làm vừa ý đức Thầy luôn. Trẻ ấy lớn, lập nên công-nghiệp to-tác trên vủ-trụ, thành ra một cây đại-thọ che mát cho cả ngàn bực có đức. tài. Bây giờ bà ấy đến nhờ một chỗ nhỏ dưới bóng cây, thế mà cũng không được toại lòng. Thầy rất công-minh, xin Thầy cho hoàng-hậu nhập làm tín-đồ.»

Đức Phật suy nghĩ, kế nói rất nghiêm rằng: « Nầy A-năng-đa! ra nói với hoàng-hậu rằng ta sẳn lòng rước, nhưng phải chịu lề phép gắt gao: hễ là vãi dầu cho tu được trăm năm cũng phải chào sãi mới vô một ngày, đứng dậy mà tỏ dấu cung kỉnh nhiều. Vãi phải nghe sãi quở trách và giảng-giải đạo cho. Vãi nào có tội nặng thời trong mười lăm ngày phải chịu tội trước mặt cả tín-đồ vừa nam vừa nữ. Cô nào muốn vào làm đệ-tử của ta thời ròng-rả trong hai năm phải bền lòng và ăn-ở trong sạch luôn. Vãi không có quyền chỉ-bảo và ra lịnh, hoặc khiến sãi làm việc gì. Lại sãi có quyền chỉ bảo và ra lịnh để sai khiến vãi.»

Hoàng-hậu lấy làm đẹp, chịu tuân theo lịnh của đức Thầy. Bà vào nhập làm tín-đồ. Ít tháng sau đã có đờn bà vào đông, noi theo gương bà.

Nhưng một hôm đức Phật phán với A-năng-Đa rằng:

«Nếu đàn bà không được nhập vào hội tăng, thời sự trong sạch còn giữ được lâu, lòng tín-ngưỡng cao-thượng và mạnh-mẻ vẫn còn sáng đến một ngàn năm. Nhưng trót vì đàn bà đã nhập vô rồi, thời lòng trong sạch sẽ giảm lần đạo ta chỉ còn mạnh trong khoản năm trăm năm thôi.

36.— Phật trừ bọn tà đạo.

Đức Phật sang thành kia mà vào vườn hoa của nhà thương gia cúng hôm xưa (vườn Jeta)

Một hôm, vua Prasénajit đến viếng Ngài.

« Bạch thầy, hôm qua có sáu thầy tăng mới vào thành của trẫm. Họ không phải một đạo với Thầy. Họ khoe với trẫm có nhiều phép thuật và nhận rằng đạo Thầy không cao bằng phép của họ. Trẫm tưởng rằng họ nói không thật, nhưng nhờ Thầy làm cho họ kiêng oai. Thầy là người giải cứu nhơn loại. Thầy nên ra mặt mà làm cho họ không còn dám làm thói tự cao.

Đức Phật đáp :

— Bệ-hạ truyền cất một tòa nhà rộng, gần thành. Bảy ngày phải cho xong. Tôi sẽ đến. Và Bệ-hạ lo hiệp mấy tên đạo-sĩ giả dối lại. Chừng ấy Bệ-hạ sẽ thấy họ với tôi, ai có phép mầu hơn. »

Vua về truyền lịnh lập một tòa nhà.

Mấy thầy sãi tầm-thường kia cũng trông đến ngày kỳ hẹn đặng đấu tài. Trong mấy ngày trước họ bịa ra nhiều chuyện dối để gạt những người có lòng thành với Phật Thích-Ca và lấy làm ghét những người không đồng-đạo với mình. Về phần đức Phật, thời ở xứ ấy, chẳng có ai khác có thế tin-cậy hơn là ông hoàng em ruột vua. Ông hoàng lấy làm khinh bỉ bọn ấy, nên bọn nó định báo thù cho đã mới vừa lòng.

Ông hoàng vẫn đẹp trai một hôm đi ngang vườn hoa. Bổng có hoàng-hậu cũng đi dạo vườn, bà bẻ một cành hoa mà ném qua ngài. Bọn ác-tăng hay được, liền đi đọc với vua rằng ông hoàng muốn trèo-đèo đến chị dâu. Vua nghe tin, giận dử, bèn truyền lịnh chặt tay-chơn của ông hoàng Kâ-la, không cho kêu oan một lời.

Ông hoàng rên la, bằng-hữu đều xúm khóc chung-quanh. Một tên ác-tăng đi ngang. Một người kêu lại bảo rằng:

« Đâu người làm cho chúng tôi thấy phép-thuật coi nào.

Người biết ông hoàng bị tội oan, người thử làm lành lại xem.

Tên ác-tăng ấy đáp :

— Ông hoàng tin con nhà họ Thích, sao mấy bác không nhờ người ấy trị lành lại cho?

Ông hoàng Ca-la (Kâ-la) ngâm lên :

«Đức Thầy chung cả nhơn loại thấy sự khổ của tôi nầy! Ta nên thờ-kính đức Đại-từ Đại-bi, cứu-khổ cứu-nạn!»

Thình lình thấy A-năng-Đa đứng ngay trước mặt ngài mà hô lên rằng :

— Ông hoàng! Đức Thầy sai tôi đến đây cứu ngài đây. A-nan-đa liền đọc vài câu thi, ông hoàng hóa lại nguyên hình và đi theo về vườn hoa. Đức Phật rước rất vui và nhận ông hoàng Ca-la vào bọn tín-đồ.

Ngày tranh hay dở đến. Vừa sáng sớm, vua đã ngự tại tòa nhà làm sẵn rồi. Sáu thầy tăng đã có ở đó rồi. Họ ngó nhau mà cười. Một thầy nói: Bệ-hạ! Chúng tôi đến trước rồi. Một thầy khác tiếp: Người mà ta đương chờ, biết dám lại hay chăng?

Vua phán :

— Không nên nhạo người. Thầy ấy có phép nhiều. Hôm nọ, ta xử chặt chân tay em ta mà thầy đã cứu cho rồi. Biết đâu thầy có ở đây mà mình chẳng thấy à!»

Vua vừa dứt lời, một lần hào-quang bắt túa ra mà phủ cả tòa nhà. Lần lần trong bớt, sau mới sáng rỏ ra thời thấy Phật hiện ra trong ánh hào-quang hãy còn một chút, có hai người hộ, A-năng-Đa và ông hoàng Cala mỗi người cầm một cành hoa trên tay, A-năng-Đa cầm hoa đỏ, Cala cầm hoa vàng, hoa rất quí lạ. Không có ở trần-gian.

Vua nhìn trân. Bọn ác-tăng hết cười. Đức Phật phán :

«Bao giờ vắng mặt trời thời bượm chói sáng luôn, nhưng bóng hồng lộ ra thời con bướm khốn-nạn tối đen. Mấy kẻ bất tài lên mặt mà xưng hô, đến chừng có đức Phật thời nín lặng, kinh tâm.»

Bọn đạo sĩ lấy làm lo sợ và thấy vua có tuồng khinh bỉ

họ nhiều, nên thảy đều cúi đầu xuống rất thẹn.

Thình linh trọn cả nóc nhà đều biến mất. Mọi người nhìn ra từ phương đông qua phương tây, thấy đức Phật về một đường rộng. Ngài đi bên nầy giáp bèn kia. Tên ác-tăng giỏi hơn hết trong đảng, thấy phép lạ, chạy sãng, chạy mải, tuồng như bị một trận tinh-binh rượt theo. Chạy đến một bờ hồ, anh ta mới tròng đá vào cổ mà nhào dưới nước. Qua hôm sau, một kẻ thuyền chài vớt thây lên.

Đức thầy liền bay bổng lên trời, và ca rằng. « Nầy các tín-đồ, ta lên cõi thần-tiên. Mẹ ta mời ta lên để giảng đạo lành. Ba tháng nữa ta sẽ trở lại trần-gian. Nhưng mỗi ngày ta đều xuống hạ-giới, chỉ có một mình Xa-ri-phuông (Ça-ripoutra hay Xá-lợi-Phất) là có thể gặp được ta thôi. Ta chỉ bảo cho bụt ấy, người sẽ dạy lại các tín-đồ. »

37.— Cô Souprabhâ nhập đạo.

Ba tháng sau, đức Phật trở lại trần-gian, đi về thành Crâvasti. Ngài đi gần tới vườn hoa thời gặp một cô gái nhỏ đầu kia đi lại. Cô gái ấy là đầy-tớ của một nhà giàu-có trong thành. Người ấy hôm nay vào viếng ruộng, nên cô ta đem một bình-bát đầy cơm để chủ ăn. Cô thấy đức Phật thời rất khoăn khoái trong lòng.

Cô tưởng rằng: «Chắc là đức Thầy đây mà! Tôi được thấy tận mặt, tới để gặp Ngài. Cha chà! Chớ chi cúng dường cho Ngài thì khoái biết bao. Nhưng tôi không có gì hết.»

Cô ta thở dài. Mắt cô ngó lại bình bát cơm:

«Cơm nầy... để đem cho chủ tôi... Ôi! thân tôi đã là nô-lệ rồi dầu không vừa lòng chủ thời cũng không còn xuống thấp hơn cái phạm-vi nô-lệ nữa. Chủ có thể đánh tôi, nhưng tôi không sợ đau. Chủ có thể trói tôi, nhưng tôi không lo. Tôi quyết dâng cơm cho đức Phật.»

Cô bèn làm theo ý quyết. Đức Phật vào vườn hoa, cô gái đi ra ruộng, mặt mủi tươi cười.

Đàng xa chủ thấy cô đi lại, hỏi rằng:

Cơm đâu?

— Tôi đã cúng cho đức Phật rồi, chủ phạt thì tôi phải chịu ngay. Tôi không thẹn chút nào, vì tôi làm một việc phải nên tôi rất vui.

Chủ không phạt cô gái nhỏ, lại cúi đầu và nói rằng:

«Không, ta không phạt em đâu! Ta mê, em tỉnh. Em được tự do rồi. Từ nay em không còn làm một nô-lệ cho ta nữa.»

Cô gái nhỏ chào chủ và nói rằng:

Như chủ sẵn lòng cho, tôi sẽ đi đến vườn hoa để cầu đức Phật nhận tôi làm tín-đồ.

— Em cứ thông-thả mà đi.

Cô đến vườn hoa, được nhận làm học trò, thường nghe

ngài thuyết pháp và sau thành một vị phật bà rất lớn.

Cùng vô đạo một lược với cô gái ấy, có một cô mĩ-nhân tên cô Xu-ra-la (Souprabhâ). Cô nầy vốn con của một nhà qui-tộc ở trong thành. Cô đẹp cho đến đỗi ai thấy cũng yêu, và những hạng thanh-niên con nhà quyền-qui trong thành đều mong được cô làm vợ. Người cha tự hỏi mãi :

« Ta biết gả con cho ai. Hễ chỗ nào đi coi mà ta từ chối họ thành ra lạt-lẻo và thù nghịch với ta.»

Ông ta suy nghĩ cả ngày.

Một hôm cô hỏi rằng :

« Thưa cha ! Sao cha có tuồng lo lắng lắm vậy?

— Con ơi ! Bởi con nên cha lấy làm lo. Trong tỉnh nầy biết bao nhiêu người yêu con.

— Cha lo vì sự lựa chọn rể-con ! Ôi những hạng nam-tử ấy đáng thương hại lắm ! Họ không hiểu cái tâm chí của ta ! Xin cha đừng lo phiền. Cha cứ ra lịnh cho họ tựu lại như tục gieo cầu, rồi con sẽ chọn trong ấy một người để làm chồng.

— Được, để cha làm vừa lòng cho.

Ông cha đến tâu vua, liền có một viên quan đi truyền rao rằng: « Trong bảy ngày sẽ có hội thi kén rể. Ai yêu cô Xu-ra-la thời cứ đến nhà để cô chọn một người làm chồng. »

Qua ngày thứ bảy, những tay thiếu-niên cùng nhau lủ-lượt vào vườn hoa của cha cô mĩ-nhân. Cô ra, mình ngồi trên một cỗ xe, tay cầm một cây đại-kỳ có vẽ hình đức Thích-Ca. Cô ca tụng đạo Ngài. Mỗi người nhìn trân, không lay động, và tự hỏi rằng: « Cô ấy nói gì đó?»

Sau rốt cô kêu cả nam-tử mà rằng:

« Em không thể yêu ai trong các cậu, nhưng em không dám phụ ai hết. Ái-tình không phải sở thích của đời em mà chính em muốn nương theo cửa Phật để thoát khỏi cảnh đời. Em sẽ đến tầm Phật mà nhờ Ngài dạy đạo cho.»

Bao nhiêu những thiếu-niên đều tháo về, rất u sầu. Cô mĩ-nhân đến nghe kinh Phật, được nhập làm học-trò.

Một hôm, cô ra khỏi trường, gặp một người lúc trước yêu cô, người ấy đi chơi với vài người bạn.

Người ấy nói: «Ta phải bắt cô mĩ-nhơn nầy. Lúc trước tôi yêu cô, bây giờ tôi cũng yêu, muốn được cô lắm.» Bọn bằng-hữu đều hoan-nghinh ý-kiến của cậu. Cô mĩ-nhơn bất ngờ phải bị vây, cả bọn xúm bắt cô.

Lúc vừa bị bắt, cô tưởng Phật, vùng thấy mình bay lên. Cả dân trong thành đều tựu đến. Cô bay lửng thửng một độ, kế bay bổng lên, coi oai-nghi như hạt về trời.

Dân-chúng đều hô lên rằng:

«Đức-bà qui-hóa! Đức-bà cho chúng con biết đạo Phật cao-thượng là dường nào! Người trong sạch như đức Bà bao giờ lụy về ái-tình.»

38.— Phật làm cho cô công chúa xấu trở nên đẹp.

Nhà vua có một gái chưa chồng, cô Viroûpa. Cô đứng tuổi cập-kê, nhưng người cô xấu lắm, cho đến không có một ông hoàng nào, không có một nhà tướng nào đưa tin đến. Mấy bác thương-gia cũng không yêu.

Có một khách phương xa mới đến ở trong thành, người giàu-có. Vua nghĩ rằng: «Chàng nầy chưa thấy công-chúa, chắc không lẽ từ.» Vua cho mời chàng đến.

Găng-ga (Ganga) được vua triệu, lấy làm sang. Chàng ta vốn con nhà nghèo, nhờ buôn-bán mà làm giàu, cho nên không bao giờ dám đèo bồng cưới vợ là một cô công-chúa. Chàng chịu cưới. Vua phán rằng:

«Được! Tối nay chàng sang đây mà rước công-chúa về.»

Chàng dưng theo. Trời tối mịt, cưới xong mà anh rể chưa biết mặt vợ. Công-chúa theo về nhà chồng.

Qua hôm sau, chồng thấy rỏ mặt vợ, thấy xấu mà kinh. Chàng muốn dời về, nhưng không dám, sợ vua bắt tội khinh quân. Túng thế phải để lại, nhưng chàng đống cữa phòng kín-mít, không cho công-chúa ra ngoài.

Công-chúa buồn rầu. Cô ráng làm vừa ý chồng, nhưng không hiệu nghiệm gì. Chàng ta không màng đến vợ, không muốn nói chuyện với vợ.

Chàng Găng-ga đi ăn lễ. Mỗi ngày chàng vui về yến-tiệc luôn. Nhưng chàng không dắc vợ đi, sợ chúng bạn chê-cười và nói một mình rằng: «Thà chịu phạt năm trăm đồng vàng, chớ không để người ta cười mình.»

Hôm ấy, công-chúa buồn hơn ngày thường. Cô biết chồng đi đâu, nên khóc tủi mà rằng:

«Cái đời như vầy mà vui thú nỗi gì. Chồng tôi rất khinh tôi và oán ghét tôi, nhưng tôi nào dám trách, vì người tôi xấu vô cùng, cho đến không còn ai muốn nói chuyện với tôi. Thà thác là xong.»

Cô lấy một sợi dây treo lên và tròng cổ vào.

Bấy giờ, đức Phật đương tự hỏi rằng: «Để coi, hôm

nay trong thành nầy, có ai là khốn nguy? Ta sẽ đi cứu ai bây giờ?»

Phật có phép mầu, biết công-chúa bị nạn. Ngài bay đến nhà, vào trong. Công-chúa còn hơi thở. Phật mở dây. Cô thở dài, ngó chung quanh, biết Phật đến cứu, cô bèn qui lạy và cúng Phật một thức ăn. Đức Phật liền phán: «Nầy, công chúa hãy xem gương.»

Công-chúa vâng theo, lấy làm ngạt nhiên và mầng. Cô hóa ra đẹp đẽ như tiên. Cô muốn bái tạ nữa, nhưng Phật đã biến mất rồi.

Chàng Găng-ga ăn lễ, anh em ngạo rằng:

«Sao anh không đem vợ đi? Chắc vợ anh đẹp lắm nên anh không dám giới-thiệu với bạn chớ gì! Anh xấu quá!»

Chàng ta không biết đáp thế nào. Chàng ăn tiệc không vui. Một người bạn đưa ra một ly rượu, mời rằng: «Anh uống chơi nào! Người ta cười mà anh muốn khóc sao? Cười với anh em nào! Uống anh! Rượu nầy, uống vào thời vui liền.»

Chàng uống một ly. Uống nữa. Uống hừng chí. Uống đến say. Uống mãi nên ngủ mòm.

Bọn anh em hô rằng: «Anh ấy ngủ rồi, chúng ta kíp chạy sang nhà ảnh để xem vợ ảnh chơi cho biết, kẻo ảnh dấu với ta hoài.»

Mấy người bước vào. Công chúa đương soi gương. Mấy người nhìn cô, rất khen thầm, lui ra êm và nói rằng: «Bây giờ mình mới biết anh ta là không khoan-dung.»

Chàng ta còn ngủ. Bạn đánh thức mà nói rằng:

«Anh có phước nhỉ. Nhờ thần-thánh nào hộ mà anh có vợ đẹp?»

Chàng ta la lên rằng:

— Thật diễu như vậy là quá rồi. Tôi làm gì mà mấy anh ngạo tôi lắm vậy?»

Anh ta bỏ đi, buồn giận tràn hông. Chàng xô cửa ra rất mạnh, miệng còn chưởi mắng om sòm. Nhưng chàng vùng yêm đi. Chàng liền ngạt nhiên, thấy vợ đẹp lắm, cười và hỏi:

«Công-chúa đẹp như thế là nhờ bà tiên nào đó?»

Công-chúa thuật chuyện lại. Từ đó vợ chồng yên vui, và kiếm cơ hội để tỏ lòng biết nghĩa và thành tín với Phật Thích-Ca.

39.— Mĩ-nhơn kế của bọn lạc đạo.

Mấy tên ác-tăng bị nhục hôm bữa trước, bây giờ bị dân chúng khinh-bỉ nên chúng nó rất oán Phật Thich-Ca. Bọn ấy ở gần trường dạy (Giáo hội) đạo của đức Thầy : Chúng nó rình sự hành-động của Phật và Đệ-tử hết ngày sang đêm; nhưng chưa có dịp để báo thù.

Một đứa ác tăng nói với bọn nó rằng:

«Lâu nay ta để ý vào cử chỉ của bọn Thích Ca nhưng không thấy điều nào khuyết điểm. Nhưng ta phải làm cho bớt tiếng-tâm của lủ ấy đi. Tôi tưởng có thể được. Tôi biết một cô mĩ-nữ, mưu sỉ lắm, tên là cô Xảnh-Cang (Çincâ). Cô hứa giúp ta thời đánh đổ đạo Thích rất dễ.»

Bọn ác tăng cho đòi mĩ-nữ mà bảo rằng: «Cô biết bụt Thich-Ca người gọi là đức Phật chăng?

— Em chưa biết, nhưng danh tiếng người ấy lớn lắm thiên hạ đồn Phật Thích-Ca có phép rất mầu.

— Cô ơi! Người ấy là kẻ thù của bọn ta. Nó coi ta rẻ lắm và muốn hại đến đạo ta. Còn cô, có tin chúng ta thời cô hãy ráng mà gìn-giữ quyền-lợi của chúng ta. Biết rằng Thích-Ca là người tài, nhưng phụ-nữ mà thắng được nhân-tài, như Thích-Ca thời danh bia muôn thuở, lại làm gương cho các bạn má hồng.»

Cô mĩ-nữ nghe rất vừa ý, hứa sẽ đánh đổ đạo Thích-Ca.

Mỗi ngày, hễ đến giờ những học trò và các người nghe giảng kinh ra khỏi giáo-hội thời cô ta đi đến vườn hoa, mặc cái áo hường, hai tay cầm đầy những hoa. Tình cờ có ai hỏi « đi đâu » thời cô đáp : « Hỏi mà làm gì? » Cô đến gần vườn hoa, chờ đến lúc vắng, không đi vào phòng Phật, bèn đi thẳng lại với bọn ác-tăng. Ở đó sáng đêm. Rạng đông lại trở ra cửa vườn hoa, làm cho những người đi sớm gặp mình, và chậm bước đi về, ai có hỏi: «Đi đâu về sớm vậy», thì đáp : «Hỏi mà làm gì?»

Qua tháng sau, mĩ-nữ đổi cách trả lời. Hễ chiều tối, thời nói rằng: « Tôi đến vườn hoa, Phật chờ tôi», đến sáng

lại nói : « Tôi ở trong vườn Phật đi ra, tôi ở tới sáng mới về. » Nhiều người nhẹ dạ tin và ngờ rằng đạo Phật không chính đáng.

Sáu tháng sau, mĩ-nữ lấy vải độn trước bụng; người ta ngỡ rằng cô đã có thai. Mấy kẻ thường nhân đều cho rằng đạo Thích giả dối.

Đủ chín tháng, mĩ-nữ đeo một khúc cây trước bụng, đi-đứng rất chậm chạp. Một hôm chiều, cô vào trường, nhằm lúc Phật giảng kinh. Mĩ-nữ ngó Phật dạn dĩ và nói lớn lên rằng :

« Thầy giảng đạo cho dân, tiếng nói rất êm, miệng nói rất ngọt ! Em đây đã có thai, gần ngày, thế mà không chỗ để sanh con. Thầy cũng không cho dầu mở chi hết. Thầy không muốn nhìn biết săng sóc, ít nữa thầy cũng phú-thác em cho một người tín-đồ, hoặc giao em cho vua, hoặc nói với bác thương gia mua cái vườn nầy để bác ấy trông nom giùm em. Nhưng không ! Thầy không đếm đến em, thầy không lo đến đứa trẻ sắp lọt lòng. Thầy muốn vui về ái tình, mà không muốn nhọc về ái tình.

Đức Phật rất tự nhiên, hỏi :

— Nhà ngươi nói thật chăng? Chỉ có ngươi biết, ta biết thôi.

Trên trời thượng-đế thấy hết, bèn sai bốn vị thần xuống hóa ra chuột. Bốn con chuột chạy vào trong áo cô ta, cắn đứt dây. Khúc cây rớt ngay xuống đất.

Đức Phật cười : « Con của nhà ngươi đó, phải chăng? » Bọn tín-đồ đều day lại ngó sững cô ta, kẻ chưởi người khạc, kẻ đánh. Cô ta chạy đi. Khổ nhục quá, cô ta khóc lên. Thình lình, lửa phát ra đốt mĩ-nữ muốn đánh đổ đạo Phật.

40.— Phật độ người và vật.

Đức Thầy ra khỏi trường, ngừng nghỉ và giảng đạo-lý theo mấy thiền-thị và mấy làng gần. Người ta tin theo rất nhiều.

Một hôm, một ông lão với vợ mời đức Phật đến dùng cơm:

« Bạch Thầy, lâu nay chúng tôi ước-ao được nghe lời đạo-đức của Thầy. Bây giờ biết đạo lành, từ đây chúng tôi rất có lòng thành vậy.

Đức Phật đáp :

— Nhà ông mộ đạo, ta không cho là lạ, vì mấy đời trước chúng ta bà con rất gần.

Bà lảo đáp :

— Bạch Thầy, hai tôi vốn ở với nhau từ lúc nhỏ, đến nay đã già lắm rồi. Trọn đời, chúng tôi không lấy làm buồn. Không bao giờ vợ chồng nghịch-ý nhau, chúng tôi vẫn thương nhau như những ngày còn xuân, bóng đã xế, nhưng còn như lúc ban mai. Bạch Thầy ! Nhờ thầy giúp cho kiếp sau vợ chồng cùng được thương nhau như kiếp nầy.

Phật đáp: « Muốn thời được. Thần thánh vẫn hộ ông-bà luôn. »

Đức Phật đi nơi khác. Một bà lão ngồi dựa lề đường, đương gánh nước giếng. Phật lại gần, nói: « Tôi khát, bà có thế cho tôi uống một chút nước chăng? »

Bà lão nhìn một độ lâu, cảm động lắm. Bà mới khóc, và muốn hôn đức Phật. Nhưng bà không dám nói, lại khóc nhiều hơn.

Phật bảo: « Bà hôn tôi đi. »

Bà lão chạy lại hôn, và nói nhỏ rằng: « Tôi chết mà ngậm cười. Cười đã gặp đức Đại-từ Đại-bi, ngài lại cho phép tôi hôn.

Đức Phật đi. Đến một đám rừng, có một đám mục-tử với một bầy trâu. Có một con trâu rất mạnh mẻ, nó dữ tợn lắm chỉ có bọn chăng trị nó được mà thôi. Hễ nó thấy ai ngoài

xa đi lại thời nó a vào mà chém, sừng nó chém độc lắm, thường hại mạng người.

Bọn mục-tử thấy đức Phật chầm rải đi lại, liền la lớn rằng:

«Ai đi đó, tránh ra, có trâu dử.»

Nhưng đức Phật không để ý, Ngài đi ngay đến chỗ trâu ăn cỏ.

Thình lình con trâu ngước đầu lên, rống rền, đưa sừng ra và chạy lại. Mấy đứa mục run và nói: «Chắc mình kêu nhỏ người ta không nghe chớ gì.» Bỗng dưng con trâu ngừng, quì xuống mà liếm chơn đức Phật, cặp mắt lấy làm hối-hận.

Đức Thầy mơn trớn mà nói êm rằng:

«Thú ơi! Mầy phải biết rằng không có cái gì được bền bỉ ở cõi trần, chỉ có ở cõi Nát-Bàn là được an-lạc thôi. Mầy không nên khóc, hãy tin ta, tin lòng từ-bi của ta, rồi mầy sẽ đổi tánh vậy. Mầy không còn luân hồi với mấy bọn thú vật, và có công thời lên đến cỏi thần-tiên.»

Từ ngày ấy, con trâu dử hóa ra hiền. Còn trẻ mục đã nhận rằng tin đạo Thích và bố-thí cho đức Phật, đều được Ngài dạy đạo-lý và trở nên người từ thiện.

41.— Mấy trò ngồ-nghịch

Đức Phật đi đến thành Kauçâmbi, ban đầu Ngài vui, dân-chúng đến nghe rất đông, và nhiều người đã thọ phép làm học-trò. Vua trong thành tin Đạo Thích lắm, và gởi thái-tử vào làm học trò.

Nhưng ở đó, Ngài cũng gặp một việc không vui. Một hôm một người bụt lầm lỗi nặng, bị quở, nhưng bụt ta không nhận rằng mình có tội cho nên không chịu tiếng quở. Bụt biết cách mua lòng người, vả lại là người khôn-lanh, thông-thái cho nên được nhiều người nghe.

Cả giáo hội không ai nói anh ta chịu nghe. Có người bảo: « Huynh không nên tự coi mình đã biết đủ, mà không lỗi-lầm. Nên nghe lời phải; huynh nên coi các bạn cũng như những người hiểu đạo, thời họ cũng coi huynh là người hiểu đạo vậy. Nếu trong bổn-đạo không ai nghe ai thời có thế nào tiến-bộ được.

Bụt ta bèn đáp:

— Không ai được dạy tôi những sự phải quấy được, không ai quở-trách tôi được.

— Huynh không nên nói thế. Huynh đã lạc đạo rồi, lại bỏ mất việc thứ-tự đi; huynh làm cho các bạn lộn-xộn. Huynh phải đổi hẳn tánh-tình mới được. Huynh phải ở hòa thuận với người trong đạo.»

Hội đã nhứt định đuổi. Bụt ta lại nói rằng không phạm tội nên vẫn ở lại, không đi.

Đức thầy thấy lộn-xộn nên khuyên lơn bọn tín-đồ, để cùng hội-hiệp nhau mà làm lành. Không ai nghe. Một hôm có một người lại dám nói dạn-dĩ rằng:

« Thầy cứ giữ êm đi! Thầy đã tu thành thời cứ việc tu, để được thêm điều thú-vị. Còn bọn tôi cũng biết đường nẻo vậy, tuy bất đồng ý-kiến nhau, nhưng rồi cũng tầm được đạo.»

Đức Thầy không giận. Ngài muốn nói, nhưng không ai

nghe. Thấy ai cũng hờn lẫn nhau, Ngài nhứt định tách riêng ra và nói rằng :

« Ai có một người bạn có nghĩa và hiền thời có phúc lắm, dầu gặp cảnh nào khó, hai người đều có thể qua khỏi nguy. Còn ai không có bạn hiền, có khác nào một ông vua mất nước, lưu lạc ra ngoài như một thớt tượng một mình giữa rừng hoang. Thà là đi riêng còn hơn là đi chung với người điên. Người hiền đi đường vắng, nên bỏ điều ác, nên giữ sự ôn hòa, như thớt tượng đi giữa rừng hoang. »

Phật ra đi đến một làng kia, gặp một người học trò là Bhrijou, Thầy trò gặp nhau rất mừng rỡ. Kế hai người khác với em đức Phật đồng đi kiếm Phật.

Đức Phật nghĩ : cũng còn nhiều bọn học trò yêu ta và không cải nhau. »

Nhân một hôm, Ngài ngồi dưới bóng cây, nhớ đến việc lộn xộn bữa rồi. Một bầy tượng lại gần Ngài. Con lớn hơn hết trong bầy lại bờ sông, đoạn lấy nước cho cả bầy uống. Uống đã khát chúng nó không tỏ dấu cám ơn, lại cười và lấy vòi đánh trên mình con tượng cầm đầu. Đức Phật nói rằng Ngài như thớt tượng kia, đồng gặp bọn phi-ân. Thớt tượng thấy Ngài buồn, bèn lại gần nhìn ngài rất hiền-hậu và kiếm thức ăn và nước uống cho Ngài dùng.

Đức Phật trở về vườn hoa mà nhà thương-gia từ thiện đã cúng cho Ngài.

Nhưng Ngài nhớ đến chuyện hôm nọ thời không vui. Một buổi sáng kia, Ngài thấy bọn bụt ngỗ-nghịch trở lại vườn hoa, tuồng rất âu-sầu. Thiên-hạ vì nghe họ không tuân lời Ngài không còn bố thí nữa. Họ trở lại để tạ tội với Ngài. Mấy bụt bèn chịu tuân theo nghiêm lịnh Đức Phật lấy làm vui, từ lúc ấy đạo-hữu không còn rầy rà.

42.— Phật xả nghiệp cho ả ca-nhi

Một hôm, đức Phật trở lại xứ Rajâgrihâ. Có một người bà-la-môn, nhà ở xa châu-thành, ném về miệt vườn. Nhằm lúc mùa gặt, người bà-la-môn và bọn tôi tớ đương ăn tiệc mừng việc trúng mùa. Đức Thầy đi ngang, đưa bình bát ra. Mấy người nào nhìn biết thì chào Ngài và bố-thí cơm rất niềm-nở. Về phần người bà-la-môn thời lại không cho và trách rằng :

« Lão bụt, không được ở đây. Đời lão không phải là một mảnh gương tốt. Người ta làm việc, mắt trông từng mùa. Nào chủ, nào tớ đều lo cày, lo gieo, lại lo gặt-hái cái quả nhọc-nhằn. Người ta tự lo làm lấy cho có thức ăn, mới đem vào vựa rồi mới tha hồ mà ăn uống, nghỉ ngơi. Còn lão thời đi đường nầy, ngỏ nọ, cái cực của lão là chỉ đưa bình bát ra mà thôi. Lão nên tự làm lấy, tự cày ruộng và gieo giống vậy. »

Đức Phật mỉn cười và đáp rằng :

« Bác ơi ! tôi cũng cày ruộng, cũng gieo giống, công việc xong tôi cũng ăn chơi.

— Lão cày ư ? Lão gieo ư ? Ai mà tin lão ? Bò đâu ? Giống đâu ? Cày đâu ? »

Đức Thầy bèn đáp :

« Cái hột giống của tôi gieo là sự thấy biết trong-sạch. Hột giống gieo rồi, gặp mưa là nở ra, mưa là những điều lành. Tôi cầm một cái cày to, mủi cày là thông-minh, cán cày là đạo-đức ; một con bò mạnh-mẽ kéo cày, bò ấy là lòng thành. Tôi cày ở đâu là cỏ ở đó đều chết, là trừ được dục tâm, và quả gặt hái là cõi Nát-bàn. »

Đức Phật đi. Nhưng người bà-la-môn cũng đi theo, quyết nhiễm mùi đạo của Ngài.

Khi vào thành, hai người thấy công-chúng tựu nhau để xem một bọn con hát. Cô con gái của chủ gánh làm cho ai nấy đều nhìn trân. Cô đẹp đẽ và yểu điệu hơn hết ; khi cô

ra sân, những kẻ nào nóng nảy đều lấy làm mong để được giao ái-tình với cô. Cô nhảy múa, ai nấy đều ngó cô không mỏi. Cô ta tự cao quá, bèn hỏi công-chúng rằng:

« Qui-quan hãy xem đây! Em muốn biết coi trong thành nầy còn ai đẹp hơn em nữa chăng? »

Người bà-la-môn đáp:

— Cô ơi! cái đẹp của cô sao bằng cái đẹp của đức Thầy.

— À! Em muốn biết đức Thầy, ông có thể dắc em lại chăng?

Đức Phật nói: ta đây.

Ngài bước tới.

Cô ả ngó ngài một độ lâu, sau mới nói: Thầy đẹp thật, để em múa cho thầy xem.

Cô ả múa. Ban đầu múa chậm. Cô mặc đồ kín mít, chỉ thấy cái vẻ thiên-kiều trên mặt chói ra ngoài: xem như những đêm thanh mà ả hằng ẩn theo mấy vừng mây. Một vừng mây bay đi, yến-sáng chói lần ra. Múa càng mau, lần lượt bao nhiêu vừng mây đều tan hết, khăn áo đều rớt hết, ả hằng lộ ra trong ngần. Cô ta múa xây tròn, thấy hào quang rất sáng chóa mắt mình. Cô thoạt ngừng, lộ da thịt rỏ ràng.

Ai ai cũng muốn chen vào.

Đức Phật quở: « Khốn nạn! »

Phật ngó ngay cô ả. Bỗng chúc gò má cô tóp, tráng cô nhăn, mắt cô lờ; miệng cô chỉ còn ít cái răng cùng; tóc cô chỉ còn mấy sợi, bạc trắng; vai cô khòm. Phật quở cô làm cho cô thoạt nhiên hóa già, có khác nào lúc xưa Ngài quở mấy cô gái con của Ma-Vương, đến trêu ghẹo, toan đánh đổ nền đạo-đức của Ngài.

Cô ả than rằng:

« Bạch Thầy, tôi hiểu đã lầm lạc lắm rồi. Cái đẹp chỉ trong khoảnh-khắc mà tôi vẫn khoe. Bài học của Thầy, tuy có hơi dục-tốc, nhưng rồi đây tôi phải học lấy rất vui lòng. Tôi mong được học đạo Thầy, để giải thoát lấy thân. Dầu cho ngươi có để mất thời thân nầy cũng chỉ là xác-thịt thúi tha mà thôi. »

Phật nhận lời cầu-xin. Cô thành một hạng đồng-chi rất đích-đáng của Ngài.

43.— Hung-thần qui-y Phật.

Ở một xứ kia, vua thích đi săn. Một hôm vua gặp một con nai to lớn lắm, vua muốn bắn nó cho được nên rượt theo nó mãi. Nhưng con nai lẹ lắm. Vua vì theo nó mà lạc tách với quần-thần. Sau rốt, nai chạy mất, vua kiếm không được. Vua mệt và ngán, bèn dựa một gốc cây mà ngủ quên.

Trên cây có một vị hung thần thường thích ăn thịt người. Hễ ai lại gần cây thời bị ăn tươi. Vị hung-thần thấy vua thời mầng lòng, toan giết vua, nhưng nhờ có tiếng động nên vua thức. Vua biết người ta muốn hại mạng, bèn đứng dậy. Nhưng vua bị chụp nơi cổ và phải còn nằm dưới đất. Vua buộc phải khẩn rằng:

« Đại-thánh, xin tha tôi. Tôi sẽ thường dâng lễ lên đây luôn.

— Không! ta không cần lễ mễ gì hết.

— Đại-thánh có lòng tha thứ cho về, mỗi ngày tôi sẽ gởi lên một người để ngài xơi thịt.

— Không, người không nhớ lời, tha cho về mà làm gì?

— Tôi đâu dám quên. Nếu tôi quên thời Đại-thánh cứ xuống ngay đền mà bắt tôi, tôi sẽ nạp mạng ngay.

Vị hung thần chịu thả. Vua trở về thành, nhưng vua nhớ lại lời hẹn rất ghê gớm phải tuân theo thời lấy làm đau lòng.

Vua cho đòi quân-sư và thuật chuyện lại. Quân-sư suy nghĩ giây lát rồi nói rằng:

— « Tâu Bệ-hạ, trong thành có bọn tù đúng kỳ xử tử. Đem chúng nó mà nạp cho hung-thần, biết đâu thấy Bệ-hạ không quên lời hứa thời người ta cũng dung-chế cho.»

Vua nhậm lời. Có người đến nói với bọn tù rằng:

« Gần thành có một cây đại-thọ. Trên cây có một ông thần. Ai đem cơm cúng cho thần thời được ân-xá ngay.» Mỗi ngày một bọn tù có đi mà không có về.

Được ít lâu, trong thành hết tù xử-tử. Quan thái-sư ra lịnh cho mấy quan tòa xử gắt-gớm, nhưng cũng không đủ tù để nạp cho hung-thần. Đến phiên mấy đứa trộm. Trong ngục cũng hết kẻ phạm tội trộm. Mới đến kẻ hiền-lương. Vua quan truyền bắt những người già. Quân lính kéo lôi mấy ông lên rừng, rồi chúng nó phải chạy mau về, sợ hung thần bắt ăn.

Trong thành bá tánh đều lo. Mấy ông già bị ăn hết rồi. Vua lấy làm tự hối. Vua không cang đảm để cứu dân, trước không dám nạp mình. Vua nghĩ rằng :

« Không ai đến giúp ta. Nghe người ta đồn ở xứ nầy xứ kia có một người có phép thuật cao, kêu là đức Phật, ai cũng kỉnh phục vô cùng. Người ta đồn ông ấy hay đi ngao du. Ước chi ổng sang thành ta. »

Đức Phật độ biết ý vua, bèn lướt mây bay đến mé rừng ngồi dưới gốc cây. Vị hung-thần ngó thấy, bước lại ít bước! vùng mất tinh-thần, hai chơn quì xuống. Hưng-thần giận lắm thét rằng :

Nhà ngươi là ai ?

— Ta là hạng giỏi hơn ngươi nhiều.

Thầu nổi trận lôi đình và tức-tối lắm, vì người mà ở trước mặt nhục mình, mình không chụp được cho đã nư.

Hung thần giận lắm, nhưng đổi ngọt lại và nói êm rằng:

« Bạch Thầy ! Thầy là đức Thánh, tôi biết rồi, và tôi thường lấy làm thích mà hỏi đức Thánh lắm. Tôi hỏi bốn điều, đáp được thì thong thả, muốn đi đâu thì đi. Còn đáp không được thời tôi bắt và nuốt sống tự ý tôi.

— Ngươi hỏi bốn điều ấy đi.

— Thầy hãy biết rằng thuở nay không ai đáp xuôi. Tôi ăn thịt mấy ông hiền mà tôi đã hỏi, xương còn trắng trên đất đó.

— Người cứ hỏi đi.

Nín nghe cho kỉ nào.

— Người ta làm thế nào để tránh khỏi sông mê ? Làm thế nào qua khỏi biển trầm-luân mà vào bờ ? Làm thế nào tránh khỏi bảo-tố hiểm nguy ? Làm thế nào tránh khỏi luồng gió dục-tâm ?

Đức Phật đáp, rất tự-nhiên :

«Người ta muốn qua khỏi sông-mê thời phải tin theo lời Phật, tin theo đạo Phật và tin theo người trong Phật-giáo. Người ta hiểu biết điều lành thời được qua biển trầm-luân mà vào bờ. Người ta biết làm lành là tránh khỏi những bảo tố hiểm-nguy, những cuộc tang-thương. Muốn cho khỏi bị luồng gió độc của sự dục-tâm thời phải noi theo đường đạo mà thoát thân.»

Vị hung-thần nghe xong, liền qui lạy đức Phật, thờ làm Thầy và bỏ thói bạo tàn. Hai người đồng đi vào thành vua.

Vị hung-thần khi trước bèn nói:

«Bệ-hạ! Tôi tha thứ cho Bệ-hạ rồi.»

Vua lấy làm hân hạnh. Và khi hay có đức Phật đến giải cứu thời vua hô lên rằng: «Bạch Thầy, trẫm tin Thầy. Thầy cứu trẫm và cứu cả nhân-dân. Trẫm sẽ đem đời sống mà thờ trọng Ngài, đạo Ngài và chư Tăng.

44.—Đề-bà bị trục xuất khỏi Giáo-hội

Bụt Devadatta (tàu dịch Đề-bà) rất kiêu, không muốn ở dưới quyền ai, lại muốn ở ngôi đức Phật. Nhưng bụt ta biết rằng các tín-đồ không biểu đồng-tình với mình, nên muốn được gần một ông vua hoặc một ông hoàng để có chỗ dựa-nương.

Một hôm bụt suy nghĩ rằng: « Vua Vimbasâra thì già, hoàng-tử là một vị thiếu-niên cang-đảm, hằng mong nối ngôi. Ta sẽ bàn luận những điều hơn sự thiệt với hoàng-tử, rồi người cũng vui lòng mà hộ ta làm thầy trong bọn tín đồ.»

Bụt đến kiếm hoàng-tử và dùng lời khôn-khéo mà tặng rằng:

« Ngài được lên ngôi thời nước sẽ được vẻ vang. Chắc ngài sẽ khôi-phục những nước láng-diềng và chư hầu đều nạp lễ cống cho ngài. Một mình đường-đường một ông chúa-tể, thần thánh còn phải kiêng oai.

Bụt mua được lòng tin-cậy của hoàng-tử, lại được thưởng nhiều món đồ tặng rất quí. Cái tính kiêu-căng lại càng thêm cao.

Một vị tăng thấy Devadatta thường đi lại với hoàng-tử mới hồ-nghi, tâu với đức Phật. Đức Thầy cản mà rằng:

« Để cho người thong-thả đi, rồi đây ta cũng rõ sự thật vậy. Ta biết rằng hoàng-tử hoan-nghinh Devadatta, làm cho bụt phải lạc đường. Ta cứ để mà xem người tự tôn — tre và chuối có con là nhằm lúc chết — sự hoan-nghinh của hoàng-tử là chỉ làm cho Devadatta mau chết đó mà thôi.»

Devadatta tự-trọng lắm, không còn chịu Phật là cao, một hôm nói rằng:

« Bạch Thầy! Thầy tuổi cao lắm rồi; trông nom các bụt mà mệt-nhọc lắm. Thầy hãy buông đi mà suy-nghĩ đạo Thầy và để tôi coi sóc đạo-hữu cho. »

Đức Phật cười khinh.

« Người chớ lo, ta biết người tử-tế lắm. Ta biết giờ ta từ-

biệt trần-gian. Bây giờ ta còn giữ lấy tín-đồ, vả lại trong các học-trò, ta còn nhiều người tài-trí hơn người mà ta chưa cho chấp quyền. Những người ấy là đuốc ban đêm, còn người thời tài trí kém, sự sáng còn yếu hơn ngọn đèn tàn đương leo lét trong phòng! »

Bụt chào Thầy lui ra.

Thầy cho đòi đức Xã-ri-Phuông (Çaripoutra tàu dịch Xá-lợi-Phất): «Đệ-tử rảo khắp trong thành và rao rằng Devadatta lầm đường chánh, Phật không còn nhận làm tín-đồ và không biết đến những sự hành động của ông ta. Bụt không còn theo Phật-giáo, và các đạo-hữu đã trục-xuất ông ta rồi.»

Ông hiền Xã-ri-Phuông không vui mà làm phận sự ấy, nhưng đã hiểu ý của Thầy nên phải tuân theo. Công chúng nghe rao, kẻ thì nói: «Chắc là bọn tín-đồ thấy bụt thân với hoàng-tử mà ganh chớ gì.» Có người lại nói: «Có lẽ ông ta lầm lỗi to lắm nên đức Phật mới bố cáo cho bà tánh hay.»

45.— Đề-bà đốc thái-tử giết cha mà làm vua.

Đề-bà suy nghĩ :

« Thích-Ca muốn làm nhục ta. Ta sẽ làm cho người biết rằng ta không phải là hạng tri-thức thấp thường. Phải làm sao cho danh-tiếng người tiêu lần. Biết đâu ngọn đèn chong sẽ thành ra mặt trời. Nhưng vua là bạn thân của người, trợ giúp cho người. Vua còn sống thời ta không thế nào vẫy-vùng. Hoàng-tử lại thương ta, tin cậy ta. Nếu hoàng-tử ở ngôi ta mới làm thành công việc.

Bụt sang dinh hoàng-tử, tâu rằng :

« Ngài ơi, thời-cục thiệt là bất tường, nghĩ buồn thay, Những hạng đứng-đắng để cứu dân cho nước nhiều khi phải thác, chưa kịp làm chúa thiên-hạ. Đời người càng ngắn ngỏi. Bệ-hạ đương kim sống mãi, tôi lấy làm lo cho ngài.»

Bụt lại nói lâu, làm cho hoàng-tử vì non gan mà nghe theo nên định giết vua cha.

Hết ngày sang đêm, hoàng-tử cứ đi trước cung vua, để chờ lúc lén vào mà giết ngay. Quân canh thấy, nghi-ngại, bèn đem đọc với vua: «Tâu Bệ-hạ ! Thái-tử có tuồng gì mà qua lại trước cung mãi. Hay là người muốn làm chuyện không lành.»

Vua quở: « Hãy nín đi. Con ta cao-thượng, không làm việc thấp hèn.»

Quân canh cứ lo phận sự, ít lâu lại tâu với vua nữa. Vua muốn làm cho quân canh hết nghi lầm bèn cho triệu Thái-tử vào.

Hoàng-tử đến trước mặt vua thời hơi run.

— Phụ-vương cho đòi con có việc chi ?

— Con ơi, quân canh có tâu rằng ít lâu nay con có tuồng đi lại lạ-lùng, con thường qua dinh ta nhằm những lúc vắng người. Cha cho chúng nó không nói thật.

— Chúng nó tâu thật đó Phụ-vương.

Hoàng-tử rất ăn-năn, bèn quì xuống và tiếp rằng :

— Ấy con muốn giết Phụ-vương đó.

Vua thất sắc, bèn hỏi, tiếng rất đau đớn :

« Sao con muốn giết cha ?

Thời con cứ việc lên ngôi, chỉ vì sự lên ngôi mà con đem lòng thù, thời không nên.»

Ngày hôm sau, hoàng-tử được tôn vua.

Ban đầu tân-vương trọng đãi cha nhiều. Nhưng Devadatta (Đề-bà) sợ oai của vua trước, nên nói vào rằng : « Bao giờ mà vua còn thong thả thời Bệ-hạ chưa chắc ở ngôi yên. Kẻ thủ hạ của vua trước còn đông, ngài phải ra oai cho chúng nó khiếp mới được.

Vua bèn truyền lịnh nhốt cha vào ngục kín, kế ra lịnh không cho ai đem cơm vào, là cố ý cho cha mau chết.

Có khi hoàng thái-hậu được vào thăm mà đem cơm, vua ăn rất vui. Nhưng tân-vương không muốn cho thái-hậu đem đồ ăn vào. Quân canh xét cả áo quần rồi mới cho thái-hậu vào ngục. Bà dấu trong mi tóc chút ít đồ ăn, quân canh cũng bắt gặp. Sau rốt vua không còn cho bà vào thăm chồng.

Vua lấy làm oán-ghét những người tin đạo Phật và ra lịnh không cho ai sửa lại cái đền mà khi xưa vua cha thờ móm tóc và móng tay của đức Thầy. Không còn ai dâng hương đèn nữa, dơ dáy cũng không ai chùi rửa. Trong dinh có một người đàn bà rất mộ đạo, thấy thế mà đau nên muốn tầm cách để chứng lòng thành với Phật. Người ấy đi ngang đền, thấy đền bỏ liều thì ngậm-ngùi và than rằng « Đức Phật cũng biết cho, ở đây còn một người đàn bà thờ kính Ngài.»

Người ấy đánh liều vào quét dọn trong đền và dưng hoa lên bàn thờ.

Vua đi ngang thấy hoa, lấy làm trái ý mới tra hỏi.

Người đàn-bà ra chịu. Vua hỏi: « Sao dám cải lịnh ta?»

Đành rằng tôi cải lịnh Ngài, nhưng tôi trọng lịnh vua cha.

Vua giận lắm, nhảy đến chém ngay, người đàn bà té, sắp chết nhưng còn ca-tụng đạo Thích, tiếng rất thâm trầm.

46.— Đề-bà sa xuống A-tì.

Đề-bà rất nóng cầm quyền cai-trị các tín đồ của Phật Thích-Ca. Một hôm người đến nói với vua rằng:

«Bệ-hạ, Thích-Ca khinh bỉ và oán ghét Bệ-hạ lắm. Bệ-hạ có danh tiếng há không đem binh đánh phạt sao? Tôi sẽ ra đứng cầm binh.» Vua nghe theo, nhưng binh tướng vừa đến rừng Trúc-lâm, vừa thấy đức Thầy thì đều quì xuống mà ca-tụng đạo Ngài. Bụt giận lắm, bèn trở lại thành vua, xin được một thớt tượng to tác, dữ tợn, đem đến thả ra chém Phật và đạp cho nhừ. Nhưng tượng vừa thấy Phật thời hóa ra hiền và lấy vòi mà phủi bụi trên áo Ngài. Đức Phật cười rằng: «Nhờ người nên đã hai phen, có tượng lại thờ kính ta.»

Devadatta (Đề-bà) muốn tự mình ra tay. Bụt ta thấy Phật ngồi tham thuyền nơi cội cây. Bụt vát đá liệng, máu chảy ra. Ngài bèn nói: « Tội ngươi đã lớn lắm rồi, ngươi sẽ thấy sự hành phạt đích đáng. Cố sát mà vô ích. Không ai hại được mạng ta. Đến ngày nhứt định, ta mới lìa trần.»

Bụt chạy đi, định kiếm phe đẳng ở xứ khác.

Vua cha bị cầm tù, không được ăn cơm, nhưng không chết là nhờ có mảnh-lực huyền-bí nó hộ cho. Vua con muốn giết ngay bằng cách hung ác, bèn truyền lịnh xử lăng trì lấy lửa đốt dưới bàn chơn, lấy dao thẻo ống chơn và chế dầu với múi lên mà đốt. Quan án sát khóc ròng.

Vua cha chết rất thiết-tha. Ngày ấy vợ vua sanh ra một hoàng-tử. Vua thấy con thì mừng lắm. Nhưng rồi lại buồn, mới truyền quân vào ngục tha cha. Nhưng vua cha đã chết rồi.

Vua rất ăn-năn. Một hôm vua nghe hoàng-thái-hậu đưa con mình và hát rằng: « Bà chúc cho cha thương cháu như ông nội thương cha. Một hôm cha cháu đau ung độc nơi tay, đau đớn mà rên la, không có thuốc gì trị cho lành. Ông nội bèn đưa tay đau vào miệng mà nút mủ mục ung cho cha cháu. Từ ấy cha cháu mới chạy chơi, cười giỡn cả ngày. Cháu ơi! Cha cháu không thương ông nội, nhưng cháu phải thương cha. »

Vua nghe, khóc vùi, rất hối hận. Những đêm hôm tưởng như vua thấy mặt cha, chơn lở, máu chảy đầy, tưởng

như nghe cha rên-la. Vua khóc thành bịnh. Quan ngự-y Jivâka (1) đến, xem rồi tâu rằng: «Người Bệ-hạ mạnh mẽ lắm, tôi không trị được chỗ nào, chỉ có tinh-thần Bệ-hạ đau thôi. Bệ-hạ rước Phật đến mới có thể lành.»

Vua triệu đức Phật vào, thuật lại những tội lỗi và lòng hối-hận. Vua liền hết ngay. Phật dạy:

«Tiên-vương đã về thiên-cảnh rồi. Bệ-hạ nghe tôi thời biết đạo lành và không còn đau-khổ gì nữa.»

Vua truyền trong xứ không ai được chứa Devadatta.(Đề bà)

Bụt ta đến chỗ nào vua chỗ đó cũng không cho ở, đành trở về quê. Trời tối, bụt vào thành. Bấy giờ ai còn để ý mà nhìn biết ông bụt qui hóa kia đương đi một mình, trên những con đường tối đen. Bụt đi lại đền, thấy công-chúa Gương-Ba (Gopa) bèn lén bước vào.

Công-chúa hỏi: Bụt đến đây có việc gì? Hay là bụt đem tin lành của chồng ta.

— Chồng của công-chúa à? Người không đoái đến công chúa đâu. Công-chúa không nhớ người nở bỏ mà đi một mình hay sao?

— Đi mà cứu nhân độ thế, sao lại không đi?

— Người còn thương công-chúa chăng?

— Thương ta mà làm gì, người giữ lòng trong sạch để lo đạo

— Công-chúa không ghét người sao?

— Ta kính phục người lắm.

— Công-chúa không nhớ tôi à? Tôi vẫn yêu công-chúa luôn

— Nầy, ngày xưa ta đã biết trước ngươi giả-tâm, không thế tu hành. Hôm nay ta mới thấy sự thấp hèn của ngươi. Hôm nay ta đã già rồi, ta đã bén mùi đạo rồi, ngươi còn đem ái-tình mà trêu ta. Ngươi khiếp nhược lắm. Đi đi.»

Bụt bị quở, tức lắm nhảy a vào. Công-chúa đưa tay ra che thời bụt té nhào ra, huyết chảy trên đất. Bụt ta ngồi dậy chạy. Quân rượt theo bắt được, dâng đến trước Phật. Bụt ra tuồng hối hận. Trong tay đã tẩm thuốc độc, bụt qui xuống đất, quào lấy chơn Phật. Đức Thầy gạt ra thì dưới đất hở ra, một trận lửa đốt thui, đất liền lấp lại y nguyên.

---

(1) Xem tích quan ngự y Sĩ-hoa-Ca (Jivâka) trong cuốn Chuyện Phật đời xưa trương 105-112.

47.— Phật khuyên bỏ chiến tranh.

Vua tuy đã vô đạo Phật nhưng còn giữ tánh giận-hờn. Chỉ vì một việc bất-bình nhỏ mọn của một nhà quan với một người bên xứ Çrâvasti mà vua lại ra binh đánh vua xứ Çrâvasti. Quân-binh rần rộ, chiêng trống vang-tai. Hai bên đánh nhau ròng-rả trong bốn ngày. Vua kia cả thua bèn chạy về thành Crâvasti, rất lấy làm lo-lắng, âu-sầu.

Một người bước vô. Ấy là nhà đại-thương-gia đã mua cái vườn hoa đẹp nhứt trong thành mà cúng Phật Thích-Ca. Nhà thương-gia an-ủi vua, và chịu ra tiền để vua đánh báo-thù. Nhờ ân vua lại ra binh, đánh bắt được vua Ajataçatrou. Nhưng không giết, lại đem giao cho đức Phật để Ngài liệu định.

Lúc ấy đức Thầy cũng mới vừa trở lại vườn hoa trong xứ của vua Prasinajit, vua đem kẻ giặc đến và hỏi :

« Bạch Thầy! Vua nầy đánh thua bị tôi bắt. Người oán-ghét tôi, nhưng tôi tử-tế với người. Vì một cái nguyên-nhơn nhỏ-nhít mà người xuất binh đánh tôi. Người ăn tôi trước, nhưng bây giờ lại thua mà vào tay tôi. Tôi không muốn giết người, cha người lúc trước với tôi là bạn, nên tôi vì tình mà tha thứ cho.

Đức Phật phán :

Nên tha đi : hơn thua mà làm gì, hơn là bị oán ghét, thua là bị khổ-nhục. Đấng hiền-triết không màng sự hơn, thua. Ganh gổ sanh ra ganh gổ, oán ghét sanh ra oán ghét. Đấng hiền-triết không màng ganh gổ với ai mà cũng không oán-ghét ai. Giết người là người giết, hơn người là người hơn. Đấng hiền-triết không giết hại ai mà cũng không màng ai hơn thua với mình.»

Hai bên được hòa thuận nhau, mà kết làm bằng hữu. Nhân vua nầy có hoàng-tử, vua kia có công-nương, hai người giao kết về sau sẽ cho hai trẻ sum vầy.

Đức Phật vừa lòng. Hai vua không còn tranh oai, lại trở nên người đạo-đức rất cao.

48.— Phật với người mục đồng.

Đức Phật đã già. Ngài ở tại vườn hoa, nhóm nhiều bụt lại mà dạy rằng:

« Ở các trò, hãy nhớ các điều ăn-ở mà ta đã chỉ lâu nay. Giữ gìn cho vén khéo, hoàn-toàn. Mỗi tháng anh em cùng nhau hội lại hai lần, và cùng nhau bàn-luận với nhau về những sự lầm-lỗi của mình. Mình làm việc gì không chính đáng mà còn dấu là có tội không xử thật-tình. Cứ khai sự lầm-lạc đi, rồi mình mới được khỏe trí, yên tâm. Một ông bụt nên tránh bốn điều lầm to: Không được thân với đờn-bà; không được nhận lén của ai; không được sát-hại sanh-linh; không được tự xưng là có phép mầu mà chính mình không thông. Ai lỗi lầm một điều trong bốn điều ấy thời bị trục-xuất ra khỏi Giáo hội. Không nên dùng lời hoa-nguyệt mà trêu-ghẹo đàn-bà. Không nên xuối họ vướng dục-tình. Đạo-hữu không nên cáo oan cho nhau. Không nên gieo sự ác-cảm trong Giáo hội. Phải có can-đảm mà nhận lấy những lời phiền. Không nên nói dối. Không nên xúc-phạm đến ai. Tín-đồ nên giữ lấy mà tu thân.»

Ngài lại giảng thêm :

« Tươi-tỉnh nghiêm-trang là sống mãi, lẳng lơ nhẹ nết là chết luôn-luôn. Hiền-nhân vẫn tươi tỉnh nghiêm trang, được hưởng của qui là cõi Nát-Bàn. Ai có nghị-lực, ai có trí-huệ, ai biết hưởng việc lành, ai biết tính việc làm, ai ăn ở trong-sạch, ai hiểu đạo, ai tươi-tỉnh nghiêm-trang là thấy đức mình cao mãi lên. Lẳng lơ nhẹ nết là tánh của những kẻ dốt-nát, những kẻ ngu-khờ. Đấng hiền-nhân giữ tươi-tỉnh nghiêm-trang, còn kỉ hơn là anh hà-tiện giữ tiền. Ông bụt nào được tươi-tỉnh nghiêm-trang, biết lẳng lơ là hại, thời giữ đạo như những gió thổi lá khô. Ông ấy dứt bỏ những điều luyến-ái ở trần-gian mà sắp đến cõi Nát-Bàn.

Bấy giờ tựa mình trên lầu đạo-đức mà trông xuống kẻ tục, như đứng trên đảnh núi mà nhìn xuống đồng bằng.»

Trước khi lìa trần, đức Phật muốn đi chơi xa. Ngài muốn viếng vài người học trò và dặn họ giữ đạo lành. Ra khỏi thành, Ngài cùng đi với A-năng-Đa.

Một hôm, nhân ngồi nghỉ bên bờ ruộng, Ngài phán rằng:

«Đời sau ắt có người sẽ hỏi vì sao ta lại đầu thai ra khỏi lòng một người đàn-bà. Họ chưa hiểu rằng ta sinh ra được tinh-khiết vô cùng và họ nào biết rằng ta có đạo đức rất cao-xa. Tâm trí họ rất u-ám, đâu có hiểu rằng người nào lo lắng đạo lành thời thân-thế đâu có dính-dấp với sự ô-uế khi mới ra đời. Đấng lập thành đạo cả, phải đầu thai ra khỏi lòng người đàn bà; đã thương người đời thời phải sinh ra ở cõi trần. Nếu đấng ấy là Tiên-Thánh thời làm thế nào hành-đạo cho thành, trò thử nghĩ, nếu Phật vốn trên trời bay xuống, thời nhơn-loại tất ngã lòng mà nói rằng: «Đức là Tiên-Thánh mới được an-nhàn, minh-mẫn và hoàn-toàn, còn chúng ta là loài người, làm sao mà so-sánh cho vừa? Rồi họ mới nản chí, còn chi là điều hay.»

Một người mục-đồng đi ngang, coi tuồng rất tự do và ôn-hòa.

— Đức Phật hỏi:

— Người là ai?

— Tôi tên Ô-hã-ni (Dhaniya).

— Người đi đâu?

— Tôi về nhà để hiệp mặt với vợ và con.

— Người có tuồng hân-hạnh lắm.

— Sẳn cơm thổi lấy, sẳn sữa hứng lấy, ở với vợ con bên mé rạch, nhà lợp lửa đốt sáng, mặt tình trời có mưa thì mưa.

— Không giận ai, không triếu ai, hôm nay nghỉ ở mé rạch, lấy trời làm nóc, lấy đất làm nền, lửa tình đã tắt tự bao giờ, mặt tình trời có mưa thì mưa.

— Dê tôi khỏi mủi mòng, bò tôi tha hồ chơi giỡn trong đồng chẳng kể dông-mưa, mặt tình trời có mưa thì mưa.

— Bè ta kết đã xong, nương đó mà qua đến Nát-bàn. Sông mê đã lướt khỏi, ta đã đến mé lành, ta không cần bè nữa, mặt tình trời có mưa thì mưa.

— Vợ nhà rất hiền. Chồng vợ cùng nhau yêu ấp đã lâu, khỏi tiếng gièm-pha của láng-diềng.

— Tri ta rất lành, khỏi vướng nợ đời, ta dưỡng tri đã lâu rất được cao-xa.

— Tôi tớ tự tôi phát tiền ; con cái tự tôi lo ăn, khỏi ai phiền hà.

— Không ai lụy ta, ta không lụy ai, ta được chút ít cũng đủ ngao-du khắp thiên-hạ, ta không màng tôi tớ mà làm gì.

— Bò cái có, bò con có, tôi lại còn có một con chó để giữ bò.

— Ta không có bò cái, bò đực, bò con, ta cũng không có chó để giữ-gìn.

Nói chuyện một độ nữa, người mục-đồng nhận ra là đức Phật bèn làm lễ và mời thẳng về nhà. Hai người vừa bước vô cữa thì trời vừa mưa Người mục-đồng lấy làm vui nói với vợ rằng: « Ta gặp đức Thầy thật là có phúc, ước gì ta cùng lo đường đạo đức để tránh luật luân-hồi thời mới hết khổ cho.

Nhưng có người đánh tiếng lên, chính là tiếng của ác-quỉ Ma-Vương. Tiếng nói rằng:

« Ai có con, thấy con thì vui, ai có bò thấy bò thì mừng, vật-chất làm vui lòng người, ai thiếu vật-chất thì không được vui lòng. »

Đức Phật cải: « Ai có con thì lo vì con, ai có bò thì lo vì bò, vật-chất nó hại người lo, ai không màng vật-chất thì khỏi lo buồn. »

Ác-quỉ bèn chạy trốn, vợ chồng người mục-đồng nghe Phật giảng đạo lành.

49.—Phật giảng đạo tại thành Vaiçâli

Đức Phật đi đến bờ sông Găng (Gange) nhằm chỗ người ta đương cất một thành lớn kêu thành Pataliputra. Ngài chào vòng thành mà nói rằng: « Ngày sau thành nầy rất vẻ-vang, anh-tài sẽ phát biện ra, một ông vua đích-đáng làm cho nổi tiếng ở hoàng-cầu » (1)

Ngài sang sông. Đến một làng kia, Ngài phải trọng bịnh, lấy làm đau-nhứt. A-năng-Đa thấy ngài tắt hơi thì khóc lên. Nhưng đức Phật nhớ lại còn nhiều người học-trò Ngài chưa thăm để dạy thêm. Lên cõi Nát-bàn thì Ngài không nỡ. Ngài dùng nghị lực mà đánh đổ trận đau nên sống như thường. Ngài mạnh-khỏe lại.

Một hôm, nhẹ bịnh, Ngài ra ngồi trước cửa, một nhà từ thiện tiếp rước, trong mấy hôm bụt A-năng-Đa ngồi gần bèn tâu rằng:

« Bạch Thầy, hôm Thầy đau tôi mất cả tinh-thần mà đã chán-ngán rồi. Nhưng biết rằng không lẽ thầy chịu bịnh. Tôi biết Thầy sẽ hết bịnh vì Thầy chưa chỉ dạy ý-kiến về Giáo-hội. Chúng tôi chưa được hiểu những lời dạy cuối-cùng, thời tôi biết rằng Thầy chưa lìa khỏi hồng trần. »

Phật phán:

Ta dạy tín-đồ không còn khuyết điểm chút nào. Ta dạy đạo xong tất cả rồi, không còn ai là không thông. Còn ai có để ý làm chủ các tín đồ, thời mới biết ý-kiến đối với Giáo-hội. Trò ơi, không bao giờ thầy để lại những ý kiến về Giáo hội. Thầy già yếu, tám mươi tuổi, thầy đi hết đường rồi. Trò nên coi trò là hoàn-toàn, khỏi phải tầm ai mà học đạo. Sau khi Thầy lìa trần gian rồi mà trò nào được tự làm đuốc sáng để soi cho mình thời trò ấy hiểu Đạo thầy và là học trò đích-đáng của thầy vậy. Trò ấy biết đường ngay mà tu thân.

Ngài đi nữa, đến xứ Hoài-xa-ly (Vaiçâli), đi khắp trong

---

(1) Ấy là vua A-dục. Xem cuốn "Lịch sử nhà Phật" chỗ tích vua A-dục (Açoka).

thành, nhà nầy sang nhà kia để lãnh lấy cơm.

Thình lình Ngài gặp ác-quỉ Ma-lanh đón, hỏi rằng: Giờ nầy nhằm lúc thầy đến cõi Nát-bàn rồi.

— Không! ta hiểu hơn ngươi, ta biết giờ nào ta đến cõi Nát-bàn. Còn vài tháng nữa ta mới lánh hồng-trần.»

Đất run. Trời gầm.

Đến chiều, Ngài mời hết các bụt ở thành và dạy rằng: «Các trò nên giữ nền Đạo học mà ta tầm ra và đã truyền lại cho các trò. Nên đi đường ngay, đặng đời thơm-tho được dài thêm mà giải-cứu cho người trần. Còn vài tháng nữa, ta về cõi Nát-bàn. Các trò ở lại không nên bỏ đạo lành. Ai đi đường thật mà không vấp thì tránh khỏi những kiếp luân hồi và tránh được nỗi khổ tâm.»

Hôm sau Ngài đi khắp trong thành để xin cơm và cùng vài người học trò đồng sang xứ Kouçinagara.

50.— Bữa cơm cuối cùng ở nhà người thợ rèn.

PHẬT và đệ-tử đều ghé tại vườn hoa của một anh thợ rèn. Chủ nhà ra chào và mời ngài dùng cơm sớm mai.

Đức Phật nhận lời. Qua hôm sau, anh thợ rèn đón rước lại dọn cơm có món thịt heo. Đức Phật chỉ thịt mà rằng: «Ngoài ta ra, không ai được ăn thứ nầy. Để riêng ta ău cho; còn các trò cứ dùng đồ khác,

Ngài ăn xong bảo rằng:

«Thịt heo ta ăn còn dư, chôn riêng, có một mình ta có thể ăn thịt heo mà thôi.»

Ngài đi, bọn học trò theo sau. Được một khoản xa xa Ngài nghe trong mình mệt và đau. A-năng-Đa rất buồn, và trách thợ rèn dọn cơm có thịt heo.

Đức thầy bảo: « Trò không nên phiền người thợ rèn, người ấy đãi thầy một bữa cơm, về sau sẽ được hưởng phúc rất to.»

Ngài dẫn lắm mới hết mệt, đi đến bờ sông kia. Nước trong, chảy chậm. Đức Thầy xuống tắm. Tắm xong, Ngài uống nước luôn và đi đến một cụm xoài. Ngài bảo một người học trò: «Xếp áo ta lại làm vỏng, rồi ta nằm lên mà nghỉ.»

Phật nằm lên, người học-trò xếp áo ngồi gần. Qua vài giờ sau, đức Phật thức dậy, đi nữa và đến xứ Kouçinagara, gần một bờ sông, trước một cụm rừng.

Thầy bảo A-năng-Đa: «Đi kiếm hai cây song đôi nhau, làm một chỗ nghỉ lên trên, trở đầu về hướng Bắc. Ta có bịnh.»

A-năng-Đa vâng theo, Thầy lên nằm.

51.— Phật nhập Niết-Bàn.

Bấy giờ không phải về mùa hoa trổ bông, nhưng hai cây làm trụ vồng đềucó hoa, hoa rụng trên vồng, mùi bay rất thơm và tự trên trời có nhiều tiếng ca hát nghe rất thâm-trầm.

Đức Phật nói với A-năng-Đa :

«Trò thử xem : không phải nhằm mùa hoa, nhưng hai cây nầy cũng có hoa, và hoa rụng trên mình thầy. Trò thử nghe trên không nhạc trỗi rất thanh. Tiên-Thánh chào mừng thầy đó. Nhưng còn một sự hoan-nghinh nữa lâu dài hơn, là các nam nữ tín-đồ, những nhà từ-thiện, những người biết chân lý, những người hiểu đạo lành, là nên tôn trọng đức Phật vậy. Trò ơi, nên giữ đạo lành, và cho đến những việc làm nhỏ-nhít cũng cứ noi theo đường chánh luôn.»

A-năng-Đa khóc; bước ra ngoài để dấu nước mắt và nghĩ rằng : «Biết đâu ta chưa tỉnh-ngộ với những sự lầm lạc của ta. Ta chưa được hoàn toàn mà Thầy lại sớm về cõi Nát-bàn.»

Nhưng Phật gọi lại mà rằng: «Trò chớ than khóc nữa. Trò nhớ lời thầy đây: những nhân-vật mình thích, mình yêu, không khi nào là tránh khỏi biệt-li. Đã sống là phải chết. Đã có thì phải mất. Trò theo thầy lâu, thầy yêu trò, tâm-trí và bề ngoài, lời nói cùng sự hành-động của trò đều trung-thành, ngay thẳng luôn, thời những sự lầm lạc trước đều tan đi vậy.»

Trời tối. Bá-tánh trong thành hay rằng đức Phật nghỉ ở chỗ hai cây sanh đôi, bèn kéo đến chào mừng. Một thầy tăng già đến, nghiêng vai chào và tin theo đạo Phật. Ngài nhận thầy tăng già Soubhadra là người học trò chót của Ngài. Thầy tăng được hân hạnh mà giáp mặt Ngài.

Tối hôm ấy tốt trời. A-năng-Đa ngồi gần. Đức Thầy nói : «Có lẽ trò tưởng rằng : Không thầy thời khó làm nên. Không, trò đừng nghĩ như thế. Đạo lý hãy còn, đạo lý mà

thầy chỉ lâu nay, sau khi thầy lìa trần thời các trò noi theo đạo-lý mà cư xử.

Ngài lại nói .

«Ớ các tin đồ! Việc cố-nhiên có đó tất mất đi, không nên tiết, không nên chống trả với việc cố-nhiên.

Trí ngài bèn bay ra cõi xa vời. Mặt ngài sáng hực như đồng vàng. Ngài đến cõi Nát-bàn. Quả đất rung rinh, tiếng sấm nổ vang cả bầu trời.

Đến sáng trời mọc công-chúng trong thành làm một cái tháp cao như tháp một ông vua chung trên quả địa cầu. Người ta thiêu xác đức Thầy rất long trọng.

Sau khi đó quyền Giáo hội giao về đức Ca - Diếp (Kaçyapa) (1).

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

(1) Muốn biết lịch sử các tổ-sư, nên coi cuốn "Triết lý nhà Phật" từ trương 87.

MỤC-LỤC

SỐ	BÀI	TRƯƠNG
1	Đức mẹ nằm chiêm bao	1
2	Thái-tử ra đời.....	4
3	Ông bụt đoán vận mạng	5
4	Tham thuyền lần đầu.....	8
5	Thái-tử cưới vợ.....	10
6	Ba lần gặp khổ	15
7	Thái-tử chán sự đời.....	19
8	Gặp nhà du tăng.....	22
9	Thái-tử thoát lên rừng.....	25
10	Bắt đầu học đạo	26
11	Sáu năm khổ hạnh.....	31
12	Dưới cội Bồ-đề	36
13	Bọn quỉ Ma-Vương	40
14	Khoát nhiên đại ngộ.....	44
15	Hai người học trò đầu.....	45
16	Phật tính đi hành đạo.....	49
17	Phật sang thành Bénarès	51
18	Cuộc Thuyết pháp lần đầu	53
19	Phật thuật tích ông bụt với con dê ...	57
20	Phật thâu ba anh em Ca-Diếp	61
21	Phật ở rừng Trúc-Lâm	65
22	Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên.....	68
23	Phật làm cho người ta hết ghét đạo.	70
24	Vua cha phái sứ rước Phật về.....	71
25	Phật dạy đạo bằng tích con séo với con tôm.....	73

SỐ	BÀI	TRƯƠNG
26	Kiếp trước của Phật	76
27	Phật hành khất ngay ở quê hương	86
28	Phật viếng vợ	88
29	Phật độ em	90
30	Phật độ con	92
31	Nhà thương-gia từ thiện	94
32	Sáu ông hoàng đi tu	98
33	Phật giác ngộ cho em	100
34	Vua cha thăng hà	103
35	Bà di xin làm tín-đồ	105
36	Phật trừ bọn tà-đạo	108
37	Cô Souprabhâ nhập đạo	111
38	Phật làm cho cô công chúa xấu trở nên đẹp	114
39	Mĩ nhơn kế của bọn lạc đạo	116
40	Phật độ người và vật	118
41	Mấy trò ngỗ nghịch	120
42	Phật xả nghiệp cho ả ca-nhi	122
43	Hung thần qui-y Phật	124
44	Đề-bà bị trục xuất khỏi Giáo-hội	127
45	Đề-bà đốc thái-tử giết cha	129
46	Đề-bà sa xuống A-tì	131
47	Phật khuyên bỏ chiến tranh	133
48	Phật với người mục đồng	134
49	Phật giảng đạo tại thành Vaiçali	137
50	Bữa cơm cuối cùng	139
51	Phật nhập Niết-bàn	140

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

QUÍ NGÀI MUỐN BIẾT

những sách đạo-đức,
văn-chương, triết-lý,
trử tại hiệu
ĐOÀN-TRUNG-CÒN
số 2 đường Sabourain
SAIGON

Sách bằng chữ langsa,
sách bằng quốc-văn,
rất có giá-trị
BỎ THEO CÒ 2 SU

NHỮNG SÁCH
ĐÃ XUẤT-BẢN

TẠI HIỆU

ĐOÀN-TRUNG-CÒN

Số 2 đường Sabourain

SAIGON

1° Truyện Phật Thích-Ca 1$00

In kỳ nhì

2° Du lịch xứ Phật . . . . 0$80

Thuật chuyện một người Ăng-lê vảo xứ Phật.

3° Đạo-lý nhà Phật (gần ra kỳ nhì)

4° Chuyện Phật đời xưa. 1$00

Nói về chuyện đời xưa về nhà Phật, rất có ảnh-hưởng về luân-lý.

5° Văn-Minh Nhà Phật. 1$00

(THẦY HUYỀN-TRANG ĐI THỈNH KINH)

Sách có giá-trị về Phật học và lịch-sử.

6° Triết-lý nhà Phật. . . 1$00

Đáng cho mấy nhà khảo luận xem. Có nhiều chỗ cao xa.

7° Lịch-sử nhà Phật. . . 1$00

Sắp xuất bản đầu tháng Mars 1932.